



Báo cáo thường niên 2013

Annual Report





Báo cáo thường niên 2013
Annual Report






Mục lục

I	Thư của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	6
II	Các sự kiện tiêu biểu năm 2013	8
III	Thành tích và sự công nhận của xã hội	10
IV	Thông tin chung	12
V	Tình hình hoạt động trong năm	18
VI	Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	32
VII	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ngân hàng.	48
VIII	Quản trị Ngân hàng	54
IX	Báo cáo tài chính	66
X	Mạng lưới SHB	146





Tiếp nối những thành công trong năm 2013, Hội đồng Quản trị SHB cam kết nỗ lực hơn nữa, không ngừng đổi mới và nâng cao năng lực quản trị, điều hành nhằm thực hiện tốt các mục tiêu đã đề ra, đưa SHB lên một tầm cao mới.



I. THƯ CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý vị!

Năm 2013 là năm đầu tiên SHB hoạt động trên nền tảng vừa nhận sáp nhập ngân hàng HBB. Do đó ngay từ đầu năm, ưu tiên hàng đầu là ổn định bộ máy, tổ chức, hoạt động an toàn, kinh doanh hiệu quả. Tuy nhiên nhiều lợi thế của SHB sau sáp nhập đã được khai thác, phát huy và từng bước thu được những kết quả khả quan như huy động vốn từ tổ chức và cá nhân đạt trên 108 nghìn tỷ đồng tăng 31,3% so với cuối năm 2012, lợi nhuận sau thuế đạt 849,8 tỷ đồng, nợ xấu 4,06%. Nhiều chi nhánh của HBB cũ đang từ kinh doanh thua lỗ, nợ xấu cao đã chuyển sang kinh doanh ổn định, có lãi, tích cực xử lý nợ xấu có hiệu quả.

Năm 2013 với quy mô năng lực tài chính lớn, SHB đã khẳng định uy tín và vai trò của mình đối với nền kinh tế khi SHB trực tiếp tài trợ vốn cho nhiều dự án lớn, trọng điểm quốc gia như 5 tuyến đường thuộc Quốc lộ 1A, dự án cơ sở hạ tầng cầu đường TP. Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Nhà máy lọc dầu Dung Quất với tổng số tiền lên đến hàng chục nghìn tỷ đồng và sẽ được giải ngân trong năm 2014. Bên cạnh đó với uy tín SHB đã nhận được sự hợp tác phát triển kinh doanh của nhiều Tập đoàn, Tổng công ty lớn như Tập đoàn Dầu khí, Xăng dầu, Điện lực, Viễn thông, Hóa chất, Lương thực với doanh số lớn hơn nhiều lần năm 2012. Thêm vào đó thành công tích hợp hệ thống Core hiện đại giữa hai ngân hàng cùng với mạng lưới kinh doanh mở rộng, SHB đã phát triển nhanh quy mô khách hàng cả về chiều rộng và chiều sâu với các sản phẩm tiện ích, đa dạng. Bên cạnh đó công tác xử lý nợ xấu đã được HĐQT, Ban điều hành đặc biệt coi trọng, là nhiệm vụ trọng tâm với các giải pháp tổng thể, chuyên nghiệp và quyết liệt đã đưa tỷ lệ nợ xấu của SHB xuống 4,06%. Kết thúc năm 2013 SHB đã nằm trong Top 5 ngân hàng TMCP lớn nhất Việt Nam (ngoài các ngân hàng TMCP nhà nước).

SHB là Ngân hàng cổ phần được niêm yết trên Sở GDCK Hà Nội từ năm 2009. Bởi vậy toàn bộ hoạt động của SHB phải được thông tin công khai, minh bạch. Những thành quả SHB đạt được của năm 2013 là rất đáng tự hào nhưng quan trọng hơn những thành quả đó đã tạo ra một nền tảng vững chắc cho hoạt động kinh doanh của SHB phát triển an toàn, bền vững trong năm 2014 và những năm tiếp theo. SHB đã tạo dựng được uy tín và niềm tin của khách hàng, các cổ đông, các nhà đầu tư và cũng đem đến niềm vinh dự, tự hào cho toàn thể CBNV SHB.

Với những thành quả SHB đã đạt được trong thời gian qua có nhiều yếu tố quan trọng. Thứ nhất, HĐQT đã có chiến lược, mục tiêu hoạt động rõ ràng và phù hợp trong từng thời kỳ có tính đến dài hạn trên cơ sở chiến lược cạnh tranh tạo ra sự khác biệt. Thứ hai là năng lực quản trị điều hành, tinh thần đoàn kết, văn hóa và sự đồng lòng quyết tâm của toàn thể CBNV SHB. Thứ ba là sự hợp tác ủng hộ tích cực của quý khách hàng, niềm tin của các nhà đầu tư, cổ đông và sự giúp đỡ của các cơ quan quản lý nhà nước. Tuy nhiên những thành công trong năm 2013 của SHB sau sáp nhập mới chỉ là sự khởi đầu, còn nhiều lợi thế tiềm năng để tiếp tục khai thác, phát huy trong các năm tới.

Thư toàn thể Quý vị!

Mục tiêu SHB trong năm 2014 là đưa SHB vào Top 3 các Ngân hàng TMCP lớn nhất Việt Nam (ngoài nhóm các Ngân hàng TMCP nhà nước), tăng trưởng 20%-30% các chỉ tiêu kinh doanh, cổ tức 8%-10%, hoạt động kinh doanh phát triển an toàn, bền vững, nâng cao uy tín và vị thế của SHB trên thị trường tài chính trong nước và khu vực, thực hiện mục tiêu chiến lược của SHB năm 2015 trở thành ngân hàng bán lẻ hiện đại đa năng và năm 2020 trở thành tập đoàn tài chính quy mô lớn trong nước và khu vực.

Tiếp nối những thành công trong năm 2013, Hội đồng Quản trị SHB cam kết nỗ lực hơn nữa, không ngừng đổi mới và nâng cao năng lực quản trị, điều hành nhằm thực hiện tốt các mục tiêu đã đề ra, đưa SHB lên một tầm cao mới.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên SHB tôi xin được bày tỏ lòng tri ân tới các cơ quan quản lý đã tạo điều kiện thuận lợi cho SHB hoạt động, phát triển, các Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác đã đặt niềm tin vào SHB và hy vọng sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của toàn thể Quý vị trong thời gian tới.

Xin kính chúc Quý vị Sức khỏe, Hạnh phúc, Thành công!



Đỗ Quang Hiến



II. CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU NĂM 2013

Kỷ niệm 20 năm thành lập ngân hàng, SHB vinh dự đón nhận Huân chương lao động Hạng nhì của Chủ tịch nước, Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua và bằng khen của Ngân hàng nhà nước.



Tổ chức thành công Đại hội cổ đông năm 2013 là Đại hội cổ đông đầu tiên của Ngân hàng sau sáp nhập. Năm 2013, SHB đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao.



Tài trợ hàng nghìn tỷ đồng cho nhiều dự án trọng điểm của quốc gia như Dự án mở rộng Quốc lộ I qua các tỉnh: Khánh Hòa, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Quảng Nam...; Dự án xây dựng nút giao thông khác mức tại Ngã Ba Huế thuộc thành phố Đà Nẵng, Dự án xây dựng cầu Đồng Nai mới...; Các dự án thủy điện và truyền tải điện lớn.





Ký kết hợp tác toàn diện với Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG), Tập đoàn Công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam (TKV), Công ty TNHH Một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR), Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long (TLG), Tổng Công ty Viglacera...



Khai trương thêm Chi nhánh SHB Thái Bình, Chi nhánh SHB Sóc Trăng và Chi nhánh cấp 2 Kampong Thom tại Campuchia.



SHB chính thức là thành viên tổ chức thẻ quốc tế Visa. Như vậy SHB là thành viên chính thức của 02 tổ chức thẻ lớn nhất thế giới: Master Card và Visa Card.



Cùng với các hoạt động kinh doanh, SHB đã tổ chức nhiều hoạt động, phong trào tập thể dành cho người lao động mang bản sắc văn hóa riêng của SHB.



III. THÀNH TÍCH VÀ SỰ CÔNG NHẬN CỦA XÃ HỘI



Trên chặng đường phát triển, SHB đã dành được nhiều bằng khen, giải thưởng lớn trong nước và quốc tế

- Huân chương lao động hạng 2, Huân chương lao động hạng 3 của Chủ tịch nước;
- Bằng khen, Cờ thi đua của Chính phủ, Ngân hàng nhà nước, UBND các tỉnh, thành phố có trụ sở SHB;
- Giải thưởng Ngân hàng Tốt nhất Việt Nam năm 2010 và 2012 do tạp chí The Banker của tập đoàn truyền thông Financial Times (Anh) bình chọn;
- Giải thưởng “Ngân hàng Bán lẻ Tăng trưởng Nhất” và “Ngân hàng SMEs Tốt nhất” Việt Nam năm 2013 do Global Banking and Finance Review bình chọn;
- Ngân hàng Tài trợ thương mại Tốt nhất Việt Nam 3 năm liền 2009, 2010, 2011 do tạp chí Global Finance (Mỹ) bình chọn;
- Ngân hàng cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế xuất sắc do Wells Fargo và Bank of New York Mellon (Mỹ) trao tặng;
- Giải thưởng Thương hiệu mạnh 07 năm liên tiếp từ 2007 - 2013;
- Giải thưởng Nhân hiệu nổi tiếng Việt Nam nhiều năm liền;
- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR 500 với xếp hạng liên tục tăng lên qua các năm...





IV. THÔNG TIN CHUNG

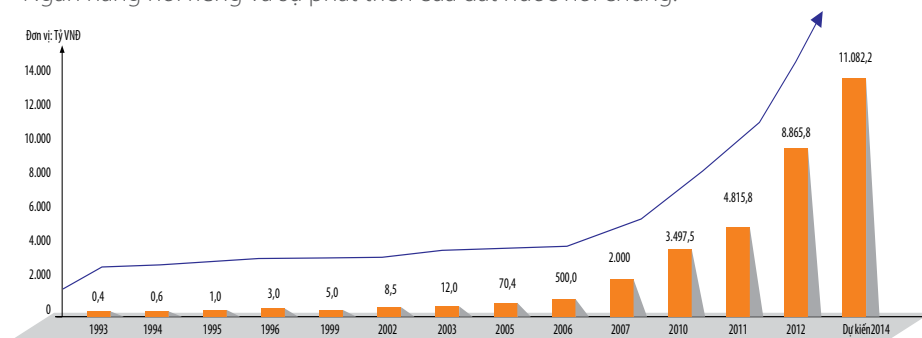
1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch:	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB).
Giấy đăng ký doanh nghiệp:	1800278630 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 17/06/2013.
Vốn điều lệ:	8.865.795.470.000 đồng.
Địa chỉ:	77 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội.
Điện thoại:	(04) 3942 3388.
Fax:	(04) 3941 0944.
Website:	www.shb.com.vn
Mã cổ phiếu:	SHB

2. Quá trình hình thành và phát triển

- 1993** - Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB), tiền thân là Ngân hàng TMCP Nông Thôn Nhơn Ái, được thành lập ngày 13/11/1993 tại Cần Thơ.
- Năm 2006, Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhơn Ái được chuyển đổi mô hình hoạt động lên Ngân hàng TMCP Đô thị và đổi tên thành Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (viết tắt là SHB).
- 2007** - Năm 2007, SHB tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng.
- Năm 2008, SHB chuyển trụ sở chính từ Cần Thơ ra Thủ đô Hà Nội.
- Năm 2009, SHB là ngân hàng thứ 3 trong khối Ngân hàng TMCP Việt Nam chính thức niêm yết 200 triệu cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- 2010** - Năm 2010 SHB phát hành thành công 150 triệu cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 3.497,5 tỷ đồng và chính thức triển khai hệ thống CoreBanking mới Intellect.
- Năm 2011, SHB chuyển đổi thành công 1.500 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi để nâng vốn điều lệ lên 4.815,8 tỷ đồng và vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước, bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 2012** - Năm 2012 SHB đã thực hiện sáp nhập Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank) đồng thời mở Chi nhánh nước ngoài tại Campuchia và Lào. SHB được Ngân hàng Nhà nước xếp loại A, thuộc Ngân hàng nhóm I - nhóm cao nhất
- 2013** - Năm 2013 SHB kỷ niệm 20 năm ngày thành lập và vinh dự đón nhận Huân chương Lao động Hạng nhì của Chủ tịch nước ghi nhận những đóng góp của SHB đối với ngành Ngân hàng nói riêng và sự phát triển của đất nước nói chung.

11.082,2
Vốn điều lệ dự kiến
2014



Quá trình tăng vốn điều lệ của SHB từ khi thành lập

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính:

Huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; Thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá khác; Kinh doanh vàng theo quy định của pháp luật; Bao thanh toán; Dịch vụ bảo quản tài sản và cho thuê tủ, két an toàn (bao gồm cả dịch vụ giữ hộ, bảo quản vàng); Ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay; Cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác.

- Địa bàn kinh doanh :



SHB đã có mặt tại 32 tỉnh, thành phố ở Việt Nam gồm: Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Đồng Nai, Đà Nẵng, Cần Thơ, Bình Dương, Nghệ An, Hải Phòng, Khánh Hòa, Lạng Sơn, Gia Lai, Vũng Tàu, An Giang, Lâm Đồng, Quảng Nam, Hưng Yên, Kiên Giang, Lào Cai, Bắc Ninh, Thanh Hóa, Huế, Bình Phước, Long An, Vĩnh Phúc, Sóc Trăng, Thái Bình, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Đồng Tháp, Ninh Bình, Tiền Giang.

Nước ngoài: CHDCND Lào (Champasack), Vương Quốc Campuchia (Phnompenh, Kampong Thom).

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

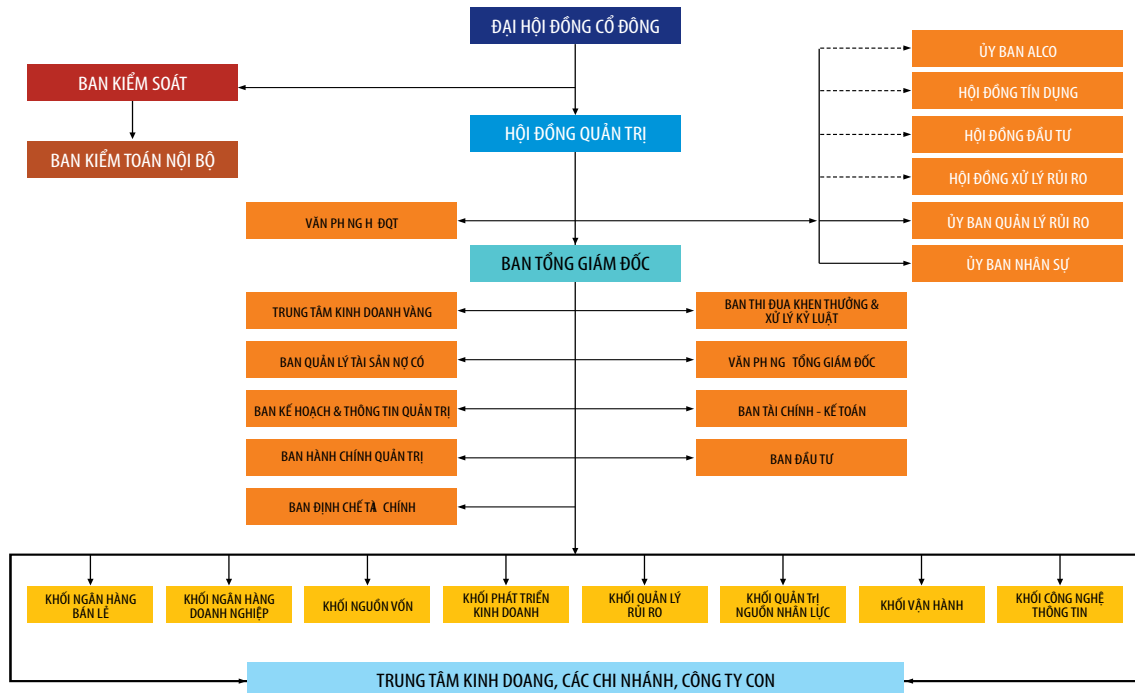
- Mô hình quản trị:

SHB thực hiện hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy theo mô hình hiện đại, tinh gọn, chặt chẽ và tối ưu phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng trong từng thời kỳ. SHB chú trọng phát huy tối đa năng lực của từng đơn vị và tạo ra sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả nhất của toàn hệ thống.

- Tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Về cơ cấu tổ chức bộ máy, SHB định hướng xây dựng theo mô hình hiện đại, hoạt động theo Khối, nhằm tập trung hiệu quả nguồn lực, đảm bảo công tác quản trị, điều hành thuận lợi, an toàn và hiệu quả.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN – HÀ NỘI



Công ty con

Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (tỷ đồng)	Vốn góp của SHB (tỷ đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
Công ty TNHH 1 thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản SHB (SHAMC)	Số 71B, Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý nợ và khai thác tài sản	20	20	100%
Công ty cổ phần Chứng khoán SHB (SHBS)	Số 2A Phạm Sư Mạnh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ tài chính chứng khoán: Môi giới, tự doanh, tư vấn đầu tư, bảo lãnh, lưu ký chứng khoán	150	147,71	98,47%

Một số Công ty khác có vốn góp của SHB

Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (tỷ đồng)	Vốn góp của SHB (tỷ đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội (BSH)	Tòa nhà AC, Lô A1A, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Kinh doanh Bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm và các hoạt động khác	300	30	10%
Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS)	TT Hội Nghị Công Đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ tài chính chứng khoán: Môi giới, tự doanh, tư vấn đầu tư, bảo lãnh, lưu ký chứng khoán	1.000	82,18	8,22%

5. Định hướng phát triển

5.1 Mục tiêu phát triển trung và dài hạn.

Ngân hàng bán lẻ đa năng hiện đại và tầm nhìn đến năm 2020 trở thành một tập đoàn tài chính hiện đại, không ngừng phát triển và từng bước vươn ra hội nhập quốc tế. Để thực hiện mục tiêu này, SHB luôn hướng tới mở rộng thị trường và khách hàng, phát triển các sản phẩm dịch vụ Ngân hàng bán lẻ, hiện đại nhằm đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ theo hướng trọn gói, cao cấp và chuyên biệt, đón đầu xu thế chung của ngành tài chính Việt Nam và thế giới. Đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào công tác quản trị điều hành, phát triển sản phẩm dịch vụ và quản trị rủi ro.

Chiến lược kinh doanh của SHB là chiến lược cạnh tranh bằng sự khác biệt nhằm tận dụng những cơ hội kinh doanh trên thị trường thông qua việc hoạch định chiến lược rõ ràng, lâu dài, chủ động công tác dự báo và điều chỉnh phù hợp cho từng giai đoạn. Nền tảng công nghệ hiện đại, đội ngũ nhân sự trẻ, nhiệt huyết và chuyên nghiệp cùng với sự đoàn kết trong quản trị và điều hành là nguồn lực tạo nên sức mạnh to lớn của SHB.

5.2 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Ngân hàng.

Xây dựng “Văn hóa SHB” tạo ra một môi trường văn hóa làm việc chuyên nghiệp và hiệu quả đồng thời khẳng định uy tín, thương hiệu bản sắc văn hóa doanh nghiệp riêng của SHB.

Không chỉ tập trung vào hoạt động kinh doanh góp phần xây dựng nền kinh tế đất nước, SHB luôn chú trọng các công tác xã hội, tham gia đóng góp vào sự phát triển cộng đồng và coi đó là một nhân tố không thể thiếu để doanh nghiệp phát triển bền vững, chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

SHB luôn cam kết trong việc bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững của đất nước. SHB luôn chú trọng công tác thẩm định dự án cho vay, trong đó một yêu cầu quan trọng được đặt ra là những dự án đó phải tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế và trong nước về bảo vệ môi trường.

6. Các rủi ro

6.1 Rủi ro về kinh tế vĩ mô

Năm 2014, dự báo kinh tế thế giới sẽ chưa hoàn toàn thoát khỏi khó khăn và tiềm ẩn nhiều rủi ro mặc dù đã có những chuyển biến đáng kể so với thời kỳ suy thoái trước đó. Kinh tế trong nước cũng phải đối mặt với nguy cơ rủi ro đến từ những bất ổn của kinh tế thế giới và nội tại nền kinh tế vẫn còn yếu. Tổng cầu của nền kinh tế vẫn ở mức thấp, vấn đề nợ xấu chưa được giải quyết triệt để, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn chưa được cải thiện nhiều.

Việc tiếp tục phát triển quy mô hoạt động, nâng cao năng lực quản trị, điều hành trong bối cảnh thị trường vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro với mức độ phức tạp ngày càng cao đòi hỏi SHB phải tập trung phát huy mọi nguồn lực, đồng thời có những giải pháp để ứng phó kịp thời trước những biến đổi của nền kinh tế.

6.2 Rủi ro đối với hệ thống các tổ chức tín dụng

Đối với các Tổ chức tín dụng nói chung và SHB nói riêng rủi ro chủ yếu đến từ nguy cơ nợ xấu vẫn duy trì ở mức cao. Bên cạnh đó, khả năng hấp thụ vốn của các doanh nghiệp vẫn còn ở mức thấp là yếu tố ảnh hưởng tới tăng trưởng tín dụng và lợi nhuận của các ngân hàng.



A vibrant, sunlit park scene with tall, mature trees and a well-maintained green lawn. The sun is positioned behind the trees, creating a bright, glowing effect and casting long, soft shadows across the grass. The overall atmosphere is peaceful and natural.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



V. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm

1.1.1 Các kết quả đạt được trong năm

- Trong năm 2013, SHB tiếp tục có những tăng trưởng vượt bậc về quy mô. Các chỉ tiêu tài chính của Ngân hàng đều tăng trưởng với tốc độ cao như: Tổng tài sản đạt 143.625,8 tỷ đồng tăng 23,2% so với cuối năm 2012; Tổng nguồn vốn huy động đạt 130.951,5 tỷ đồng trong đó vốn huy động thị trường I đạt 108.147 tỷ đồng tăng 31,3% so với cuối năm 2012; Dư nợ cho vay cá nhân và tổ chức kinh tế đạt 76.509,7 tỷ đồng tăng 34,4% so với cuối năm 2012. Với quy mô như vậy SHB hiện nằm trong nhóm các ngân hàng thương mại hàng đầu tại Việt Nam.
- Bên cạnh đó về phát triển mạng lưới, số điểm giao dịch của SHB năm 2013 đã đạt 386 điểm, số lượng nhân sự đạt trên 5.000 người, số lượng sản phẩm dịch vụ Ngân hàng cũng gia tăng đáng kể.
- Kết quả hoạt động kinh doanh của SHB đến 31/12/2013 về cơ bản hoàn thành kế hoạch hầu hết các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh.

1.1.2. Những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí ...

- Với mục tiêu hoạt động của năm 2013 là nâng cao chất lượng quản trị điều hành trong toàn hệ thống SHB; phần đầu để SHB vào nhóm 5 Ngân hàng thương mại cổ phần lớn nhất Việt Nam trong bối cảnh là năm đầu tiên SHB hoạt động trên quy mô của ngân hàng sau sáp nhập, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành cùng hơn 5.000 CBNV đã nỗ lực hoàn thành các mục tiêu và đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đưa SHB lên một tầm cao mới như: Giảm tỷ lệ nợ xấu về 4,06%; Tham gia tài trợ vốn cho nhiều dự án trọng điểm quốc gia; Tăng trưởng khách hàng và cho vay các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cho vay tiêu dùng cá nhân; Phát triển các sản phẩm dịch vụ đa dạng hiện đại tiện ích; Tái cấu trúc thành công bộ máy; Tích hợp thành công hệ thống Công nghệ thông tin của Habubank trước đây vào hệ thống của SHB; Tiết giảm đáng kể chi phí quản lý, chi phí hoạt động.
- Tổng thu nhập của SHB năm 2013 đạt 10.189,9 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là thu nhập từ lãi đạt 9.174,7 tỷ đồng, hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng 492,9 tỷ đồng, thu nhập từ dịch vụ đạt 219,4 tỷ đồng và thu nhập từ kinh doanh ngoại hối đạt 176,5 tỷ đồng. Tổng chi phí của SHB năm 2013 là 9.189,9 tỷ đồng trong đó chi phí từ lãi là 7.070,6 tỷ đồng, chi phí hoạt động là 1.860,9 tỷ đồng, chi hoạt động kinh doanh ngoại hối là 113,1 tỷ và chi hoạt động dịch vụ đạt 86,3 tỷ. Kết quả kinh doanh năm 2013 lợi nhuận trước thuế của SHB năm 2013 đã đạt trên 1.000 tỷ đồng.
- Tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn năm 2013 đều giảm mạnh. Tỷ lệ nợ xấu đến 31/12/2013 của SHB còn 4,06% giảm mạnh so với thời điểm 31/12/2012 là 8,8%; Tỷ lệ nợ quá hạn cũng giảm mạnh từ 16,65% năm 2012 xuống còn 7,13% năm 2013.

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện đến 31/12/2013	Tăng trưởng 2013/2012		% thực hiện so với kế hoạch
		(+/-)	%	
TỔNG TÀI SẢN	143.625,8	27.088,2	23,2%	106,4%
VỐN ĐIỀU LỆ	8.865,8	0	0%	100%
HUY ĐỘNG TỪ TC VÀ CÁ NHÂN	108.147	25.792,8	31,3%	105,5%
DƯ NỢ CHO VAY TCKT VÀ CÁ NHÂN	76.509,7	19.569,9	34,4%	102%
LỢI NHUẬN CÒN LẠI CỦA NGÂN HÀNG	849,7	823,7	3.160%	
TỶ LỆ NỢ XẤU	4,06%			Hoàn thành
TỶ LỆ AN TOÀN VỐN	12,38%			Hoàn thành

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Ban điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Nguyễn Văn Lê	Tổng Giám đốc	0,248%
2	Đặng Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc thường trực	0,009%
3	Lê Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc	-
4	Ngô Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	0,096%
5	Ninh Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	0,005%
6	Đặng Tổ Loan	Phó Tổng Giám đốc	0,076%
7	Nguyễn Huy Tài	Phó Tổng Giám đốc	-



Nguyễn Văn Lê,

Tổng Giám đốc

Sinh ngày 18/07/1973

- Thạc sỹ kinh tế ngành Tài chính Ngân hàng, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
- Hơn 20 năm kinh nghiệm quản lý điều hành trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.
- Giữ chức vụ Tổng giám đốc ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội) từ tháng 11/1999 đến nay.
- Liên tiếp nhiều năm đạt bằng khen của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc NHNN; Huân chương Lao động hạng Ba, Giải thưởng nhà lãnh đạo xuất sắc, nhà lãnh đạo giỏi; Có nhiều đóng góp lớn cho sự phát triển của SHB nói riêng và kinh tế xã hội đất nước nói chung.
- Ông tham gia nhiều hoạt động xã hội, từ thiện được ghi nhận.

**Đặng Trung Dũng**

Phó Tổng Giám đốc thường trực

Sinh ngày 01/06/1974

- Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tài chính, Lưu thông tiền tệ và Ngân hàng, Học viện Ngân hàng; Cử nhân kinh tế Luật, Đại học Luật Hà Nội.
- 18 năm kinh nghiệm trong hoạt động ngân hàng ở nhiều vị trí khác nhau.
- Nguyên là Giám đốc ngân hàng Bắc Á chi nhánh Hà Nội.
- Từ tháng 09/2006: Phó Tổng giám đốc thường trực ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

**Lê Đăng Khoa,**

Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 18/08/1974

- Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.
- 19 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.
- Nguyên là Giám đốc kinh doanh nguồn vốn và ngoại hối ngân hàng VIB.
- Từ tháng 03/2009: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.



Ngô Thu Hà

Phó Tổng Giám đốc
Sinh ngày 26/10/1973

- Tiến sỹ kinh tế
- 20 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.
- Từ 15/03/2011: Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng Ban Kế hoạch và Thông tin quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.



Ninh Thị Lan Phương

Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Sinh ngày 12/10/1974

- Thạc sỹ kinh tế
- 19 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.
- Từ 26/07/2008-11/06/2012: Kế toán trưởng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội;
- Từ 11/06/2012: Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng Ban Tài chính Kế toán, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

**Nguyễn Huy Tài**

Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 03/02/1974

- Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tín dụng.
- 18 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.
- Từ 03/2009-02/2013: Giám đốc Chi nhánh SHB Hà Nội, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội;
- Từ tháng 02/2013: Phó Tổng giám đốc SHB kiêm Giám đốc Chi nhánh SHB Hà Nội.

**Đặng Tố Loan**

Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 10/09/1973

- Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tài chính Tín dụng.
- 20 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.
- Từ 08/2007-10/2012: Giám đốc Chi nhánh SHB TP.HCM, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội;
- Từ 09/10/2012: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh SHB TP.HCM, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

2.2 Thay đổi trong ban điều hành

- Trong năm 2013, SHB đã bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc mới là Ông Nguyễn Huy Tài, Giám đốc Chi nhánh SHB Hà Nội giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc SHB đồng thời miễn nhiệm 02 Phó Tổng Giám đốc là Ông Bùi Tín Nghị và Ông Phạm Văn Thăng nhằm phù hợp với tình hình hoạt động của Ngân hàng.

2.3 Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Trong năm 2013, chính sách nhân sự của SHB hướng tới mục tiêu nâng cao năng suất lao động; tái cấu trúc và xây dựng mô hình định biên nhân sự tới từng vị trí chức danh; chú trọng phát triển nguồn nhân lực nội bộ; phấn đấu đưa SHB trở thành một thương hiệu tuyển dụng hàng đầu trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.
- Với chính sách tuyển dụng công khai, minh bạch, khách quan, trong năm 2013, các đợt tuyển dụng của SHB luôn thu hút nhiều ứng viên tài năng, giàu kinh nghiệm tới tham gia ứng tuyển. Với những nỗ lực của mình. Trong năm 2013 SHB đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Công ty Vietnam JobReview trao giải thưởng Top 50 doanh nghiệp tuyển dụng hàng đầu Việt Nam.

2.3.1 Số lượng cán bộ, nhân viên

- Tổng số cán bộ, nhân viên của Ngân hàng và các Công ty con của SHB đến 31/12/2013 là 5.002 người.
- Về trình độ nhân sự: Số lượng nhân sự có trình độ đại học và trên đại học chiếm 87,3% tổng số CBNV.

2.3.2 Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên

- SHB luôn coi nhân lực là tài sản quý giá nhất của ngân hàng, vì vậy công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại SHB luôn được Ban lãnh đạo ngân hàng quan tâm, hỗ trợ. SHB tạo mọi điều kiện để mỗi cá nhân người lao động phát triển nghề nghiệp đồng thời chú trọng việc xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao, tác phong chuyên nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công việc.
- SHB định hướng phát triển đào tạo theo chiến lược phát triển kinh doanh của ngân hàng trong từng giai đoạn.
- Kế hoạch đào tạo SHB được xây dựng trên cơ sở phân tích xu thế phát triển của thị trường tài chính ngân hàng trong khu vực và của Việt Nam, đồng thời dựa trên khảo sát nhu cầu phát triển hàng năm của cán bộ nhân viên SHB.
- Các hình thức đào tạo tại SHB được đa dạng hóa nhằm tạo điều kiện cho người lao động chủ động và có nhiều cơ hội tham gia đào tạo.
- SHB tài trợ toàn bộ chi phí đào tạo khi tham gia các khóa đào tạo do SHB tổ chức cũng như các khóa đào tạo do SHB cử tham dự nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người lao động tại SHB đều có cơ hội được đào tạo và phát triển.
- Bên cạnh thực hiện các chương trình đào tạo, SHB cũng chú trọng vào tổ chức các hội thảo bên ngoài và nội bộ, mời các chuyên gia nổi tiếng, giàu kinh nghiệm về lĩnh vực kinh tế, tài chính ngân hàng tới tham dự nhằm giúp cán bộ nhân viên kịp thời tháo gỡ các khó khăn.
- Các chương trình đào tạo tại SHB luôn được học viên đánh giá cao về tính đa dạng,

ứng dụng trong công việc và giúp bổ sung các kỹ năng chuyên môn, nâng cao năng lực quản lý cho nhiều đối tượng.

- Các chương trình đào tạo được thiết kế xây dựng theo hướng chuẩn chức danh đối với các chức danh chính trong ngân hàng, cũng như dựa trên yêu cầu năng lực thực hiện công việc tại từng vị trí chức danh.
- Đối với cán bộ nhân viên có kinh nghiệm, SHB chú trọng công tác đào tạo nâng cao nghiệp vụ nhằm mục đích tạo nguồn nhân sự dự trữ, quy hoạch cán bộ nguồn đáp ứng nhiệm vụ kinh doanh của SHB đồng thời tạo cơ hội thăng tiến nghề nghiệp cho cán bộ nhân viên có năng lực của Ngân hàng. Phát huy lợi thế nguồn giảng viên nội bộ có kinh nghiệm, chuyên môn cao là lực lượng nòng cốt hướng dẫn đào tạo nghiệp vụ và chia sẻ kinh nghiệm thông qua các chương trình đào tạo, hội thảo nghiệp vụ nâng cao trong toàn hệ thống.
- Đối với đối tượng là cán bộ nhân viên tân tuyển, SHB xây dựng các chương trình đào tạo hội nhập nhằm cung cấp cho người lao động các kiến thức chung, tổng quan về SHB; Bố trí cán bộ có kinh nghiệm lâu năm kèm cặp và huấn luyện các cán bộ trẻ nhằm giúp cho người lao động mới tuyển hội nhập nhanh và làm quen với văn hóa của SHB.
- Hàng năm SHB tạo điều kiện để cán bộ quản lý có điều kiện tham gia học tập, tham quan các Ngân hàng nước ngoài thông qua các khóa đào tạo, hội thảo nước ngoài do SHB phối hợp cử cán bộ tham gia.
- Bên cạnh các hoạt động học tập, đào tạo cho người lao động, SHB chú trọng công tác đánh giá hiệu quả cuối khoá học và đánh giá định kỳ tác động đào tạo trên cả 04 cấp độ.
- Ngoài ra, SHB cũng chú trọng phát triển các ứng dụng công nghệ trong đào tạo thông qua việc triển khai hệ thống học tập và kiểm tra trực tuyến; Xây dựng thư viện điện tử với nhiều tài liệu, kiến thức nghiệp vụ, kỹ năng tác nghiệp; Xây dựng các phần mềm theo dõi và quản lý hoạt động học tập và đào tạo của mỗi cá nhân trên toàn hệ thống; Xây dựng diễn đàn trao đổi thảo luận về các vấn đề đã được học giúp việc học tập của các cán bộ nhân viên trở nên thuận lợi và dễ dàng.
- SHB tổ chức các kỳ kiểm tra, đánh giá nghiệp vụ trên toàn hệ thống, nhằm tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội và dành thời gian để hệ thống hóa các kiến thức chuyên môn đồng thời đánh giá chất lượng đội ngũ để đào tạo hoặc khuyến khích tự đào tạo bổ sung các nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng còn yếu và thiếu.

2.3.3 Chế độ lương và khen thưởng

Chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ của SHB được thực hiện với phương châm: Nguồn thu nhập ổn định để người lao động yên tâm gắn bó với ngân hàng. “Sống nhờ lương, giàu nhờ thưởng” là phương châm được SHB đề ra và nỗ lực thực hiện. Về quy định chung, SHB có các chế độ cơ bản như sau:

- Chính sách tiền lương được gắn với kết quả thực hiện công việc trên cơ sở căn cứ kết quả đánh giá lao động định kỳ.
- Hàng năm nhân viên được hưởng chế độ thưởng cho các đơn vị, cá nhân tiêu biểu trong năm, thưởng có sáng kiến mới, thưởng trong các dịp lễ tết của quốc gia và kỷ niệm thành lập Ngân hàng. Đặc biệt bên cạnh chế độ thưởng theo kết quả, hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị, SHB còn tiến hành thưởng hàng năm với các tập thể và cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, vượt các chỉ tiêu kế hoạch.

- Chế độ nâng lương cấp bậc được thực hiện định kỳ hàng năm đối với cán bộ nhân viên đạt xếp loại cả năm là loại A và B. Chế độ nâng lương kinh doanh và nâng lương trước hạn được căn cứ kết quả thực hiện công việc và đóng góp cho SHB của mỗi cán bộ nhân viên.
- Đối với cán bộ nhân viên đạt thành tích xuất sắc được tặng Bằng khen/Giấy khen hàng quý/năm, ngoài phần thưởng về vật chất, Ngân hàng thưởng thêm các chuyến du lịch nước ngoài (Châu Âu, Châu Á,...) tùy theo từng đối tượng nhằm tạo động lực và khuyến khích tinh thần làm việc của CBNV.

2.3.4 Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội

- Tất cả nhân viên chính thức của SHB đều được hưởng các khoản phúc lợi theo các quy định của Bộ Luật Lao động. Người lao động tại SHB được ngân hàng chi trả thay các khoản về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và công đoàn phí.
- Bên cạnh đó, nhân viên của Ngân hàng SHB còn nhận được các phụ cấp theo chế độ như phụ cấp độc hại, phụ cấp kiêm nhiệm, v.v...

2.3.5 Các chính sách khác và sinh hoạt công đoàn

- Ngoài việc thực hiện chính sách phúc lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật, SHB còn áp dụng các chương trình phúc lợi hữu ích cho nhân viên hàng năm như: cấp phát đồng phục làm việc, trang bị đầy đủ các công cụ làm việc hiện đại phù hợp với nghiệp vụ công tác, tổ chức nghỉ mát hàng năm cho toàn thể cán bộ nhân viên, chính sách cho vay ưu đãi mua nhà, ô tô, cho nhân viên vay vốn với lãi suất thấp, mua cổ phiếu với giá bằng mệnh giá phát hành với tỷ lệ theo chức danh công việc,...
- SHB thường xuyên tổ chức các hoạt động sinh hoạt đoàn thể, tổ chức hội thao bóng đá và hội diễn văn nghệ quần chúng trên toàn hệ thống nhằm tạo sự đoàn kết, gắn kết người lao động với Ngân hàng, tạo không khí vui vẻ đầm ấm để tạo động lực cho cán bộ nhân viên của Ngân hàng.
- SHB đặc biệt chú trọng tổ chức các chương trình hoạt động nhân đạo xã hội, ủng hộ từ thiện..., qua đó nhằm xây dựng tinh thần trách nhiệm vì cộng đồng của cán bộ nhân viên SHB.
- SHB chú trọng đến sức khỏe của NLD do vậy định kỳ hàng năm, SHB tổ chức khám, theo dõi sức khỏe của NLD nhằm đảm bảo hiệu quả, năng suất lao động phục vụ kế hoạch kinh doanh của SHB.

3. Công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty TNHH 1 thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản SHB (SHAMC):

- Công ty TNHH 1 thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản SHB được cấp phép thành lập theo quyết định số 508/QĐ-NHNN ngày 11/3/2009 và chính thức hoạt động vào ngày 05/12/2009. Sau hơn bốn năm đi vào hoạt động, tổng tài sản của Công ty đã tăng mạnh từ 28 tỷ (31/12/2009) lên 804 tỷ (31/12/2013). Điều đó cho thấy sự mở rộng về quy mô Công ty. Mạng lưới hoạt động kinh doanh của Công ty gồm Trụ sở chính tại Hà Nội và văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh. Năm 2013 Công ty đạt tổng thu nhập trên 65 tỷ đồng.
- Công ty có đầy đủ chức năng của một công ty quản lý nợ, bao gồm: tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tổn đọng và tài sản bảo đảm nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất; Chủ động bán các tài sản bảo đảm nợ vay thuộc quyền định đoạt của ngân hàng thương mại theo giá thị trường; Cơ cấu lại nợ tổn đọng; Xử lý các tài sản bảo đảm nợ vay; Mua bán, xử lý nợ tổn đọng...
- Bên cạnh việc đáp ứng nhu cầu về xử lý nợ và quản lý tài sản của SHB, SHBAMC còn cung ứng các hoạt động kinh doanh, dịch vụ đối với các TCTD khác trong lĩnh vực xử lý tài sản và nợ tổn đọng theo quy định của pháp luật.
- Trong năm 2013, Công ty tập trung củng cố, xây dựng tổ chức bộ máy theo hướng ổn định, nâng cao chất lượng thực hiện các hoạt động hỗ trợ SHB. Trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là nâng cao năng lực quản trị, tiết kiệm chi phí. Do đó trong năm 2013, SHB AMC tập trung vào 02 hoạt động chính là: hoạt động mua bán tài sản xử lý nợ và hoạt động bảo vệ để hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh của SHB.

Công ty cổ phần chứng khoán SHB (SHBS):

- Công ty cổ phần chứng khoán SHB (SHBS) có tiền thân là Công ty cổ phần chứng khoán Habubank (HBBS). Sau khi HBB sáp nhập vào SHB thì HBBS trở thành công ty con của SHB và đổi tên thành Công ty cổ phần chứng khoán SHB (SHBS). Trải qua hơn 5 năm hoạt động, HBBS trước khi sáp nhập chủ yếu phục vụ cho các hoạt động của Ngân hàng mẹ. Thế mạnh trước đây của HBBS là hoạt động tư vấn, đặc biệt là tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Sau khi trở thành Công ty con của SHB, SHBS thừa hưởng những giá trị lan tỏa của thương hiệu SHB, hội tụ những nhà lãnh đạo chiến lược có tầm vóc và sự hỗ trợ tối đa về tài chính cũng như các nguồn lực khác từ Ngân hàng mẹ. SHBS định hướng phát triển theo mô hình ngân hàng đầu tư, trong đó lấy hoạt động Tư vấn làm nền tảng, từ đó phát triển các nghiệp vụ Môi giới và Đầu tư.
- Tổng tài sản của SHBS đến cuối năm 2013 đạt 570 tỷ đồng với mạng lưới hoạt động gồm Trụ sở chính tại Hà Nội và Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh. Năm 2013, SHBS đạt tổng thu nhập 47,4 tỷ đồng, tổng chi phí đạt 45,7 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 1,7 tỷ đồng.
- Công ty hiện có gần 10.000 tài khoản, thị phần giao dịch duy trình trung bình ở mức 0,7% trên HNX và HSX. Thị phần của công ty đã tăng lên đáng kể, thị phần tăng từ 0,2% của năm 2012 lên 0,7% vào năm 2013 trên HNX và HSX. Hoạt động phân tích cũng được chú trọng phát triển và là công cụ hữu ích giúp bộ phận tự doanh hoạt động hiệu quả và giảm thiểu tối đa rủi ro. Mặt khác, hoạt động tư vấn cũng có dấu hiệu khởi sắc, tham gia cùng với ngân hàng mẹ SHB trong việc tái cấu trúc các khách hàng của SHB. Ngoài ra Công ty cũng tham gia hợp đồng tư vấn tìm kiếm đối tác chiến lược, thoái vốn cổ phần cho các tổng công ty, tập đoàn nhà nước..

4. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1. Quy mô vốn			
Vốn điều lệ	8.865,8	8.865,8	
Vốn chủ sở hữu	9.506,1	10.355,7	
Tổng tài sản	116.537,6	143.625,8	
Tỷ lệ an toàn vốn	14,18%	12,38%	
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
Tổng thu nhập	11.182,2	10.189,9	
Lợi nhuận còn lại của Ngân hàng	26,07	849,7	
Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ	8,80%	4,06%	
3. Khả năng thanh khoản			
Khả năng thanh toán ngay (Tỷ lệ khả năng chi trả VNĐ cho ngày hôm sau)	15,29%	18,16%	Tỷ lệ khả năng chi trả VNĐ cho ngày hôm sau theo quy định của NHNN $\geq 15\%$
Khả năng thanh toán 7 ngày	141,13%	103,22%	Tỷ lệ khả năng chi trả VNĐ 7 ngày tiếp theo theo quy định của NHNN $\geq 100\%$
Tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	18,42%	22,32%	Tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn theo quy định của NHNN $\leq 30\%$

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2013)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành:	886.083.361
Cổ phiếu quỹ:	496.186
Loại cổ phần đang lưu hành:	Cổ phần phổ thông
Số lượng cổ phần được tự do chuyển nhượng:	784.082.234
Số lượng cổ phần chuyển nhượng có điều kiện:	102.001.127

b) Cơ cấu cổ đông :**Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ**

STT	Loại cổ đông	Tổng số cổ đông	Tỷ lệ sở hữu CP phổ thông(%)
1	Cổ đông lớn	01	6,85%
2	Cổ đông nhỏ	30.724	93,15%
Tổng cộng:		30.725	100%

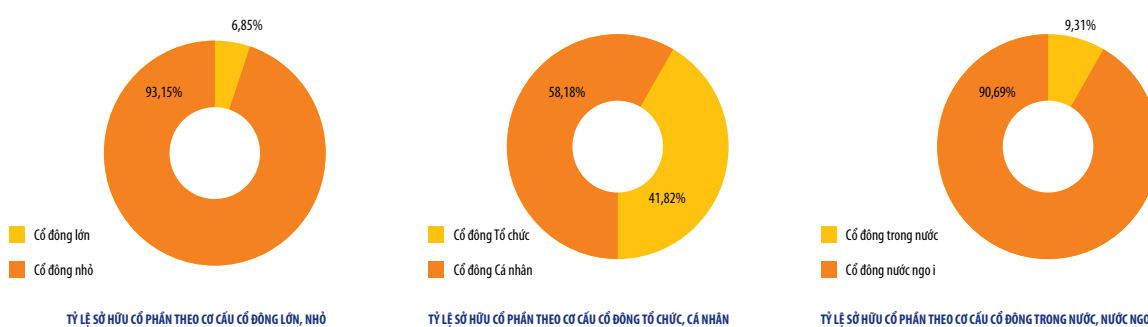
(Cổ đông lớn là cổ đông chiếm trên 5% tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ngân hàng.
Cổ đông nhỏ là các cổ đông có tỷ lệ sở hữu cổ phần dưới 5%.)

Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân

STT	Loại cổ đông	Tổng số cổ đông	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Cổ đông Tổ chức	176	41,82%
2	Cổ đông Cá nhân	30.549	58,18%
Tổng cộng:		30.725	100%

Cổ đông trong nước và ngoài nước

STT	Loại cổ đông	Tổng số cổ đông	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Cổ đông trong nước	30.561	90,69%
2	Cổ đông nước ngoài	164	9,31%
Tổng cộng:		30.725	100%

**c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Trong năm 2013, không có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại là 496.186. Trong năm 2013, không thực hiện giao dịch nào liên quan đến cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác

Không



A photograph of a sunlit forest clearing. The sun is positioned in the upper left, creating a strong lens flare and casting a warm, golden glow over the scene. Tall, slender trees with green foliage form a dense background. In the foreground, a lush, green grassy field is filled with various plants and wildflowers, some of which are in sharp focus while others are blurred. The overall atmosphere is bright, fresh, and natural.

BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



VI. BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Môi trường hoạt động

Năm 2013, kinh tế thế giới và Việt Nam dần đi vào ổn định nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro do ảnh hưởng từ suy thoái những năm trước đã ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng nói chung và ngân hàng SHB nói riêng.

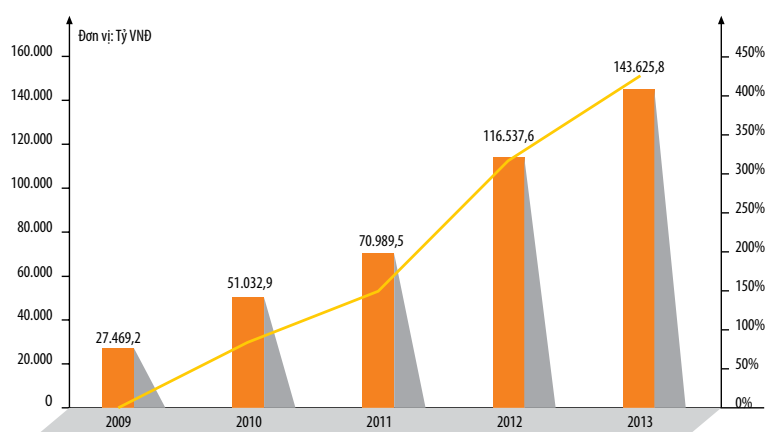
- Kinh tế thế giới năm 2013, đặc biệt là các nước có vai trò quan trọng trong quan hệ thương mại với Việt Nam như Mỹ, Châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản tiếp tục đà phục hồi chậm đã tác động không nhỏ tới kinh tế Việt Nam.
- Bức tranh kinh tế Việt Nam năm 2013 tuy đã ổn định hơn nhưng triển vọng kinh tế vẫn còn nhiều hạn chế do nội tại vẫn còn yếu. Điểm tích cực của kinh tế Việt Nam năm 2013 là tốc độ tăng trưởng kinh tế được cải thiện qua từng quý; lạm phát được kiểm chế ở mức thấp; xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng, cán cân thương mại thặng dư; nguồn vốn đầu tư nước ngoài duy trì ổn định. Tuy nhiên động lực cho tăng trưởng kinh tế vẫn chủ yếu đến từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, trong khi đó khu vực kinh tế trong nước vẫn chưa có nhiều cải thiện, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn.
- Trong năm 2013 lạm phát chỉ duy trì ở mức thấp 6,04%, đây là điều kiện thuận lợi để các TCTD giảm lãi suất huy động đầu vào (giảm khoảng 2-3% so với thời điểm đầu năm), từ đó mặt bằng lãi suất cho vay tiếp tục được điều chỉnh giảm (giảm 2-5% so với năm 2012) nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Nhờ đó, tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống năm 2013 đã đạt 12,51%, vượt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên chênh lệch giữa lãi suất đầu vào và đầu ra giảm, trong khi chi phí trích lập dự phòng rủi ro cao đã khiến lợi nhuận của hệ thống ngân hàng giảm sút.
- Bên cạnh lạm phát được kiểm chế ở mức thấp, sự ổn định của thị trường tỷ giá và ngoại hối cũng là một thành công đáng ghi nhận. Mức biến động của tỷ giá USD/VND trong năm 2013 chỉ vào khoảng 1,3% và NHNN cũng chỉ một lần điều chỉnh tỷ giá bình quân liên ngân hàng. Việc liên tục xuất siêu trong hai năm 2012-2013 kết hợp với sự gia tăng của dòng vốn FDI, nguồn kiều hối duy trì ở mức cao là những yếu tố giúp giảm sức ép lên thị trường ngoại hối. Đối với thị trường vàng, việc NHNN ban hành nhiều quy định nhằm siết chặt hoạt động kinh doanh vàng đã khiến tâm lý găm giữ, đầu cơ vàng đã giảm đáng kể. Đồng thời biện pháp đấu thầu vàng đã giúp các TCTD hoàn thành việc tất toán số dư huy động vốn bằng vàng theo quy định. Thị trường vàng và ngoại hối ổn định góp phần tạo ra môi trường kinh doanh tốt hơn cho các ngân hàng. Nợ xấu của hệ thống các TCTD đã giảm xuống chỉ còn 3,63% vào thời điểm cuối năm 2013. Đây là kết quả từ việc các TCTD đã thực hiện nhiều biện pháp quyết liệt nhằm xử lý nợ xấu và hạn chế nợ quá hạn, nợ xấu phát sinh, trong đó giải pháp bán nợ xấu cho công ty quản lý tài sản (VAMC) là một trong những phương án mà nhiều ngân hàng đã lựa chọn.
- Tiến trình tái cơ cấu hệ thống TCTD đã đạt được nhiều thành công tuy nhiên vẫn còn tồn tại thách thức là tình trạng sở hữu chéo vẫn chưa được giải quyết triệt để. Sở hữu chéo trong hệ thống TCTD tiếp tục diễn biến phức tạp và là một lực cản của quá trình tái cơ cấu hệ thống các TCTD.

1.2. Đánh giá về các kết quả đã đạt được

Mặc dù chịu ảnh hưởng từ những biến động của tình hình kinh tế vĩ mô nói chung và ngành ngân hàng nói riêng nhưng với sự đoàn kết nội bộ nhất trí cao trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, cùng sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên SHB đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động quản trị, điều hành kinh doanh của SHB được hiệu quả. Bên cạnh đó quy mô của SHB ngày càng được mở rộng, uy tín và thương hiệu SHB ngày càng nâng cao ở trong và ngoài nước.

a) Quy mô tổng tài sản

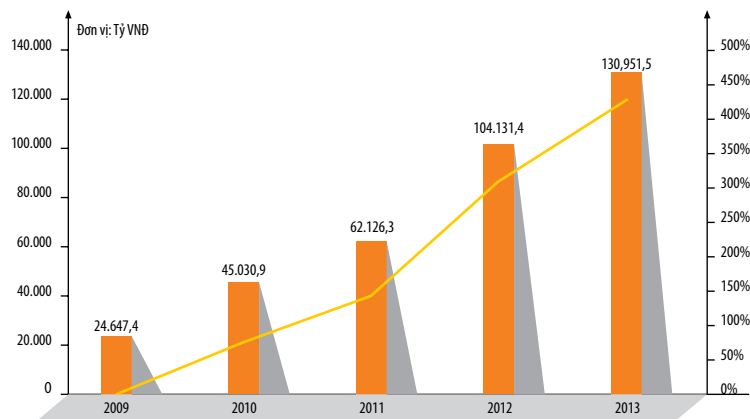
- Tổng tài sản năm 2013 của Ngân hàng đạt 143.625,8 tỷ đồng tăng 27.088,2 tỷ đồng tương ứng tăng 23,2% so với năm 2012. Mặc dù tổng tài sản năm 2013 chưa hoàn thành kế hoạch theo Nghị quyết ĐHCĐ giao là 150.000 tỷ nhưng đây cũng là mức tăng trưởng khá đồng thời đã hoàn thành kế hoạch điều chỉnh về tổng tài sản là 135.000 tỷ.
- Trong bối cảnh ngân hàng gặp phải những thách thức của kinh tế vĩ mô nhưng vẫn phải nâng cao năng lực tài chính và vị thế cạnh tranh đồng thời tập trung công cuộc tái cơ cấu hậu sáp nhập nhưng các chỉ tiêu tài chính nói chung của SHB và tổng tài sản nói riêng vẫn đạt được tốc độ tăng trưởng cao cho thấy những nỗ lực to lớn của HĐQT, Ban Điều hành và toàn thể CBNV Ngân hàng.



TỔNG TÀI SẢN VÀ TĂNG TRƯỞNG QUA CÁC NĂM GIAI ĐOẠN 2009 - 2013

b) Hoạt động quản lý và huy động vốn

- Trong năm 2013 trần lãi suất huy động kỳ hạn dưới 06 tháng tiếp tục được NHNN điều chỉnh giảm từ 7,5% xuống còn 7% nối tiếp xu hướng giảm trần lãi suất huy động kéo dài từ năm 2012 đến nay. Do vậy mặt bằng lãi suất huy động từ đầu năm đến cuối năm 2013 đã giảm 2%-3%.
- Trong bối cảnh đó, để thực hiện kế hoạch kinh doanh nhằm phát triển mạnh huy động nguồn vốn từ thị trường l, ngay từ những tháng đầu năm 2013 SHB đã ban hành hàng loạt các sản phẩm huy động vốn đa dạng, phong phú phù hợp với đặc thù của từng địa bàn hoạt động nên đã góp phần vào sự tăng trưởng huy động vốn từ Tổ chức kinh tế và cá nhân đặc biệt là tiền gửi tiết kiệm từ dân cư tăng rất mạnh so với năm 2012.
- Kết quả đạt được đến 31/12/2013, tổng nguồn vốn huy động của SHB đạt 130.951,5 tỷ đồng trong đó nguồn vốn huy động TT1 của SHB đạt 108.147 tỷ đồng tăng 25.792,8 tỷ đồng tương ứng tăng 31,3% so với cuối năm 2012. Đây là mức tăng trưởng khá cao so với tăng trưởng chung của hệ thống ngân hàng không những giúp SHB hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch huy động vốn mà còn đưa thị phần huy động vốn TT 1 của toàn SHB so với hệ thống ngân hàng đến cuối năm 2013 tiếp tục tăng trưởng mạnh.
- Huy động vốn từ tiền gửi tiết kiệm của dân cư tăng mạnh chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong cơ cấu nguồn vốn huy động từ tổ chức kinh tế và cá nhân thể hiện tính ổn định bền vững trong tăng trưởng nguồn vốn huy động của SHB.

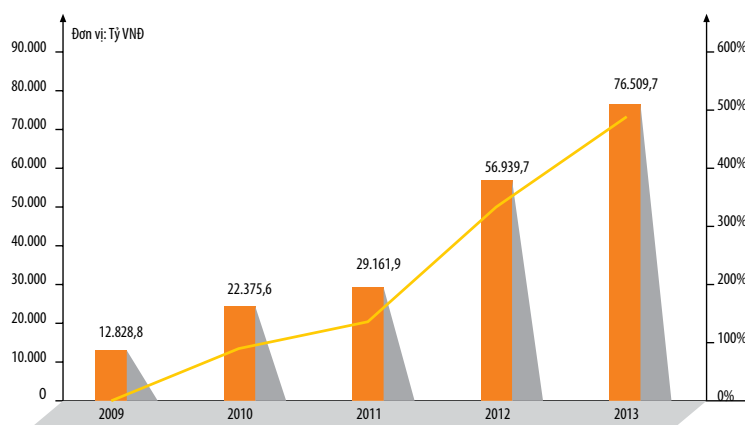


TỔNG NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG VÀ TĂNG TRƯỞNG QUA CÁC NĂM GIAI ĐOẠN 2009 - 2013

c) Hoạt động tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng

- Bối cảnh kinh tế năm 2013 tuy đã có những chuyển biến tích cực nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro như: hoạt động của các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ nợ xấu vẫn ở mức cao, tổng cầu của nền kinh tế vẫn ở mức thấp... Do vậy để thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng theo kế hoạch năm 2013 là một áp lực lớn trong bối cảnh việc tăng trưởng tín dụng phải luôn chú trọng đảm bảo chất lượng tín dụng. Ngay từ đầu năm 2013, SHB đã đề ra kế hoạch phát triển tín dụng với chính sách khách hàng

cạnh tranh về lãi suất cho vay, dịch vụ Ngân hàng cùng với sản phẩm tín dụng đa dạng đã tạo điều kiện cho các đơn vị kinh doanh SHB phát triển. Dư nợ cho vay cá nhân và tổ chức kinh tế đến cuối năm 2013 đạt 76.509,7 tỷ đồng, tăng 19.569,9 tỷ đồng tương ứng tăng 34,4% so với năm 2012.



TỔNG DƯ NỢ VÀ TĂNG TRƯỞNG QUA CÁC NĂM GIAI ĐOẠN 2009 - 2013

- Cơ cấu danh mục tín dụng năm 2013 của SHB theo ngành hàng, khách hàng đa dạng và tập trung vào một số ngành ít rủi ro như: tập trung đẩy mạnh khách hàng cá nhân có thu nhập trung bình trở lên, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh xuất khẩu, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng hóa thuộc lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn; Các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty lớn. Đồng thời SHB đẩy mạnh cho vay đối với các lĩnh vực được khuyến khích phát triển tín dụng theo chủ trương của Chính phủ và NHNN, giảm thiểu rủi ro và tạo nền tảng khách hàng vững chắc cho SHB.
- Bên cạnh đó, SHB cũng đẩy mạnh tập trung vốn cho nhiều dự án trọng điểm của quốc gia là các dự án công trình giao thông vận tải theo hình thức BOT (BT) như dự án mở rộng quốc lộ I qua Khánh Hòa, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, xây dựng nút giao thông khác mức tại Ngã Ba Huế - TP. Đà Nẵng, xây dựng nút giao thông khác mức tại Ngã Ba Huế thuộc thành phố Đà Nẵng, xây dựng cầu Đồng Nai mới, các dự án xây dựng nhà máy thủy điện, đường dây truyền tải điện lớn,... Đây là những dự án tạo tiền đề cho SHB phát triển tín dụng trong cuối năm 2013 và đầu năm 2014 đồng thời tạo điều kiện để phát triển khách hàng và các dịch vụ khác của Ngân hàng.
- Công tác thu hồi xử lý nợ quá hạn, nợ xấu được đặc biệt chú trọng trong năm 2013 và triển khai mạnh nên hiệu quả thu hồi nợ xấu đạt kết quả tương đối tốt. Kết quả đạt được giúp tỷ lệ nợ xấu của SHB giảm mạnh từ 8,8% vào thời điểm cuối năm 2012 xuống còn 4,06% thời điểm cuối năm 2013, đồng thời hoàn thành kế hoạch ĐHCĐ đưa tỷ lệ nợ xấu về còn xuống dưới 5%. Tỷ lệ nợ quá hạn cũng giảm mạnh từ 16,65% năm 2012 xuống còn 7,13% năm 2013.
- SHB thực hiện chính sách duy trì và thận trọng trong việc cấp tín dụng, rà soát đánh

giá lại tình hình tài chính của từng khách hàng để điều chỉnh hạn mức tín dụng cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh, phương án sản xuất kinh doanh trong giai đoạn bối cảnh kinh tế nhiều khó khăn.

- Công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro từng nghiệp vụ NH nhằm nâng cao khả năng cảnh báo phát hiện sớm rủi ro đối với các hoạt động của SHB được chú trọng. Đảm bảo từng quy trình nghiệp vụ đều được xây dựng kiểm soát trước trong và sau khi phát sinh. Vì vậy cũng hạn chế rủi ro trong hoạt tín dụng, hạn chế phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu mới trong bối cảnh kinh tế khó khăn nợ xấu toàn hệ thống ngân hàng vẫn ở mức cao.

d) Hoạt động dịch vụ

Hoạt động thanh toán quốc tế

- Năm 2013, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn do ảnh hưởng của kinh tế thế giới và trong nước nhưng hoạt động thanh toán quốc tế của SHB vẫn tăng trưởng mạnh. Đồng thời chất lượng dịch vụ thanh toán quốc tế của SHB luôn đạt ở mức độ cao theo tiêu chuẩn quốc tế với tỷ lệ điện thanh toán đạt chuẩn cao trên 98%.
- Với hệ thống các Ngân hàng Đại lý ở nước ngoài rộng khắp đã đảm bảo việc cung cấp các dịch vụ thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại nhanh chóng, an toàn cho các khách hàng của SHB hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu.
- Cuối năm 2013, SHB đã thiết lập được mạng lưới Ngân hàng Đại lý trên khắp thế giới với tổng số hơn 400 đại lý tại các Châu lục: Châu Âu, Á, Mỹ, Úc, Phi với nhiều tên tuổi lớn như Citi Bank, Bank of New York, Deutsche Bank, Korea Exchange Bank, Bank of China, Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Wells Fargo Bank N.A, ... Đồng thời SHB đã triển khai nhiều sản phẩm tiện ích với các ngân hàng đại lý như: LC UPAS với ngân hàng Unicredit (Italia), chuyển tiền trong ngày với ngân hàng Bank of New York cho thị trường Hàn Quốc, Đài Loan, sản phẩm Payment Decision Service cho phép ngân hàng đại lý tự động chuyển đổi số tiền bằng USD sang đồng tiền bản địa tại nhiều quốc gia,...
- Hoạt động Bao thanh toán xuất khẩu đã được triển khai thành công. Hoạt động thanh toán biên mậu được đẩy mạnh, góp phần nâng cao thị phần của SHB.

Hoạt động thanh toán trong nước

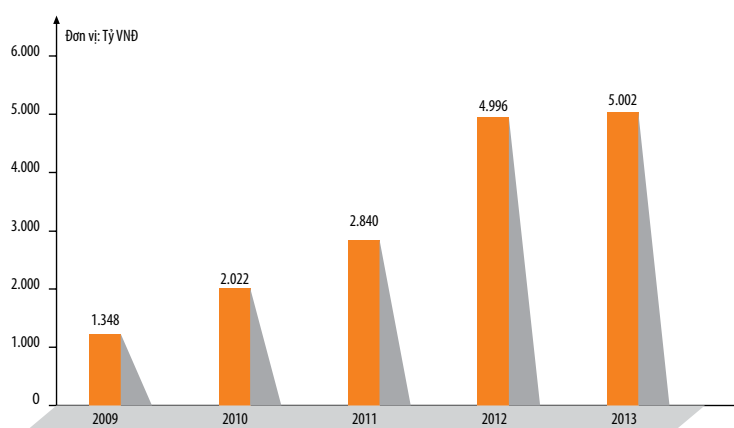
- Hoạt động thanh toán luôn đảm bảo tuyệt đối an toàn, chính xác, đảm bảo quản lý tốt nguồn vốn của khách hàng và ngân hàng. Năm 2013, SHB tiếp tục thực hiện các biện pháp đẩy nhanh tốc độ chuyển tiền, đảm bảo hoạt động hiệu quả.
- Kết quả công tác chuyển tiền thanh toán trong năm 2013 đều tăng cả về số lượng giao dịch và giá trị.
- Hoạt động thanh toán của SHB được xây dựng theo mô hình thanh toán tập trung. Mô hình thanh toán tập trung đã giúp SHB tăng tính hiệu quả quản lý và sử dụng vốn và đẩy nhanh được tốc độ thanh toán do ít phụ thuộc vào khả năng thanh toán của các chi nhánh trên địa bàn.
- SHB đã tích cực củng cố và nâng cao chất lượng dịch vụ Western Union, mang đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất, đồng thời không ngừng mở rộng mạng lưới giao dịch Western Union tương ứng với sự phát triển của SHB.

Hoạt động bảo lãnh

- Hiện nay, SHB đã phát triển mạnh dịch vụ bảo lãnh với nhiều hình thức như: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Bảo lãnh dự thầu, Bảo lãnh thanh toán, Bảo lãnh vay vốn, Bảo lãnh nộp thuế nhập khẩu, Bảo lãnh hoàn tạm ứng, Bảo lãnh phát hành chứng từ có giá, Bảo lãnh quốc tế, các sản phẩm dịch vụ khác

e) Tổ chức nhân sự và đào tạo

- Tổng số cán bộ nhân viên toàn hệ thống SHB đến 31/12/2013 là 5.002 người. Về trình độ nhân sự, số cán bộ nhân viên của Ngân hàng mẹ có trình độ đại học và trên đại học chiếm 87,3% trong tổng số lao động của toàn Ngân hàng.

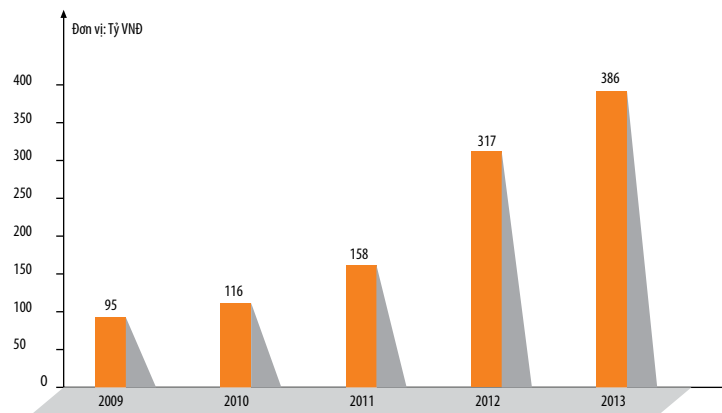


SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ GIAI ĐOẠN TỪ 2009 - 2013

- Năm 2013, công tác nhân sự tiếp tục được cơ cấu lại theo định tinh gọn tổ chức bộ máy, tiết giảm chi phí hoạt động quản lý và nâng cao chất lượng hoạt động kinh doanh.
- Đội ngũ cán bộ nhân viên được xây dựng và đào tạo có đạo đức nghề nghiệp, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn để cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Tạo lập, đào tạo văn hóa doanh nghiệp của SHB tới từng người lao động. Trang bị đầy đủ cho toàn thể người lao động các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nâng cao về hoạt động ngân hàng bằng các khóa đào tạo bên ngoài và trong nội bộ.
- Đảm bảo đầy đủ quyền lợi của người lao động về các chế độ lương, thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các phúc lợi khác.
- SHB luôn chú trọng đến chất lượng cán bộ, tuyển chọn nhân sự với yêu cầu đầu vào đạt tiêu chuẩn cao về trình độ, sức khỏe, phẩm chất đạo đức.
- Bên cạnh hàng trăm khóa đào tạo bên ngoài và nội bộ trực tiếp đào tạo, SHB tiến hành nghiên cứu và phát triển đào tạo thông qua các ứng dụng công nghệ cao trong đào tạo như: Triển khai hệ thống quản lý học tập – thi tuyển trực tuyến; hệ thống khảo sát – đánh giá chất lượng sau khóa học trực tuyến; phát triển đào tạo qua câu truyền hình;...

f) Công tác phát triển mạng lưới

- Trong năm 2013 SHB tiếp tục mở rộng mạng lưới với việc khai trương thêm 03 Chi nhánh và 05 Phòng giao dịch mới tại các vùng kinh tế trọng điểm trong và ngoài nước nâng tổng số điểm giao dịch của SHB đến cuối năm đạt 386 điểm bao gồm 1 Trụ sở chính, 54 Chi nhánh và 331 Phòng Giao dịch, Quỹ tiết kiệm tại 32 tỉnh, thành phố ở Việt Nam và tại CHDCND Lào và Vương quốc Campuchia. Ngoài ra SHB còn có 2 Công ty con là Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản (SHBAMC) và Công ty CP chứng khoán SHB (SHBS).
- Mạng lưới rộng khắp, lan tỏa tới mọi miền đất nước là một trong những yếu tố làm cho thương hiệu SHB trở nên gần gũi, thân thiết với khách hàng. Bằng việc mở rộng mạng lưới cùng với hệ thống sản phẩm, dịch vụ trọn gói, phù hợp với từng phân khúc, đối tượng khách hàng, địa bàn SHB đã đáp ứng kịp thời nhu cầu đa dạng và làm hài lòng các khách hàng.



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG CỦA SHB GIAI ĐOẠN 2009 - 2013

g) Công tác phát triển sản phẩm

- Với mục tiêu trở thành một ngân hàng bán lẻ đa năng hiện đại năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020 trở thành một tập đoàn tài chính đa năng, hiện đại, không ngừng phát triển và từng bước vươn ra hội nhập quốc tế, SHB luôn chú trọng phát triển các sản phẩm dịch vụ Ngân hàng hiện đại nhằm đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ theo hướng trọn gói, cao cấp và chuyên biệt. Các sản phẩm dịch vụ của SHB luôn đảm bảo tính đa dạng và khác biệt đảm bảo mang tới giải pháp phù hợp cho khách hàng.
- Trong năm 2013, SHB đã ban hành nhiều sản phẩm và chương trình huy động, thuận tiện, hấp dẫn với khách hàng và phù hợp với từng địa bàn có Chi nhánh SHB hoạt động như các chương trình huy động vốn: Sắc xuân, Tứ linh hội tụ, Tình yêu cho con, Kỳ phiếu ghi danh, Niềm tin lao động,... Do vậy số dư huy động vốn liên tục tăng trưởng, đồng thời qua đó đã tạo được uy tín, thương hiệu cho SHB đối với khách hàng trên toàn quốc và khai thác được tối đa lợi thế của SHB tại từng địa phương.

- Các sản phẩm tín dụng doanh nghiệp của SHB được thiết kế đa dạng phù hợp với ngành nghề hoạt động và đặc điểm của doanh nghiệp như: Tài trợ xuất khẩu lãi suất ưu đãi; Cho vay sản xuất kinh doanh cao su; Ô tô doanh nghiệp; Sản phẩm cho vay doanh nghiệp ngành rau, ngành hoa; Cho vay thu mua dự trữ thóc gạo; Cho vay ưu đãi "Đồng hành doanh nghiệp - Vươn tới thành công";...
- Bên cạnh đó, SHB đã ban hành các sản phẩm tín dụng cá nhân đa dạng, tiện ích. Các sản phẩm tiêu dùng của SHB được thiết kế theo hướng thủ tục đơn giản, thuận tiện, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đa dạng của khách hàng như cho vay mua nhà, mua ô tô, vay tiêu dùng trả góp... Đối với các hộ kinh doanh, SHB xây dựng sản phẩm cho vay bổ sung vốn lưu động trả góp áp dụng cho vay lưu động trả góp dài hạn, cho vay hộ kinh doanh biên mậu. Đối với khách hàng có thu nhập cao, SHB đã triển khai gói dịch vụ High Class, gói chăm sóc sức khỏe kết hợp với bảo hiểm áp dụng cho khách VIP với các ưu đãi vượt trội, gói dịch vụ cho các trường học chất lượng cao,...
- Với chính sách cạnh tranh về lãi suất, dịch vụ Ngân hàng đa dạng tiện ích... SHB đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển mạnh mẽ các khách hàng DN và cá nhân quan hệ giao dịch với SHB sử dụng nhiều sản phẩm dịch vụ NH.

h) Hiện đại hóa Ngân hàng

- Trong năm 2013, hạ tầng công nghệ thông tin của SHB đã được quy hoạch lại, đáp ứng yêu cầu cao nhất về tính sẵn sàng, liên tục của hệ thống. Việc quy hoạch được thực hiện theo đúng quy chuẩn từ Phòng giao dịch – Chi nhánh – Trung tâm miền – Trung tâm dữ liệu.
- Toàn bộ các dịch vụ cung cấp cho khách hàng đều được đặt trong các phân vùng mạng riêng biệt và được bảo vệ bởi cặp thiết bị tường lửa/IPS riêng biệt sử dụng thiết bị của các hãng cung cấp hàng đầu thế giới.
- SHB đã triển khai nâng cấp toàn bộ nền tảng hệ thống ngân hàng điện tử Việt Nam, Campuchia; Triển khai dự án bảo an ATM, hệ thống Monitoring ATM, dự án tiêu chuẩn bảo mật dữ liệu Thẻ (PCI DSS);... nhằm nâng cao tính an toàn, bảo mật của các hệ thống ứng dụng.
- Triển khai hệ thống chấp nhận và phát hành thẻ Chip EMV có kết nối trực tiếp với Tổ chức thẻ Quốc tế MasterCard.
- Đẩy mạnh triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới của ngân hàng nhằm khai thác tối đa tiện ích của Corebanking và Core thẻ như: Các chương trình tích điểm, đổi quà; Chương trình Thẻ cào điện tử; Chương trình quay số trúng thưởng; Ứng dụng thu nợ, thu phí Thẻ tín dụng tự động tích hợp với Core banking; Tiện ích cho Thẻ MasterCard trên internet banking, mobile banking; Tra cứu LC/Bill trên internet banking cho Khách hàng doanh nghiệp; Chức năng tự động gửi thông báo sổ tiết kiệm đến hạn cho khách hàng;...
- Xây dựng các chương trình phần mềm nhằm khai thác tối đa cơ sở dữ liệu để phục vụ hoạt động kinh doanh, công tác quản lý các nguồn lực, giám sát – quản trị rủi ro, nghiên cứu – phân tích – dự báo như: Phần mềm quản lý nhân sự; Phần mềm quản lý nội dung tài liệu (ECM); Xây dựng chức năng tiết kiệm online trên Internet banking; Xây dựng ứng dụng Mobile banking trên nền Windows phone; Nâng cấp hệ thống phần mềm Quản lý rủi ro hoạt động (ORM); Nâng cấp hệ thống Kế toán nội bộ (IAS) từ CSDL SQL Server lên CSDL Oracle; Giải pháp ảo hóa máy trạm;...

i) Công tác quản lý rủi ro

- Bộ máy quản lý rủi ro, phân định rõ ràng trách nhiệm của từng cấp trong công tác quản lý rủi ro nhằm kiểm soát toàn diện rủi ro trong tất cả các mặt.
- Hội đồng Quản trị: Phê duyệt chiến lược QLRR của SHB trong từng thời kỳ; Phê duyệt cơ cấu tổ chức, phân cấp ủy quyền QLRR; Ban hành và định kỳ xem xét lại chiến lược, chính sách, quy định, các giới hạn QLRR trên cơ sở trình của Tổng Giám đốc.
- Ủy Ban quản lý rủi ro: Tham mưu cho HĐQT trong việc phê duyệt chiến lược và mục tiêu QLRR; Giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện của Ban Tổng Giám đốc; Định kỳ hoặc đột xuất xem xét các vấn đề liên quan đến QLRR.
- Ban Kiểm soát: Đánh giá việc thực hiện các chiến lược, chính sách, quy định và giới hạn QLRR; Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ về QLRR.
- Ban Kiểm toán nội bộ: Rà soát, đánh giá độc lập về tính thích hợp và việc chấp hành các chính sách, quy định nội bộ, quy định của pháp luật, hiệu quả của công tác QLRR và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ đối với QLRR; Kiểm tra việc triển khai các chính sách và quy định, quy trình QLRR.
- Các bộ phận quản lý rủi ro tín dụng tại Hội sở bao gồm: Ban Chính sách và giám sát tín dụng; Ban quản lý và xử lý nợ có vấn đề; Ban quản lý rủi ro; Ban thẩm định tín dụng, Trung tâm hỗ trợ tín dụng, Trung tâm thẩm định tài sản, tham mưu cho Tổng giám đốc về xây dựng các chính sách, quy định, quy trình quản lý rủi ro; Thực hiện công tác giám sát, xử lý rủi ro trong công tác tín dụng và các rủi ro hoạt động của SHB tại tất cả các Đơn vị kinh doanh nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động tín dụng của SHB
- Đối với các hoạt động khác (nguồn vốn, đầu tư, kinh doanh ngoại tệ,...), Hội sở có các Trung tâm, Ban quản lý ngành dọc cùng với Ban Quản lý rủi ro thực hiện giám sát, kiểm soát chặt chẽ mọi hoạt động tại các Đơn vị kinh doanh nhằm giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động của SHB.

j) Công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ

Mục tiêu hoạt động kinh doanh phát triển an toàn bền vững, vì vậy công tác kiểm tra trước, trong và sau từng nghiệp vụ kinh doanh trong toàn hệ thống luôn được đặt lên hàng đầu nhằm hạn chế rủi ro xảy ra trong hoạt động kinh doanh. Trong năm 2013 công tác kiểm toán nội bộ được tăng cường, bao gồm cả kiểm toán toàn diện và kiểm toán theo chuyên đề để góp phần cảnh báo và phát hiện kịp thời những sai sót trong hoạt động của hệ thống, để xuất biện pháp chỉnh sửa kịp thời và hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

- Tổ chức bộ máy Kiểm toán nội bộ được tổ chức bao gồm: các Phòng KTNB trực thuộc Ban Kiểm toán Nội bộ tại Trụ sở chính hoạt động kiểm tra kiểm toán trực tiếp tại các đơn vị kinh doanh, chi nhánh trong toàn hệ thống nhằm thực hiện kiểm tra giám sát các hoạt động hàng ngày tại các Đơn vị kinh doanh, phòng ngừa rủi ro kịp thời và xử lý, khắc phục các tổn tại yếu kém nếu có.
- Tổ chức bộ máy thẩm định cho vay tại từng Đơn vị kinh doanh gồm: các Phòng thẩm định trực thuộc Ban Tái thẩm định tại Trụ sở chính để quản lý, thực hiện công tác thẩm định các khoản vay tại Đơn vị kinh doanh ngay khi khách hàng đề nghị vay nhằm quản lý chặt chẽ hoạt động tín dụng tại Đơn vị kinh doanh.

- Bên cạnh công tác kiểm tra, việc theo dõi và đôn đốc chấn chỉnh sau kiểm tra, thực hiện các kiến nghị của Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng, của Kiểm toán nội bộ tại các đơn vị rất được chú trọng và quan tâm sát sao.
- Công tác kiểm tra kiểm soát: hỗ trợ tín dụng, dịch vụ khách hàng, quản lý chi phí, quản lý tài sản, thanh toán và an toàn kho quỹ... được hội sở thực hiện thường xuyên liên tục và quyết liệt. Do vậy trong năm 2013 hoạt động kinh doanh SHB được đảm bảo an toàn.
- Công tác giám sát hoạt động từ xa được duy trì thực hiện nhằm đánh giá các mặt hoạt động của các đơn vị trong toàn thuộc hệ thống từ đó phát hiện các dấu hiệu rủi ro liên quan đến hoạt động tín dụng, hoạt động kinh doanh ngoại hối, các tỷ lệ đảm bảo an toàn, giao dịch hàng ngày...
- SHB tuân thủ đúng quy định của NHNN về hoạt động kiểm tra, kiểm soát và phòng chống rửa tiền.

k) Khả năng thanh toán

Hoạt động kinh doanh của SHB luôn đảm bảo tăng trưởng an toàn, bền vững trong các năm qua. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, tỷ lệ khả năng chi trả của các loại đồng tiền và tỷ lệ sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn luôn đảm bảo theo quy định của NHNN.

Chỉ tiêu	2012		2013	
	Quy định của NHNN (theo TT 13)	Số liệu của SHB	Quy định của NHNN (theo TT 13)	Số liệu của SHB
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (hợp nhất)	≥ 9%	14,18%	≥ 9%	12,38%
Tỷ lệ khả năng chi trả VNĐ cho ngày hôm sau	≥ 15%	15,29%	≥ 15%	18,16%
Tỷ lệ khả năng chi trả VNĐ 7 ngày	≥ 100%	141,13%	≥ 100%	103,22%
Tỷ lệ khả năng chi trả USD 7 ngày	≥ 100%	141,10%	≥ 100%	146,21%
Tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	≤ 30%	18,42%	≤ 30%	22,23%

l) Các giải thưởng đạt được năm 2013

Năm 2013 tiếp tục là một năm mà những đóng góp của SHB đối với sự phát triển kinh tế xã hội nói chung và ngành ngân hàng nói riêng đã được nhiều tổ chức trong và ngoài nước ghi nhận.

- Các giải thưởng trong nước:

+ Top 16 trong Bảng xếp hạng "500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam" (VNR 500).

+ Top 50 trong Bảng xếp hạng "500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2013" (FAST 500).

+ Top 40 trong Bảng xếp hạng “1000 doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất cả nước” (V1000).

+ Lần thứ 6 liên tiếp nhận giải thưởng “Thương hiệu mạnh Việt Nam”.

+ Top 30 doanh nghiệp minh bạch thông tin do Sở GDCK Hà Nội trao tặng.

+ Top 50 doanh nghiệp tuyển dụng hàng đầu Việt Nam.

+ Doanh nghiệp văn hóa UNESCO năm 2013.

+ Các giải thưởng trong nước có uy tín khác.

- **Các giải thưởng quốc tế:**

+ Top 1.000 ngân hàng lớn nhất thế giới do The Banker đánh giá.

+ “Ngân hàng Bán lẻ Tăng trưởng Nhất” và “Ngân hàng SMEs Tốt nhất” Việt Nam do Global Banking and Finance Review trao tặng.

+ Top 4 trong Bảng xếp hạng 10 ngân hàng tăng trưởng tiền gửi lớn nhất khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và Top 6 trong Bảng xếp hạng 10 ngân hàng tăng trưởng tín dụng lớn nhất khu vực Châu Á – Thái Bình Dương năm 2013 do The Asian Banker công bố.

+ Ngân hàng có chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc.

+ Ngân hàng triển khai phần mềm ngân hàng lõi đa quốc gia tốt nhất tại Việt Nam, Lào và Campuchia.

+ Các giải thưởng quốc tế có uy tín khác.

m) Trách nhiệm vì cộng đồng năm 2013

- SHB phối hợp với nhà hát tuổi trẻ ra mắt dự án “Chắp cánh niềm tin”. Qua đó SHB tài trợ nhiều tỷ đồng thông qua 100 buổi biểu diễn miễn phí phục vụ cho học sinh, sinh viên các trường phổ thông, cao đẳng và đại học tại Hà Nội.
- SHB dành hàng nghìn suất học bổng hướng nghiệp “Vun đắp tương lai” tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên có cơ hội thực tập và trở thành nhân viên chính thức sau khi ra trường.
- SHB trao tặng nhiều suất quà cho đồng bào miền Trung vùng bão lũ tại Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị.
- Ủng hộ chương trình “Bữa cơm nhân ái”.
- Xây nhà tình nghĩa ủng hộ các gia đình chính sách tại Cần Thơ.
- Ủng hộ “Quỹ vì người nghèo” Ủy ban Mặt trận Tổ quốc TP Hà Nội.
- Ủng hộ “Quỹ vì người nghèo” Tỉnh Sóc Trăng.
- Đóng góp cho Quỹ an sinh xã hội Lào.
- SHB tiếp tục đứng trong Top các doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất cả nước cho thấy tinh thần trách nhiệm vì cộng đồng của SHB.

1.3 Những tiến bộ mà ngân hàng đã đạt được trong năm 2013

Đẩy mạnh xử lý nợ xấu sau sáp nhập, đưa tỷ lệ nợ xấu xuống dưới mức 5% hoàn thành mục tiêu đề ra tại Đại hội đồng cổ đông

- Sau sáp nhập, tỷ lệ nợ xấu của SHB tăng cao do phải tiếp nhận nhiều khoản nợ xấu của Habubank. Trong năm 2013, công tác thu hồi, xử lý nợ quá hạn, nợ xấu được SHB đặc biệt chú trọng và triển khai mạnh bằng nhiều biện pháp đồng bộ như: TBan quản lý và xử lý nợ xấu tại hội sở chính quản lý trực tiếp điều hành Phòng xử lý nợ tại các Chi nhánh toàn hệ thống SHB; Giao chi tiêu công tác xử lý nợ xấu đến từng đơn vị kinh doanh, từng cá nhân trong hệ thống SHB; Đánh giá lại toàn bộ giá trị tài sản đảm bảo; Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của khách hàng trên cơ sở đó đề xuất giải pháp xử lý nợ xấu phù hợp với tình hình thực tế khách hàng; Xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ... Nhờ đó, tỷ lệ nợ xấu đã giảm đáng kể, chỉ còn 4,06% hoàn thành mục tiêu đưa nợ xấu xuống dưới 5% mà Đại hội cổ đông đã đặt ra.

SHB tham gia tài trợ vốn hàng nghìn tỷ đồng cho các dự án cơ sở hạ tầng trọng điểm quốc gia

- Với tôn chỉ 20 năm tuổi đồng hành phát triển cùng đất nước, đồng thời với quy mô vốn lớn và giàu kinh nghiệm tài trợ dự án quy mô lớn đã giúp SHB có đủ nguồn lực để tham gia tài trợ vốn cho nhiều dự án trọng điểm của quốc gia nhằm thực hiện chủ trương đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng của Đảng và Nhà nước, mặt khác đẩy mạnh giải ngân tín dụng dài hạn, an toàn, tạo nguồn thu ổn định cho SHB.
- Các dự án cơ sở hạ tầng lớn của đất nước mà SHB tham gia tài trợ vốn trong năm 2013 bao gồm dự án mở rộng Quốc lộ I qua các tỉnh: Khánh Hòa, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, dự án xây dựng nút giao thông khác mức tại Ngã Ba Huế thuộc thành phố Đà Nẵng, dự án xây dựng cầu Đồng Nai mới, các dự án xây dựng nhà máy thủy điện, đường dây truyền tải điện lớn,... với quy mô tài trợ hàng ngàn tỷ đồng.
- Đến nay, nguồn vốn của SHB đã đến với hầu hết các lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế đất nước như: công nghiệp, năng lượng, phát triển hạ tầng, khai khoáng và đặc biệt, SHB luôn ưu tiên nguồn vốn cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, thủy hải sản, lương thực... góp phần phát triển an sinh xã hội, ổn định kinh tế vĩ mô theo định hướng, chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Đẩy mạnh tái cấu trúc bộ máy tổ chức của Ngân hàng

- Trong năm 2013 SHB đã tái cấu trúc thành công bộ máy, hoàn thiện chức năng nhiệm vụ của các Phòng/Ban/Trung tâm, Chi nhánh, Phòng giao dịch theo sơ đồ tổ chức mới để phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động của Ngân hàng sau sáp nhập theo đúng định hướng tái cấu trúc các Tổ chức tín dụng của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.
- Xây dựng định biên nhân sự các phòng ban tại các đơn vị kinh doanh phù hợp với qui mô hoạt động kinh doanh của từng đơn vị kinh doanh trong hệ thống nhằm thực hiện mục tiêu nâng cao năng suất lao động của người lao động SHB góp phần tiết giảm chi phí quản lý nâng cao hiệu quả kinh doanh của SHB năm 2013
- Tổ chức bộ máy của SHB đã được đổi mới, nâng tầm quản lý phù hợp với quy mô lớn của ngân hàng từ HĐQT đến Ban Tổng giám đốc và các phòng, ban chức năng. Bộ máy của Ngân hàng được tái cấu trúc theo hướng tinh gọn, hoạt động an toàn hiệu quả, tiết giảm được chi phí và phù hợp với mô hình Ngân hàng bán lẻ hiện đại.

Mở rộng hoạt động sang thị trường quốc tế

- Nhằm hiện thực hóa chiến lược phát triển ra thị trường quốc tế nhằm đưa SHB trở thành ngân hàng thương mại bán lẻ hiện đại đa năng tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, trong năm 2013 SHB đã khai trương Chi nhánh thứ 2 tại Campuchia và là Chi nhánh thứ 3 tại nước ngoài. Việc mở thêm chi nhánh tại Kampongthom (Campuchia) tạo điều kiện cho SHB phát triển hoạt động kinh doanh tại thị trường Campuchia..

SHB được chỉ định làm ngân hàng phục vụ cho nhiều dự án ODA

- Là một trong những NHTM có kinh nghiệm thực hiện sớm nhất công tác phục vụ các dự án ODA (từ năm 2004), cùng với sự nỗ lực nâng cao chất lượng phục vụ và năng lực hỗ trợ các Ban Quản lý Dự án thực hiện thành công các dự án ODA, SHB đã được các Bộ ngành và các Ban Quản lý Dự án tin tưởng và đánh giá cao. Trong năm 2013, SHB đã được chỉ định làm ngân hàng phục vụ cho nhiều dự án ODA với quy mô lớn như: Dự án "Tín dụng ngành Giao thông để cải tạo mạng lưới đường bộ Quốc gia giai đoạn II"; Dự án "Giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện"; Dự án "Đổi mới sáng tạo hướng tới người thu nhập thấp"...

SHB ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với nhiều Tập đoàn, Tổng công ty lớn

- Trong năm 2013, SHB đã ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với nhiều Tập đoàn, Tổng công ty lớn như: Tập đoàn cao su Việt Nam, Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Viglacera, Tổng công ty xây dựng Thăng Long, Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 8, Công ty TNHH MTV lọc hóa dầu Bình Sơn. Điều này khẳng định uy tín, tiềm lực tài chính mạnh mẽ, hoạt động an toàn, hiệu quả của SHB đã thuyết phục được các đối tác đặt niềm tin hợp tác và phát triển lâu dài.

Tích hợp thành công hệ thống Corebanking của Habubank vào Corebanking chuẩn hiện tại của SHB

- Vào tháng 05/2013, SHB đã tích hợp thành công hệ thống Corebanking của Habubank vào hệ thống Corebanking chuẩn hiện tại của SHB, đánh dấu bước cuối cùng trong quá trình nhận sáp nhập Habubank. Nhờ đó các chính sách, quy trình, quy định đã được áp dụng thống nhất trên toàn hệ thống, hỗ trợ đắc lực cho công tác quản trị, vận hành, phát triển sản phẩm dịch vụ và quản trị rủi ro.
- Hiện nay, SHB sử dụng hệ thống CoreBanking Intellect và hệ thống Công nghệ thẻ SmartVista hiện đại, an toàn và bảo mật. SHB là 01 trong những ngân hàng có công nghệ hiện đại nhất tại Việt Nam với hạ tầng Công nghệ thông tin hiện đại, đồng bộ với Trung tâm dữ liệu chính và Trung tâm dữ liệu dự phòng theo tiêu chuẩn quốc tế. Qua đó giúp SHB có thể tăng cường khả năng phục vụ, đem đến cho khách hàng chất lượng dịch vụ tốt nhất.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị điều hành, phát triển sản phẩm dịch vụ và quản trị rủi ro

- Các ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị điều hành, phát triển sản phẩm dịch vụ và quản trị rủi ro bao gồm:
- Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị, điều hành: Hệ thống hội nghị trực tuyến hiện đại cho phép họp, đào tạo, tuyển dụng,... trực tuyến với công nghệ hình ảnh và âm thanh tiêu chuẩn HD. Hệ thống báo cáo khai thác dữ liệu từ Intellect

được SHB phát triển đáp ứng một cách đầy đủ nhất nhằm phục vụ quản trị, điều hành, kinh doanh, báo cáo NHNN, báo cáo CIC, báo cáo bảo hiểm tiền gửi,...

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào phát triển sản phẩm dịch vụ: Với nền tảng công nghệ hiện đại, SHB đã triển khai nhiều sản phẩm dịch vụ đa dạng, nhiều tiện ích. Các sản phẩm thẻ ghi nợ hiện đại như thẻ Solid, Sporting, The moment, đặc biệt là sản phẩm thẻ đa năng sử dụng thẻ ghi nợ kết hợp nhiều tính năng như thẻ ATM, thẻ ra vào, thẻ ăn ca,... trên cùng một thẻ. SHB là một trong số ít các ngân hàng tại Việt Nam mà toàn bộ các ATM đều chấp nhận thẻ chip EMV, là công nghệ tiên tiến và bảo mật nhất trên thế giới hiện nay.
- Dịch vụ ngân hàng điện tử của SHB hiện nay đã được cung cấp qua tất cả các kênh giao dịch bao gồm Internet Banking, Mobile Banking, SMS Banking, Phone Banking. SHB cũng là một trong những ngân hàng đầu tiên áp dụng giải pháp bảo mật cao cấp nhất cho khách hàng là sử dụng chữ ký số (PKI) để ký các giao dịch ngân hàng điện tử.
- Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản trị rủi ro: SHB đã áp dụng hệ thống chấm điểm và xếp hạng tín dụng (CSS), hệ thống kế toán nội bộ (IAS), hệ thống quản lý rủi ro hoạt động (ORM), xây dựng các chương trình phần mềm quản lý rủi ro thanh khoản, quản lý rủi ro hoạt động,...
- SHB cũng đang tiếp tục thực hiện nâng cao tính năng, tiện ích các chương trình phần mềm phục vụ công tác quản lý các nguồn lực, công tác giám sát, kiểm soát hoạt động kinh doanh, công tác nghiên cứu, phân tích và đưa ra các dự báo tốt nhất.

2. Kế hoạch phát triển trong tương lai

2.1./ Các mục tiêu chủ yếu năm 2014

1. Phấn đấu đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện mục tiêu đưa SHB vào nhóm Ngân hàng TMCP có quy mô kinh doanh lớn nhất xét về thị phần, thị trường và số lượng khách hàng.
2. Mục tiêu đến cuối năm 2014 tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ tối đa 3% bằng các giải pháp quản lý xử lý, thu hồi nợ xấu, nợ quá hạn quyết liệt đồng bộ toàn hệ thống và hạn chế tối đa nợ xấu, nợ quá hạn mới phát sinh
3. Phát triển mạnh mẽ khách hàng cá nhân nhằm thực hiện mục tiêu kinh doanh trở thành NH bán lẻ hiện đại đa năng.
4. Nâng cao công tác quản trị rủi ro, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát trước trong và sau từng nghiệp vụ kinh doanh và khả năng cảnh báo phát hiện sớm rủi ro đối với các hoạt động của SHB nhằm hạn chế rủi ro và thực hiện mục tiêu phát triển kinh doanh an toàn, bền vững. Chủ động theo dõi ứng phó kịp thời với diễn biến thị trường để có quyết định kịp thời, phù hợp với diễn biến của thị trường và yêu cầu phát triển của SHB.
5. Tăng năng suất lao động, tăng lợi nhuận bình quân/người lao động
6. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo nội bộ và bên ngoài đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của SHB.
7. Đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng toàn hệ thống. Tập trung cho vay các lĩnh vực, ngành hàng ít rủi ro trên cơ sở các điều kiện kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước theo từng giai đoạn năm tài chính.

8. Thực hiện quản lý chi phí chặt chẽ, tiết kiệm, giảm chi phí huy động vốn nhằm giảm chi phí đầu vào, nâng cao hiệu quả kinh doanh toàn hệ thống.
9. Đẩy mạnh mở rộng phát triển thị trường và khách hàng đặc biệt là KHCN, mạng lưới hoạt động kinh doanh trên cơ sở vững chắc, an toàn, minh bạch tại thị trường trong nước.
10. Chuyển mô hình hoạt động của Chi nhánh SHB Lào và Chi nhánh SHB Campuchia thành các Ngân hàng TNHH một thành viên 100% vốn của SHB tại Lào và Campuchia.
11. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành, hạn chế rủi ro đồng thời phát triển nhiều sản phẩm dịch vụ ngân hàng tiện ích đồng bộ và cạnh tranh.
12. Đẩy mạnh công tác truyền thông, quan hệ quốc tế nhằm quảng bá thương hiệu và nâng cao vị thế của SHB trên thị trường trong nước, khu vực và quốc tế.
13. Đẩy mạnh hoạt động của Đảng bộ, Đoàn thanh niên, Công Đoàn nhằm giáo dục đạo đức tư tưởng cho người lao động toàn hệ thống SHB đồng thời nâng cao hiệu quả năng suất lao động đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh SHB.

2.2./ Các chỉ tiêu tài chính cơ bản dự kiến thực hiện đến cuối năm 2014

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2014	Tăng trưởng 2014/2013	
		(+/-)	%
TỔNG TÀI SẢN	180.000	36.374,2	25,3%
VỐN ĐIỀU LỆ	11.082	2.216	24,9%
HUY ĐỘNG TỪ TC VÀ CÁ NHÂN	135.000	26.853	24,8%
DƯ NỢ CẤP TÍN DỤNG (cho vay và trái phiếu DN)	102.100	18.990,3	22,8%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	1.270	269,95	26,9%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ (*)	1.053		
CỔ TỨC (trên vốn điều lệ bình quân)	9,0%		
TỶ LỆ NỢ XẤU	3%		
TỶ LỆ AN TOÀN VỐN	10%-12%		
ROA	1%-1,2%		
ROE	10%-12%		

(*) Lợi nhuận sau thuế năm 2014: Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2014 cộng thuế thu nhập doanh nghiệp dự kiến hoàn lại do lỗ lũy kế của HBB năm 2012 chuyển sang chưa sử dụng chờ quyết toán thuế

2.3./ Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh khác

- **Thanh toán quốc tế:** Doanh số TTQT năm 2014 đạt 2,5 tỷ USD.
- **Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát:** 15,5 tỷ đồng.
- **Quỹ lương:** 825 tỷ đồng
- **Mạng lưới hoạt động:**
 - Tiếp tục khai trương, đưa vào hoạt động các chi nhánh đã được NHNN cấp phép: Ninh Bình, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Tiền Giang, Đồng Tháp.
 - Mở mới các Chi nhánh: Quảng Ngãi, Tây Ninh và một số chi nhánh tại các tỉnh thành phố khác.
 - Mở mới 24 Phòng giao dịch tại Tp.HCM và các tỉnh thành phố khác Chi nhánh theo quy định tại Thông tư 21 của NHNN.
 - Mở thêm 10 chi nhánh (5 Chi nhánh tại Lào và 5 Chi nhánh tại Campuchia) sau khi nâng cấp chi nhánh tại Lào và Campuchia lên thành NH con 100% vốn nước ngoài của SHB tại Lào và Campuchia
- **Thẻ ATM, thẻ tín dụng quốc tế:**

Phát hành 200.000 thẻ ghi nợ nội địa và 50.000 thẻ quốc tế (Visa và Master Card) trong năm 2014.





VII. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ngân hàng

- Năm 2013 mặc dù nền kinh tế thế giới và trong nước dần đi vào ổn định nhưng vẫn còn không ít thách thức, khó khăn đặc biệt đối với lĩnh vực ngân hàng - tài chính. Tăng trưởng GDP năm 2013 đạt 5,42% cao hơn năm 2012 (5,03%) với sự cải thiện qua từng quý; Lạm phát được kiểm chế ở mức thấp với tỷ lệ tăng 6,04% so với đầu năm; Cán cân thương mại thặng dư với kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh 15,4% so với năm 2012. Tuy nhiên tăng trưởng kinh tế lại chủ yếu lại dựa vào khu vực FDI, trong khi đó khu vực kinh tế trong nước vẫn còn yếu.
- Trong lĩnh vực ngân hàng - tài chính, mặt bằng lãi suất đã được điều chỉnh xuống mức thấp, tín dụng được tập trung cho sản xuất kinh doanh nhất là các ngành nghề được ưu tiên khuyến khích. Quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng và xử lý nợ xấu được đẩy mạnh; Tỷ giá bình quân liên ngân hàng chỉ tăng 1% và thị trường vàng được bình ổn đã góp phần tạo ra môi trường kinh doanh tốt hơn cho hoạt động ngân hàng.
- Trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã chủ động, linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường chỉ đạo Ban điều hành vượt qua khó khăn thách thức. Hoạt động kinh doanh của SHB đã có bước tăng trưởng nhanh, bền vững, an toàn.

Một số nét chính đã đạt được của Ngân hàng trong năm 2013 vừa qua như sau:

- Tập trung quyết liệt xử lý, thu hồi nợ xấu giúp ngân hàng giảm tỷ lệ nợ xấu về cuối năm 2013 xuống còn dưới 5% theo kế hoạch.
- Hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2013 theo Nghị quyết ĐHCĐ.
- Nguồn vốn huy động đặc biệt là huy động vốn thị trường 1 tăng trưởng mạnh giúp đảm bảo thanh khoản dồi dào cho ngân hàng.
- Tham gia tài trợ vốn cho nhiều dự án trọng điểm quốc gia như nâng cấp cải tạo quốc lộ I, tài trợ các dự án thủy điện lớn...
- Đưa vào khai trương hoạt động nhiều Chi nhánh, phòng giao dịch mới tại các vùng kinh tế trọng điểm của cả nước và Chi nhánh thứ 2 tại Campuchia.
- Tiết giảm đáng kể chi phí quản lý, chi phí hoạt động góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
- Tái cấu trúc thành công bộ máy và hoàn thiện chức năng nhiệm vụ, các quy chế quy trình nghiệp vụ của các Phòng/Ban/Trung tâm, Chi nhánh, Phòng giao dịch theo sơ đồ tổ chức mới.
- Tích hợp thành công hệ thống Công nghệ thông tin của Habubank trước đây vào hệ thống của SHB là nền tảng cho SHB triển khai các sản phẩm, dịch vụ Ngân hàng bán lẻ và quản lý mọi mặt hoạt động an toàn, hiệu quả hơn.
- Với những thành tựu vượt bậc, năm 2013 SHB đã vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng nhì cùng nhiều giải thưởng uy tín trong và ngoài nước khác.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng

- Năm 2013 là một năm không dễ dàng đối với SHB trong bối cảnh ngân hàng vừa nhận sáp nhập một ngân hàng khác. Chính vì vậy, sau khi đưa ra những chiến lược và quyết sách lớn của Ngân hàng như: Tập trung xử lý, thu hồi nợ để đưa tỷ lệ nợ xấu cuối năm 2013 về dưới 5%; Tham gia tài trợ vốn cho nhiều dự án trọng điểm quốc gia như nâng cấp cải tạo quốc lộ I, xây dựng cầu đường, tài trợ các dự án thủy điện lớn; Tiết giảm chi phí quản lý, chi phí hoạt động góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng... Hội đồng quản trị SHB luôn theo sát mọi diễn biến hoạt động kinh doanh của ngân hàng đồng thời đã tích cực chỉ đạo, định hướng kinh doanh và đôn đốc giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các kế hoạch kinh doanh, công tác xử lý nợ trích lập dự phòng rủi ro, hoạt động quản trị rủi ro nhằm đảm bảo sự ổn định, phát triển an toàn bền vững và hoàn thành các kế hoạch của ĐHCĐ giao.
- Chủ tịch HĐQT thường xuyên tham gia các cuộc họp với Ban Tổng giám đốc và các tiểu ban trực thuộc HĐQT để cập nhật báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh định kỳ, có ý kiến chỉ đạo trực tiếp và kịp thời nhằm đảm bảo hoạt động Ngân hàng ổn định, an toàn, tuân thủ đúng quy định pháp luật và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển thị phần đối với các mảng kinh doanh chính của Ngân hàng, chú trọng công tác kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ rủi ro trên tất cả các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của SHB. Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo các đơn vị khẩn trương xử lý thu hồi nợ xấu, nợ quá hạn, tăng cường công tác kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay nhằm hạn chế nợ xấu mới phát sinh, nâng cao chất lượng tín dụng trên toàn hệ thống.
- Ban Tổng Giám đốc trong năm 2013 đã tuân thủ đúng theo chức năng, nhiệm vụ, các quy định của Pháp luật có liên quan và Điều lệ Ngân hàng. Ban Tổng Giám đốc đã có những giải pháp, đề xuất kịp thời lên HĐQT đồng thời điều hành linh hoạt và chỉ đạo sát sao toàn hệ thống để có thể hoàn thành các kế hoạch kinh doanh, đảm bảo hoạt động của Ngân hàng an toàn và bền vững. Trong bối cảnh Ngân hàng có nhiều việc phải giải quyết trong quá trình hậu sáp nhập, Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành cơ bản các công việc được giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Trên cơ sở định hướng mục tiêu phát triển trung dài hạn của SHB trở thành một ngân hàng bán lẻ đa năng hiện đại năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020 SHB trở thành một tập đoàn tài chính đa năng, hiện đại, không ngừng phát triển và từng bước vươn ra hội nhập quốc tế. Hội đồng quản trị SHB thường xuyên hoàn thiện hệ thống thể chế, quy chế, chính sách phù hợp với pháp luật, quy mô và hiệu quả kinh doanh của ngân hàng; Hoàn thiện bộ máy tổ chức theo hướng tinh giản, gọn nhẹ song vẫn phải đảm bảo mọi hoạt động nghiệp vụ được thực hiện thông suốt, đồng bộ và ổn định. Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng đặc biệt quan tâm tới công tác quản trị rủi ro trên toàn hệ thống và đến từng đơn vị kinh doanh các cấp từ các điểm giao dịch cho tới Trụ sở chính, áp dụng các nguyên tắc quản trị rủi ro quốc tế trong phạm vi, lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng.
- Năm 2014 được dự báo là một năm chưa hoàn toàn thoát khỏi khó khăn nhưng sẽ có những chuyển biến tích cực đối với nền kinh tế Thế giới, kinh tế Việt Nam nói chung

cũng như ngành Tài chính - Ngân hàng nói riêng. Hiện nay Chính phủ và các Bộ ngành cũng đang có nhiều chủ trương, kế hoạch nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp như: Tích cực đẩy mạnh đàm phán gia nhập TPP, Giảm lãi suất huy động và cho vay, Giảm thuế Thu nhập doanh nghiệp... Hội đồng quản trị đánh giá đây là những thách thức không nhỏ nhưng cũng mở ra những cơ hội nhất định trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

- Với mục tiêu đảm bảo Ngân hàng hoạt động minh bạch - an toàn - hiệu quả, Hội đồng quản trị xác định các mục tiêu, trọng tâm công tác như sau:
 - Có chiến lược hoạt động kinh doanh phù hợp, luôn theo sát diễn biến của thị trường trong và ngoài nước nhằm điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp trong từng giai đoạn và mang tính chất lâu dài; Đề ra định hướng kinh doanh với các giải pháp linh hoạt đem đến sự phát triển ổn định, bền vững.
 - Nâng cao năng lực quản trị và điều hành trong mọi lĩnh vực hoạt động kinh doanh, điều chỉnh cách thức quản trị điều hành cũng như tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, hệ thống thể chế, quy chế, quy trình phù hợp với điều kiện, quy mô của ngân hàng cũng như xu thế phát triển chung.
 - Nâng cao công tác quản trị rủi ro: Phát huy mạnh mẽ hệ thống quản trị rủi ro, đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát và kiểm toán nội bộ tới từng đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống.
 - Đẩy mạnh công tác phát triển sản phẩm, dịch vụ: Tăng cường nghiên cứu, đánh giá tác động của thị trường tới các sản phẩm hiện có của SHB, khảo sát, đánh giá nhu cầu của khách hàng để phát triển các sản phẩm, dịch vụ đặc trưng. Phấn đấu thu dịch vụ đạt từ 25-30% tổng thu nhập của ngân hàng.
 - Tăng trưởng khách hàng, đẩy mạnh cung cấp sản phẩm dịch vụ tới đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, khách hàng sử dụng các sản phẩm dịch vụ phục vụ tiêu dùng.
 - Đẩy mạnh công tác xử lý nợ: Thúc đẩy nhanh quá trình giải quyết các khoản nợ xấu, kịp thời trích lập đầy đủ các khoản dự phòng rủi ro theo quy định. Đối với các khoản nợ SHB xác định phải tham gia vào quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp, cần khẩn trương triển khai các công việc liên quan để trực tiếp tham gia quản trị, điều hành doanh nghiệp nhằm sớm giải quyết dứt điểm các khoản nợ.
 - Chú trọng công tác đào tạo, đặc biệt chú trọng đào tạo về năng lực quản trị, điều hành đối với cấp quản lý từ trưởng/phó phòng trở lên. Thường xuyên cập nhật, đào tạo nghiệp vụ đối với toàn thể CBNV với chủ trương mỗi CBNV là một giảng viên kiêm chức hướng dẫn, đào tạo cho đồng nghiệp và CBNV khác trong phạm vi công việc, lĩnh vực hoạt động của mình. Giữ gìn và phát triển văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc truyền thống SHB.



A vibrant, low-angle photograph of a forest. The scene is dominated by tall, slender tree trunks that stretch towards the top of the frame. Sunlight filters through the dense canopy of bright green leaves, creating a dappled light effect. In the foreground, a large, gnarled tree trunk curves across the left side. The ground is covered in fallen leaves and moss-covered rocks. An orange horizontal bar is positioned in the lower-middle section of the image, containing the text 'QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG' in white, bold, uppercase letters.

QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG



VIII . QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG



Đỗ Quang Hiến,

Chủ tịch HĐQT SHB

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS).
- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn T & T
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội (BSH)
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy sản Bình An
- Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ Sài Gòn – Hà Nội
- Sở hữu 3,010% cổ phần SHB



Nguyễn Văn Lê

Thành viên HĐQT SHB

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán SHBS
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Quản lý & Khai thác tài sản SHB AMC
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Cao su Việt Nam
- Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Phát triển đô thị và khu công nghiệp SHB Land
- Sở hữu 0,248% cổ phần SHB



Trần Ngọc Linh

Thành viên HĐQT SHB

- Nguyên Chủ tịch HĐQT SHB
- Cổ đông sáng lập của SHB
- Sở hữu 0,218% cổ phần SHB



Phạm Hồng Thái

Thành viên HĐQT SHB

- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- Trưởng Ban tài chính Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam



Đàm Ngọc Bích

Thành viên HĐQT SHB

- Thành viên BKS Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn- Hà Nội
- Thành viên HĐQT Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ
- Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn T&T
- Sở hữu 0,027% cổ phần SHB



Phạm Ngọc Tuấn

Thành viên HĐQT SHB

- Thành viên HĐQT Công ty CP Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp T&T
- Thành viên HĐQT Công ty CP Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp SHB
- Thành viên HĐQT Công ty CP Xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ



Lê Quang Thung

Thành viên HĐQT độc lập SHB

- Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đại Hải
- Chủ tịch Hiệp hội Cao Su Việt Nam

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Thực hiện Nghị định 59/2009/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 06/2010/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, Hội đồng quản trị SHB đã thành lập các Ủy ban và Hội đồng nghiệp vụ thuộc HĐQT như sau:

- + Ủy ban Nhân sự trực thuộc Hội đồng Quản trị
- + Ủy ban Quản lý rủi ro trực thuộc Hội đồng Quản trị
- + Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO) trực thuộc Hội đồng Quản trị
- + Hội đồng Tín dụng trực thuộc Hội đồng Quản trị
- + Hội đồng Đầu tư trực thuộc Hội đồng Quản trị
- + Hội đồng Xử lý rủi ro trực thuộc Hội đồng Quản trị

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2013, HĐQT đã tiến hành các phiên họp định kỳ theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và của pháp luật. Ngoài ra trong những trường hợp đột xuất HĐQT có thể lấy ý kiến các thành viên để đảm bảo giải quyết công việc kịp thời và hiệu quả.
- Năm 2013 vẫn là một năm khó khăn đối với nền kinh tế trong nước nói chung và lĩnh vực tài chính ngân hàng nói riêng. Chính vì vậy, HĐQT đã đẩy mạnh hoạt động giám sát và quản trị rủi ro nhằm đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững; Chỉ đạo triển khai tái cơ cấu ngân hàng sau sáp nhập một cách toàn diện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động; Phát triển ngân hàng trong một giai đoạn mới với quy mô lớn hơn và chiến lược phát triển dài hạn.
- Để tăng cường tính hiệu quả của hoạt động giám sát, HĐQT đã trực tiếp giải quyết các Tờ trình của Tổng giám đốc trong các lĩnh vực: quản lý tài sản nợ - có, tín dụng, đầu tư tài chính, phát triển thương hiệu, ban hành quy trình quy chế, ủy quyền phân cấp, đầu tư tài sản, phát triển mạng lưới...theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của Pháp luật có liên quan.

d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

• **Ủy ban Nhân sự:**

Ủy ban Nhân sự được tổ chức và hoạt động theo Quy chế về tổ chức và hoạt động do HĐQT xây dựng và ban hành. Nhiệm vụ chính của Ủy ban Nhân sự gồm:

- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy chế, quy định, chính sách liên quan đến công tác nhân sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ SHB.
- Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Người điều hành ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ SHB.
- Nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác với Người điều hành, cán bộ, nhân viên Ngân hàng.
- Triển khai công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy trình, quy chế trong công tác Nhân sự. Trên cơ sở đó, tham mưu cho HĐQT sửa đổi các quy định hiện hành và

ban hành các quy định mới phù hợp với tình hình thực tế và chiến lược phát triển của SHB.

• Ủy ban Quản lý rủi ro:

Ủy ban Quản lý rủi ro được tổ chức và hoạt động theo Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro do HĐQT xây dựng và ban hành. Ủy ban Quản lý rủi ro có các nhiệm vụ chính:

- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy chế, quy định, chính sách liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ SHB.
- Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của ngân hàng trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và đề xuất các biện pháp phòng ngừa đối với những rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của ngân hàng để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với HĐQT về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.
- Tham mưu cho HĐQT trong việc quyết định các chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do HĐQT giao.

• Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có:

- Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có: Tham mưu cho HĐQT trong công tác hoạch định chiến lược, chính sách quản trị rủi ro theo từng loại rủi ro ngân hàng liên quan đến hạng mục Tài sản Nợ - Có trên bảng cân đối kế toán nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Ngân hàng và cổ đông trong dài hạn; chỉ đạo các đơn vị kinh doanh của SHB điều hành kinh doanh theo chiến lược, chính sách đã xác định để tạo lập hợp lý các hạng mục tài sản nợ - tài sản có trong bảng cân đối kế toán của ngân hàng.

• Hội đồng Tín dụng

Tham mưu cho HĐQT định hướng và cơ cấu dư nợ trên toàn hệ thống theo mặt hàng, lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn kinh doanh; phê duyệt chính sách tín dụng gồm: lãi suất, phí, các điều kiện tín dụng, các biện pháp phòng ngừa rủi ro tín dụng đối với từng đối tượng khách hàng và nhóm khách hàng có liên quan. Phê duyệt các khoản tín dụng vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc. Trình HĐQT các khoản tín dụng vượt trên 10% vốn tự có của SHB và các khoản vay vượt giới hạn tín dụng.

• Hội đồng Đầu tư:

Thực hiện các chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT về việc thực hiện hoạt động đầu tư. Tổ chức thẩm định phương án, dự án đầu tư và triển khai hoạt động đầu tư thuộc các lĩnh vực được phép để tăng doanh thu và lợi nhuận cho SHB

• Hội đồng Xử lý rủi ro:

Thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong việc đề ra các biện pháp phòng ngừa hạn chế và giảm thấp rủi ro, nợ quá hạn, nợ xấu nhằm đạt được các mục tiêu an toàn, hiệu quả hoạt động ngân hàng, nâng cao chất lượng và phát triển bền vững đối với hoạt động của SHB; chỉ đạo điều hành công tác quản lý và xử lý rủi ro trong toàn hệ thống.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:



Phạm Hòa Bình

Trưởng Ban Kiểm soát

- Sinh ngày 31/12/1961
- Nguyên Chánh thanh tra Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Cần Thơ
- Nguyên Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương chi nhánh Cần Thơ
- Nguyên Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ SHB



Nguyễn Hữu Đức

Phó Trưởng Ban Kiểm soát

- Sinh ngày 13/8/1948
- Tiến sỹ kinh tế
- Nguyên Phó giám đốc Sở giao dịch Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)
- Nguyên Giám đốc Ngân hàng First Vinabank Chi nhánh Hà Nội
- Nguyên Ủy viên HĐQT kiêm Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)



Hoàng Thị Minh

Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ

- Sinh ngày 11/10/1964
- Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng
- Nguyên thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng Công thương Việt Nam
- Nguyên Trưởng Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ SHB

**Bùi Thanh Tâm**

Thành viên Ban Kiểm soát

- Sinh ngày 17/11/1975
- Cán bộ Ban Tài chính Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

STT	Họ tên	Chức vụ nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Phạm Hòa Bình	Trưởng Ban Kiểm soát	0,007%
2	Nguyễn Hữu Đức	Phó Ban Kiểm soát	-
3	Hoàng Thị Minh	Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	-
4	Bùi Thanh Tâm	Thành viên Ban Kiểm soát	-

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban Kiểm soát (BKS) đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ SHB, các quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định nội bộ khác của SHB: Lập các Báo cáo và các kế hoạch hoạt động trong từng lĩnh vực cụ thể theo quy định của NHNN và của SHB; Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ SHB trong việc quản trị, điều hành của HĐQT và Tổng Giám đốc (TGD) trong năm 2013; Tư vấn cho HĐQT, Ban TGD trong việc hoàn thiện, bổ sung, sửa đổi, ban hành mới các văn bản định chế của SHB về các vấn đề liên quan đến cơ cấu tổ chức trong hệ thống kiểm soát nội bộ; Tham mưu HĐQT xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát; Đầu mối phối hợp với Công ty Luật thuê ngoài triển khai Hợp đồng dịch vụ pháp lý trong việc xây dựng Quy chế ủy quyền; Quy chế, quy định phân công, phân cấp trong HĐQT, BKS, Ban TGD và bộ máy giúp việc của Ban TGD; Thành lập Đoàn đi kiểm tra, giám sát hoạt động Phòng KTNB tại một số Chi nhánh; Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ (KTNB) của BKS và các công tác khác.
- BKS đã tiến hành 05 cuộc họp trong năm 2013 với các nội dung và kết quả chính của các cuộc họp như sau:

• Họp BKS ngày 25/01/2013

- a) Đánh giá kết quả những công việc BKS đã thực hiện trong Quý IV/2012: Căn cứ Kế hoạch công tác BKS Quý IV/2012 nêu tại Biên bản họp BKS Quý III/2012 ngày 15/10/2012, BKS đã kiểm điểm và đánh giá những công việc (18 mục) thực hiện trong Quý IV/2012.
- b) Kiểm điểm những công việc còn tồn tại theo kế hoạch công tác Quý IV/2012 của BKS và đề ra phương hướng khắc phục.
- c) Đề ra kế hoạch công tác của BKS trong Quý I/2013, ghi cụ thể kế hoạch công tác của từng Thành viên BKS.

• Họp BKS ngày 06/04/2013

- a) Đánh giá kết quả những công việc BKS đã thực hiện trong Quý I/2013: theo 7 công việc chung của BKS và theo các công việc của từng Thành viên BKS đã nêu trong kế hoạch công tác của BKS trong Quý I/2013.
- b) Kiểm điểm những tồn tại trong hoạt động của BKS trong Quý I/2013 và đề ra phương hướng khắc phục.
- c) Đề ra kế hoạch công tác của BKS trong Quý II/2013.

• Họp BKS ngày 25/07/2013

- a) Đánh giá kết quả những công việc BKS đã thực hiện trong Quý II/2013: theo 8 nhóm

công việc của BKS đã thực hiện trong quý.

b) Kiểm điểm những tồn tại trong hoạt động của BKS trong Quý II/2013 và đề ra phương hướng khắc phục.

c) Đề ra kế hoạch công tác của BKS trong Quý III/2013

• Họp BKS ngày 24/10/2013

a) Đánh giá kết quả những công việc BKS đã thực hiện trong Quý III/2013: theo 26 công việc của BKS đã thực hiện trong quý.

b) Kiểm điểm những tồn tại trong hoạt động của BKS trong Quý III/2013 và đề ra phương hướng khắc phục.

c) Đề ra kế hoạch công tác của BKS trong Quý IV/2013

• Họp BKS ngày 03/11/2013

a) Đánh giá tình hình thực hiện công tác của BKS 09 tháng đầu năm 2013: BKS đã tổng hợp những nội dung công việc chính đã thực hiện trong 09 tháng đầu năm 2013.

b) Trao đổi những công việc cần triển khai trong thời gian tới:

- Về việc tổ chức họp trực tiếp các TV BKS 06 tháng đầu năm và hàng năm: Do hiện nay điều kiện về tiện ích và nền tảng công nghệ tiên tiến của SHB cho phép các đơn vị trong hệ thống SHB tổ chức họp theo cầu truyền hình, nên BKS cũng sử dụng lợi thế này để tổ chức các cuộc họp BKS 06 tháng đầu năm và hàng năm (trừ các cuộc họp được tổ chức trực tiếp tại Trụ sở chính nhân dịp tổ chức ĐHĐCĐ thường niên của BKS).
- Về việc BKS đi kiểm tra, giám sát hoạt động của một số Phòng KTNB Chi nhánh SHB: Được duy trì tổ chức thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát SHB.
- Việc xây dựng Cẩm nang KTNB: Sớm hoàn thành Cẩm nang KTNB (sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Quy chế KTNB, Quy định về tổ chức và hoạt động của Ban KTNB, Quy trình KTNB mới).
- Hoàn thiện Quy trình kiểm tra, giám sát của BKS đối với hoạt động KTNB
- Về việc mời đại diện của BKS tham dự phiên họp định kỳ của Ban KTNB: Ban KTNB mời Trưởng BKS dự họp đối với phần công tác có tính chất chung của Ban KTNB để chỉ đạo hoạt động chung của Ban KTNB hoặc người được Trưởng BKS ủy quyền.
- Tiếp tục triển khai thực hiện hoàn thành các nội dung phương hướng khác đã nêu trong Báo cáo số 74/BC-BKS ngày 29/03/2013 của Ban Kiểm soát SHB gửi HĐQT SHB.
- Hoạt động của BKS trong năm 2013 đã bám sát vào các chức năng, nhiệm vụ quy định đối với BKS và KTNB ghi trong Điều lệ SHB, kế hoạch và chương trình công tác của BKS theo các quy định nội bộ của SHB, theo yêu cầu của HĐQT và đề nghị của TGĐ.
- BKS duy trì các buổi họp định kỳ hàng quý để đánh giá tình hình hoạt động trong quý, trao đổi những khó khăn vướng mắc và đề ra kế hoạch công tác cho kỳ tiếp theo để hoàn thành được kế hoạch công tác đề ra cho từng quý, cũng như cả năm 2013.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Chi thù lao HĐQT và BKS đạt 6,14 tỷ đồng, đạt 39,61% so với kế hoạch, đảm bảo thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát trong năm 2013 không vượt mức 15,5 tỷ đồng đã được Đại hội cổ đông thông qua theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/04/2013 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 21 năm 2013.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đỗ Thu Hà	Chị gái ruột của Chủ tịch HĐQT	12.838.100	1,45%	14.838.100	1,67%	Thực hiện đầu tư

c) Thực hiện các quy định về quản trị công ty

Được thành lập từ năm 1993, trải qua hơn 20 năm hoạt động, SHB đã thực hiện và dần hoàn thiện hoạt động quản trị công ty của ngân hàng, tuân thủ các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng, Thông tư 121/2012/TT-BTC ban hành ngày 26/07/2012 và đảm bảo hoạt động ngân hàng hiệu quả, an toàn. Cụ thể:

- Ngân hàng đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của cổ đông
- Điều lệ ngân hàng đã được chỉnh sửa, bổ sung phù hợp với Luật các Tổ chức tín dụng và Thông tư 121/2012/TT-BTC.
- Tuân thủ đầy đủ thủ tục trình tự, thủ tục triệu tập họp Đại hội cổ đông thường niên theo đúng quy định.
- HĐQT và BKS có báo cáo đầy đủ tại ĐHCĐ
- Việc ứng cử, đề cử, thành phần, tiêu chuẩn của thành viên HĐQT, BKS đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư 121/2012/TT-BTC. HĐQT và BKS hoạt động đúng trách nhiệm và nghĩa vụ.
- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các TCTD và các văn bản pháp luật liên quan.
- Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, cán bộ quản lý khác công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
- Ngân hàng tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo và công bố thông tin.



A scenic landscape featuring a large, dark tree trunk in the upper left foreground, with its branches spreading across the top half of the frame. The leaves are a vibrant yellow and orange, suggesting autumn. Below the tree, a bright orange horizontal bar contains the text 'BÁO CÁO TÀI CHÍNH' in white, bold, uppercase letters. The background shows a lush green field in the lower foreground, leading up to rolling hills and mountains in the distance under a clear sky. Sunlight filters through the trees, creating a warm, golden glow.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam đã được kiểm toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

Thông tin chung	70
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	72
Báo cáo kiểm toán độc lập	74
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	76
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	80
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	81
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	82

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam vào ngày 13 tháng 11 năm 1993 theo Quyết định số 214/QĐ-NH5 và Giấy phép hoạt động số 0041-NH/GP của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là “NHNN”) với tên gọi ban đầu là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Nhơn Ái. Ngân hàng được đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội theo Quyết định số 1764/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN Việt Nam ngày 11 tháng 9 năm 2006, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số	Ngày cấp phép
1800278630	29/10/2012
1800278630	17/06/2013

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 77 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng có một (1) trung tâm kinh doanh, năm mươi một (51) chi nhánh, mười (10) quỹ tiết kiệm, một trăm bảy mươi tư (174) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước, hai (2) chi nhánh tại Campuchia và một (1) chi nhánh tại Lào.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng có hai (2) công ty con như sau:

STT	Tên công ty	Giấy phép đăng ký kinh doanh	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu
1	Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB AMC)	0104006217 ngày 10 tháng 12 năm 2009 của Sở Kế hoạch & Đầu tư Hà Nội	Tài chính/ Ngân hàng	100%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB (SHBS)	112/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Chứng khoán	98,47%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày Thống đốc NHNN chuẩn y (bổ nhiệm)
Ông Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm vào ngày 5 tháng 5 năm 2012
Ông Nguyễn Văn Lê	Thành viên	Tái bổ nhiệm vào ngày 5 tháng 5 năm 2012
Ông Trần Ngọc Linh	Thành viên	Tái bổ nhiệm vào ngày 5 tháng 5 năm 2012
Bà Đàm Ngọc Bích	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 5 tháng 5 năm 2012
Ông Phạm Ngọc Tuân	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 5 tháng 5 năm 2012
Ông Lê Quang Thung	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm vào ngày 5 tháng 5 năm 2012
Ông Phạm Hồng Thái	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 5 tháng 5 năm 2012

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày lập báo cáo này gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày Thống đốc NHNN chuẩn y (bổ nhiệm)</i>
Ông Phạm Hòa Bình	Trưởng ban	Bổ nhiệm vào ngày 5 tháng 5 năm 2012
Ông Nguyễn Hữu Đức	Phó trưởng ban	Tái bổ nhiệm vào ngày 5 tháng 5 năm 2012
Ông Bùi Thanh Tâm	Thành viên	Tái bổ nhiệm vào ngày 5 tháng 5 năm 2012
Bà Hoàng Thị Minh	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 5 tháng 5 năm 2012

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày lập báo cáo này gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày Thống đốc NHNN chuẩn y (bổ nhiệm)</i>
Ông Nguyễn Văn Lê	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm vào ngày 21 tháng 5 năm 2010
Ông Đặng Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 1 tháng 9 năm 2006
Ông Bùi Tín Nghị	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm vào ngày 14 tháng 5 năm 2013
Ông Lê Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 10 tháng 4 năm 2009
Ông Phạm Văn Thăng	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm vào ngày 22 tháng 7 năm 2013
Bà Ngô Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 3 năm 2011
Bà Đặng Tố Loan	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 9 tháng 10 năm 2012
Ông Nguyễn Huy Tài	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 18 tháng 2 năm 2013
Bà Ninh Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc kiểm Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm vào ngày 8 tháng 6 năm 2012

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Lê, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Ngân hàng.



Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (được gọi tắt là “Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con (được gọi tắt là “SHB”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho từng năm tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Nguyễn Văn Lê
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Số tham chiếu: 60829147/16470008



Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60829147/16470008

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") và các công ty con được lập ngày 31 tháng 3 năm 2014 và được trình bày từ trang 6 đến trang 76, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Vấn đề cần lưu ý:

Trong năm 2012, Ngân hàng đã thực hiện sáp nhập thành công Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội ("Habubank") vào Ngân hàng theo Quyết định số 1559/QĐ-NHNN ngày 7 tháng 8 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Theo đó, Ngân hàng đã thực hiện và báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiến độ thực hiện Đề án sáp nhập, các biện pháp tái cơ cấu hoạt động kinh doanh và xử lý tài chính đối với tài sản và nợ nhận chuyển giao từ Habubank kể từ khi nhận sáp nhập.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 0452-2013-004-1

Đặng Phương Hà
Kiểm toán viên
Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 2400-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

	Thuyết minh	31/12/2013 triệu đồng	31/12/2012 triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	6	541.115	484.887
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước ("NHNN")	7	1.981.052	3.031.869
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	8	30.262.605	29.862.248
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác		17.626.577	20.996.608
Cho vay các TCTD khác		12.636.028	8.890.044
Dự phòng rủi ro tiền gửi/cho vay các TCTD khác		-	(24.404)
Chứng khoán kinh doanh	9	29.015	13.387
Chứng khoán kinh doanh		51.887	40.564
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(22.872)	(27.177)
Các công cụ TC phái sinh và các tài sản TC khác	10	-	5.847
Cho vay khách hàng		75.322.050	55.689.293
Cho vay khách hàng	11	76.509.671	56.939.724
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	12	(1.187.621)	(1.250.431)
Chứng khoán đầu tư	13	18.655.008	12.699.276
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		8.101.622	8.418.596
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		10.562.229	4.290.544
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(8.843)	(9.864)
Góp vốn, đầu tư dài hạn		361.504	391.703
Đầu tư dài hạn khác		400.428	435.326
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(38.924)	(43.623)
Tài sản cố định	14	4.151.534	4.127.127
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>14.1</i>	<i>405.949</i>	<i>398.883</i>
Nguyên giá tài sản cố định		723.576	700.243
Hao mòn tài sản cố định		(317.627)	(301.360)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>14.2</i>	<i>3.745.585</i>	<i>3.728.244</i>
Nguyên giá tài sản cố định		3.865.696	3.817.079
Hao mòn tài sản cố định		(120.111)	(88.835)
Bất động sản đầu tư	15	17.248	85.456
Nguyên giá bất động sản đầu tư		17.401	85.456
Hao mòn bất động sản đầu tư		(153)	-
Tài sản Có khác	16	12.304.672	10.146.521
Các khoản phải thu		2.110.623	1.494.165
Các khoản lãi, phí phải thu		5.659.818	4.460.581
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	110
Tài sản Có khác		4.789.212	4.256.393
<i>Trong đó: Lợi thế thương mại</i>		-	-
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(254.981)	(64.728)
TỔNG TÀI SẢN		<u>143.625.803</u>	<u>116.537.614</u>

	Thuyết minh	31/12/2013 triệu đồng	31/12/2012 triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	17	2.119.145	-
Tiền gửi và vay các TCTD khác	18	20.685.381	21.777.251
Tiền gửi của các TCTD khác		12.155.603	15.505.603
Vay các TCTD khác		8.529.778	6.271.648
Tiền gửi của khách hàng	19	90.761.017	77.598.520
Các công cụ TC phái sinh và các công nợ TC khác	10	6.272	-
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	20	476.390	385.245
Phát hành giấy tờ có giá	21	16.909.575	4.370.389
Các khoản nợ khác		2.309.549	2.897.397
Các khoản lãi, phí phải trả		1.351.084	1.944.532
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		324	645
Các khoản phải trả và công nợ khác	22	900.263	911.407
Dự phòng rủi ro khác	12.2	57.878	40.813
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		133.267.329	107.028.802
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn		8.962.251	8.962.251
Vốn điều lệ		8.865.795	8.865.795
Thặng dư vốn cổ phần		101.716	101.716
Cổ phiếu quỹ		(5.260)	(5.260)
Các quỹ dự trữ của TCTD		642.480	517.732
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	9
Lợi nhuận chưa phân phối		750.966	26.058
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	24	10.355.697	9.506.050
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	24	2.777	2.762
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		143.625.803	116.537.614

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Thuyết minh	31/12/2013 triệu đồng	31/12/2012 triệu đồng
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn			
Bảo lãnh vay vốn		486.276	35.554
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		1.774.825	336.437
Bảo lãnh khác		6.077.569	4.915.177
	39	8.338.670	5.287.168

Người lập:



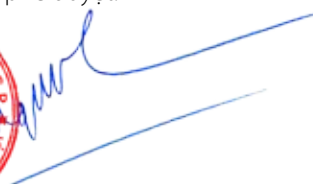
Bà Nguyễn Thị Liên
Kế toán

Người phê duyệt:

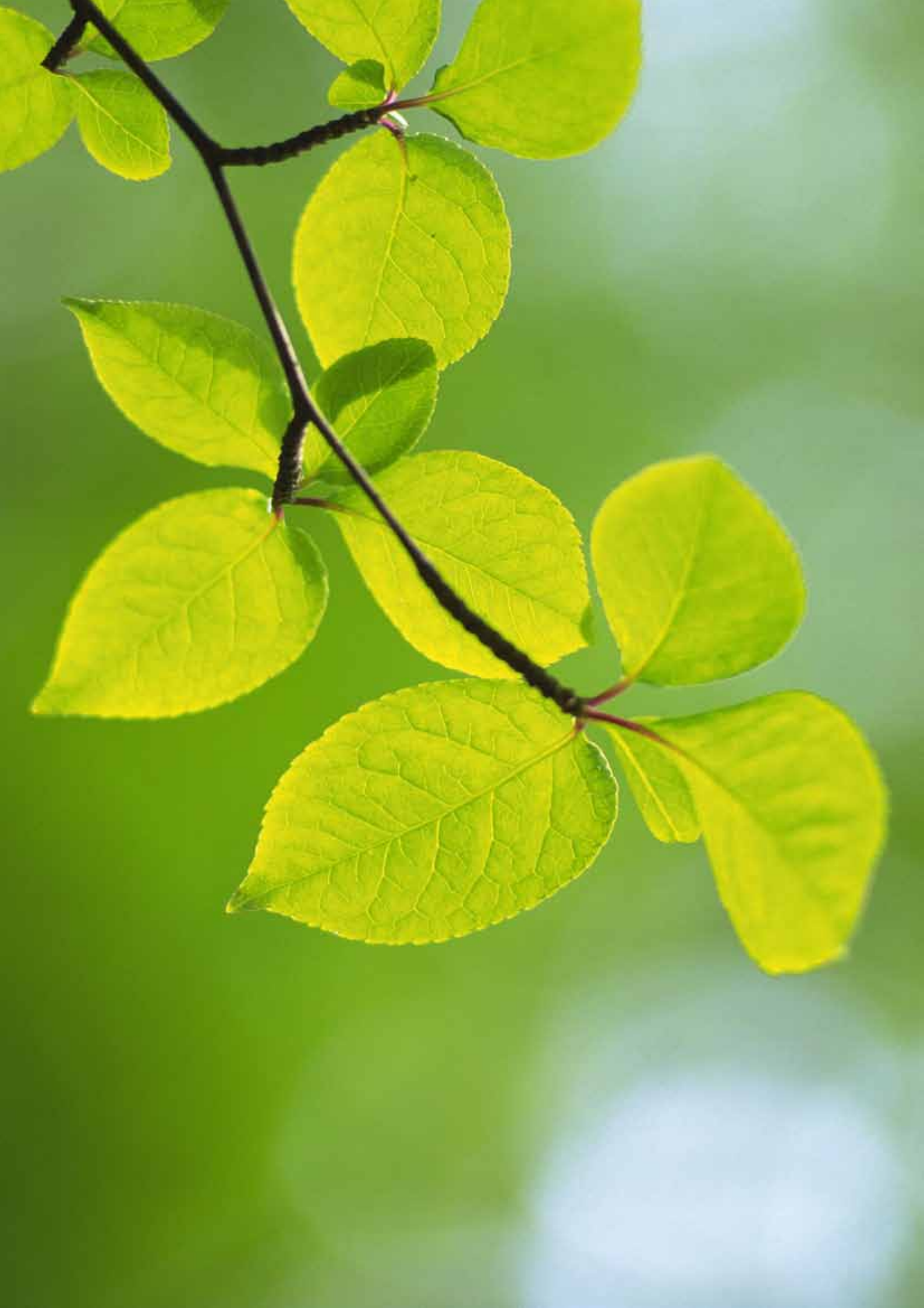


Bà Ninh Thị Lan Phương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Văn Lê
Tổng Giám đốc



	Thuyết minh	2013 triệu đồng	2012 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	27	9.174.718	9.951.489
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	28	(7.070.660)	(8.075.961)
Thu nhập lãi thuần		2.104.058	1.875.528
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		219.433	193.828
Chi phí hoạt động dịch vụ		(86.302)	(41.731)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	29	133.131	152.097
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	30	63.400	47.963
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	31	696	140.376
(Lỗ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	32	(16.199)	23.548
Thu nhập từ hoạt động khác		105.296	721.154
Chi phí hoạt động khác		(28.670)	(32.120)
Lãi thuần từ hoạt động khác	33	76.626	689.034
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	34	6.325	10.910
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		2.368.037	2.939.456
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	35	(1.860.870)	(1.678.993)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		507.167	1.260.463
(Chi phí)/hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng		492.881	564.740
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		1.000.048	1.825.203
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(150.599)	(137.289)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		321	(645)
Chi phí thuế TNDN		(150.278)	(137.934)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		849.770	1.687.269
Lợi ích của cổ đông thiểu số		28	428
Lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng		849.742	1.686.841
Lỗ lũy kế do Habubank chuyển giao khi sáp nhập		-	(1.660.775)
LỢI NHUẬN CÒN LẠI CỦA NGÂN HÀNG		849.742	26.066
Lãi trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	25	959	33

Người lập:



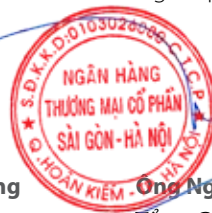
Bà Nguyễn Thị Liên
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Ninh Thị Lan Phương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Văn Lê
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2013 triệu đồng</i>	<i>2012 triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		7.816.181	7.552.992
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(7.669.084)	(7.092.381)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		133.131	152.097
Chênh lệch số tiền thực thu/(thực chi) từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		47.672	78.852
Thu nhập khác		73.292	108.598
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		8.131	626
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(1.538.331)	(1.479.432)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	23.1	<u>(159.115)</u>	<u>(264.542)</u>
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		(1.288.123)	(943.190)
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
(Tăng)/Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		5.254.394	(16.346.784)
(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(5.928.398)	4.054.196
(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		5.847	(1.813)
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(19.574.688)	(13.101.287)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		(163.268)	-
Tăng khác về tài sản hoạt động		(429.664)	(602.998)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
Tăng/(giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN		2.119.145	(2.184.954)
Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		(1.091.870)	6.219.410
Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)		13.162.497	25.809.734
Tăng/(giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		12.539.186	(7.471.664)
Tăng/(giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		91.145	106.406
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		6.272	-
Tăng/(giảm) khác về công nợ hoạt động		<u>252.200</u>	<u>(4.781.348)</u>
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		4.954.675	(9.244.292)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(458.229)	(127.350)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		2.263	538.158
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		6.821	24.222
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		<u>6.325</u>	<u>10.910</u>
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(442.820)	445.940

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2013 triệu đồng</i>	<i>2012 triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng thặng dư vốn cổ phần khi thực hiện sáp nhập		-	2.261
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	26	(1.066)	(270.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		(1.066)	(267.839)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4.510.789	(9.066.191)
Tiền và các khoản tương đương tiền tăng do nhận từ Habubank		-	519.258
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm		11.666.558	20.213.491
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	36	16.177.347	11.666.558

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Liên
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Ninh Thị Lan Phương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:




Ông Nguyễn Văn Lê
Tổng Giám đốc

1. NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và Hoạt động

Ngân hàng được thành lập ngày 13 tháng 11 năm 1993 theo Quyết định số 214/QĐ-NH5 và Giấy phép hoạt động số 0041-NH/GP của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (được gọi tắt là “NHNN”) với tên gọi ban đầu là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Nhon Ái. Ngân hàng được đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội theo Quyết định số 1764/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN Việt Nam ngày 11 tháng 9 năm 2006, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số</i>	<i>Ngày cấp phép</i>
1800278630	29/10/2012
1800278630	17/06/2013

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN Việt Nam cho phép.

Vốn điều lệ

Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 8.865 tỷ đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 8.865 tỷ đồng) đã được góp đầy đủ bởi các cổ đông.

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 77 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng có một (1) trung tâm kinh doanh, năm mươi một (51) chi nhánh, mười (10) quỹ tiết kiệm, một trăm bảy mươi tư (174) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước, hai (2) chi nhánh tại Campuchia và một (1) chi nhánh tại Lào.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng có hai (2) công ty con như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Giấy phép đăng ký kinh doanh</i>	<i>Lĩnh vực hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ % sở hữu</i>
1	Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB AMC)	0104006217 ngày 10 tháng 12 năm 2009 của Sở Kế hoạch & Đầu tư Hà Nội	Tài chính/ Ngân hàng	100%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB (SHBS)	112/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Chứng khoán	98,47%

Ngân hàng và các công ty con sau đây gọi chung là “SHB”.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của SHB vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 5.002 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 4.996 người).

2. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của SHB bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của SHB là đồng Việt Nam. Tuy nhiên, do quy mô hoạt động của Ngân hàng rất lớn, cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam. Việc trình bày này không ảnh hưởng đến cái nhìn của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của SHB. Riêng đối với chỉ tiêu về số lượng cổ phiếu, Ngân hàng thực hiện trình bày số liệu đến hàng đơn vị như trong Thuyết minh số 24.1.

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam & các quy định của NHNN Việt Nam liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định của NHNN Việt Nam liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của SHB được trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“triệu đồng” hay “triệu VNĐ”), được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 do Thống đốc NHNN ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 và các quyết định bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN; và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5).

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không được cung cấp các thông tin về các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, những báo cáo này không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của SHB theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

3.3 **Hợp nhất các báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng và của các công ty con tại ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính của các công ty con có cùng niên độ lập báo cáo và sử dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán với Ngân hàng.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Báo cáo tài chính của các công ty con (trình bày trong Thuyết minh số 1) được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng theo phương pháp hợp nhất toàn phần bắt đầu từ ngày Ngân hàng có quyền kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền, trực tiếp hay gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các đơn vị đó. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con mới được mua hoặc mới được thanh lý trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất một cách hợp lý tính từ ngày mua hoặc tính đến ngày thanh lý.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Ngân hàng một cách trực tiếp hay gián tiếp thông qua các công ty con. Lợi ích của cổ đông thiểu số được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất thành chỉ tiêu tách biệt với nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng. Phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong thu nhập của hệ thống Ngân hàng cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 **Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng**

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

Hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của SHB và nhận thấy SHB có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có sự không chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của SHB. Do vậy, báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

3.5 **Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán SHB sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán và thuyết minh liên quan đến các nghiệp vụ sau:

- (i) Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính ban hành thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013. Theo quy định của Thông tư này, tài sản cố định phải đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- ▶ Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- ▶ Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên;
- ▶ Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

Theo đó, đối với các tài sản cố định SHB đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao tại ngày 10 tháng 6 năm 2013 theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 2 của Thông tư này thì giá trị còn lại của các tài sản này được kết chuyển sang theo dõi ở tài khoản chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào chi phí của SHB trong thời hạn không quá 3 năm.

- (ii) Thông tư số 89/2013/TT-BTC được ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 7 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC quy định. Báo cáo tài chính của bên được đầu tư sử dụng trong việc trích lập dự phòng tổn thất do các khoản đầu tư dài hạn khác là báo cáo tài chính năm của tổ chức nhận đầu tư tại thời điểm trích lập dự phòng (thay vì là tại thời điểm cuối năm trước).

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, vàng, đá quý, tiền gửi thanh toán với NHNN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với NHNN, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi, cho vay tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

4.2 Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.3 Dự phòng rủi ro tín dụng

4.3.1 Dự phòng rủi ro hoạt động tín dụng tại thị trường Việt Nam

Phân loại nợ

Ngân hàng thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc NHNN về việc ban hành Quy chế Cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với Khách hàng, Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với Khách hàng ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 của NHNN về việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn*, *Nợ cần chú ý*, *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Các khoản nợ được phân loại là *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* được coi là nợ xấu.

Ngoài ra, theo Quyết định số 780/2012/QĐ-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2012 của Thống đốc NHNN, Ngân hàng đã điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ của một số khoản cho vay nhưng không điều chỉnh lại phân loại nợ đối với các khoản cho vay của các khách hàng được Ngân hàng đánh giá là có hoạt động sản xuất kinh doanh có chiều hướng tích cực và có khả năng trả nợ tốt sau khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ.

4.3.1 Dự phòng rủi ro hoạt động tín dụng tại thị trường Việt Nam (tiếp theo)

Dự phòng cụ thể

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN.

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, các khoản cho vay sẽ được thực hiện phân loại vào thời điểm cuối mỗi quý cho 3 quý đầu năm và vào ngày 30 tháng 11 cho Quý 4 trong năm tài chính.

Các khoản cho vay Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam ("Vinashin"), một số công ty thành viên thuộc Vinashin và các đơn vị đã chuyển sang Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN"), và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ("Vinalines") được phân loại nợ và trích lập dự phòng theo văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý Nhà nước về việc xem xét khoanh và cơ cấu lại các khoản nợ cũ của Vinashin và các đơn vị thành viên của Vinashin đã chuyển sang PVN và Vinalines. Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể theo khả năng tài chính của Ngân hàng. Ngân hàng cũng đã xin phép NHNN được phân bổ dẫn khoản dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản nợ này vào kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong thời gian 10 năm kể từ năm 2013.

Ngoài ra, việc sáp nhập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội ngày 1 tháng 9 năm 2012 nằm trong quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng Việt Nam. Do đó, Ngân hàng đã xin phép NHNN được phân bổ dẫn khoản dự phòng rủi ro tín dụng phát sinh trước đây của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội vào kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong khoảng thời gian 5 năm kể từ năm 2013.

Dự phòng chung

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm.

Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Bán nợ cho công ty Quản lý Tài sản của các Tổ chức Tín dụng Việt Nam ("VAMC")

SHB thực hiện bán nợ cho VAMC theo giá trị ghi sổ theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 9 tháng 7 năm 2013 về "Thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam", Thông tư số 19/2013/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2013 quy định về việc "Mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam" và Công văn số 8499/NHNN-TCKT về việc "Hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ xấu của VAMC và TCTD". Theo đó, giá bán là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập.

Đối với trường hợp bán nợ cho VAMC và nhận trái phiếu VAMC, sau khi hoàn thành thủ tục bán nợ xấu cho VAMC, SHB tiến hành hạch toán tất toán gốc, sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập và ghi nhận mệnh giá trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng cụ thể đã trích của khoản nợ bán. Khi nhận lại khoản nợ đã bán cho VAMC, SHB sử dụng nguồn dự phòng rủi ro đã trích hàng năm cho trái phiếu đặc biệt để xử lý nợ xấu, phần chênh lệch giữa dự phòng giảm giá đã trích lập và giá trị khoản vay/trái phiếu còn lại chưa thu hồi được sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "*Thu nhập từ hoạt động khác*".

4.3.2 *Dự phòng rủi ro hoạt động tín dụng tại thị trường Campuchia*

Dự phòng rủi ro tín dụng được lập cho các rủi ro cụ thể và liên quan đến các khoản cho vay và ứng trước mà mỗi khoản đó được xem xét và phân loại cụ thể theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn*. Mức dự phòng được dựa trên phần trăm tổng dư nợ của các khoản cho vay và ứng trước tại thời điểm cuối năm tài chính.

Ngân hàng phân loại nợ và trích lập dự phòng tín dụng bắt buộc theo Prakas số B7-09-074 ngày 25 tháng 2 năm 2009 của Ngân hàng Quốc gia Campuchia. Theo đó, các ngân hàng thương mại tiến hành phân loại các khoản cho vay thành 5 nhóm. Mức trích lập bắt buộc của dự phòng cụ thể và việc phân loại khoản vay như sau:

Phân loại	Số ngày quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
Nợ đủ tiêu chuẩn	Dưới 30 ngày	0%
Nợ cần chú ý	từ 30 ngày đến dưới 90 ngày	3%
Nợ dưới tiêu chuẩn	từ 90 ngày đến dưới 180 ngày	20%
Nợ nghi ngờ	từ 180 ngày đến dưới 360 ngày	50%
Nợ có khả năng mất vốn	từ 360 ngày trở lên	100%

Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 1,00% tổng giá trị các khoản vay được phân loại là Nợ đủ tiêu chuẩn.

Một khoản cho vay hoặc một phần của khoản cho vay không thu hồi được sẽ được xóa sau khi trừ đi giá trị thu hồi được của tài sản đảm bảo, nếu có, khi Ban Tổng Giám đốc quyết định khoản cho vay đó không có khả năng thu hồi.

4.3.3 Dự phòng rủi ro hoạt động tín dụng tại thị trường Lào

Theo Quyết định số 324/BOL ngày 19 tháng 4 năm 2011 của NHNN Lào, Ngân hàng phải phân loại nợ và trích lập dự phòng cho các khoản cho vay khách hàng tại Lào. Theo đó, các khách hàng vay được phân loại thành “Nợ tốt” và “Nợ xấu” dựa trên lịch sử trả nợ và các yếu tố định tính khác. “Nợ tốt” là các khoản cho vay được phân loại vào nhóm *Nợ đủ tiêu chuẩn* hoặc *Nợ cần chú ý*. “Nợ xấu” là các khoản cho vay được phân loại vào nhóm *Nợ dưới tiêu chuẩn* hoặc *Nợ nghi ngờ* hoặc *Nợ có khả năng mất vốn*.

Dự phòng cụ thể được trích lập dựa trên dư nợ của từng khoản vay tại thời điểm cuối năm tài chính và với tỷ lệ dự phòng tương ứng với từng nhóm nợ theo bảng sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	3%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Theo Quyết định số 324/BOL, ngoài việc phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể, Ngân hàng phải trích lập dự phòng chung cho các khoản vay được phân loại là “Nợ đủ tiêu chuẩn”. Tỷ lệ dự phòng chung sẽ do NHNN Lào quy định cho từng năm tài chính cụ thể. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng trích lập dự phòng chung cho các khoản cho vay thuộc nhóm “Nợ đủ tiêu chuẩn” theo tỷ lệ 0,50% tổng dư nợ theo Công văn số 242/BOL của NHNN Lào ban hành ngày 2 tháng 4 năm 2011 do công văn này vẫn có hiệu lực cho năm tài chính 2013.

4.3.4 Các khoản phải thu khách hàng liên quan đến giao dịch chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB là công ty con của Ngân hàng

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.4 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn, chứng khoán khác được SHB mua hẳn và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "*Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh*".

4.5 Chứng khoán đầu tư

4.5.1 Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được SHB nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi và SHB không phải là cổ đông sáng lập; hoặc không là đối tác chiến lược; hoặc không có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia hội đồng quản trị/ban điều hành.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tiểu khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của SHB theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho quãng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi

nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “*Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư*”.

4.5.2 *Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn*

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được SHB mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi và SHB có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tiểu khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của SHB theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho quãng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “*Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư*”.

4.5.3 *Trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý Tài sản của các Tổ chức Tín dụng (VAMC) phát hành*

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản nợ xấu được bán và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, định kỳ, SHB tính toán và trích lập dự phòng rủi ro hàng năm không thấp hơn 20% mệnh giá trái phiếu đặc biệt. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “*Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư*”.

Các trái phiếu đặc biệt của VAMC đang phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là các trái phiếu đã nhận tương ứng với số nợ bán cho VAMC vào trong năm 2013. SHB dự kiến sẽ bắt đầu thực hiện trích lập dự phòng cho các trái phiếu này từ năm 2014.

4.6 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những tài sản được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

4.7 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà SHB có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời SHB là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia hội đồng quản trị/ban điều hành.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và sau đó được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá nếu có.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà SHB đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013. SHB đã thu thập báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của các đơn vị nhận đầu tư tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất để tính và trích lập dự phòng. Mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của SHB so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà SHB phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định, chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà SHB phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.10 Thuê tài sản

SHB đi thuê

Các tài sản thuê hoạt động không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Tiền thuê phải trả được hạch toán theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục "*Chi phí hoạt động khác*" trong suốt thời hạn thuê tài sản.

4.11 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là các bất động sản mà công ty con của Ngân hàng đầu tư với mục đích cho thuê hoặc thu lợi từ việc tăng giá tài sản. Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua, bao gồm cả chi phí giao dịch và sau đó được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Chi phí khấu hao được hạch toán vào khoản mục "*Chi phí hoạt động khác*".

4.12 Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình, vô hình và bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Tài sản cố định vô hình khác	20 năm

Quyền sử dụng đất của SHB được Nhà nước giao không được trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê.

4.13 Các khoản ủy thác đầu tư

Ngân hàng thương mại được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của NHNN. Trong đó, theo Thông tư số 04/2012/TT-NHNN ngày 8 tháng 3 năm 2012 của Thống đốc NHNN Việt Nam, các tổ chức tín dụng phải phân loại nợ, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro khi thực hiện nghiệp vụ ủy thác trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng. Theo đó, SHB phân loại nợ và trích lập dự phòng các khoản ủy thác đầu tư trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng theo Điều 6, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN và trích lập dự phòng cho các khoản ủy thác còn lại theo Thông tư 228/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản ủy thác đầu tư ngoài lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản ủy thác hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản ủy thác chưa đến hạn thanh toán nhưng bên được ủy thác lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể (nếu là tổ chức kinh tế); hoặc mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết (nếu là cá nhân). Đối với các khoản ủy thác quá hạn thanh toán, dự phòng được trích lập trên rủi ro thuần, được tính bằng giá trị của khoản ủy thác (bao gồm cả các khoản dự thu chưa thu được) trừ giá trị của tài sản bảo đảm, theo các tỷ lệ hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Đối với các khoản ủy thác đầu tư được bàn giao khi nhận sáp nhập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Hà Nội, SHB đã xin phép NHNN được phân bổ dẫn khoản dự phòng rủi ro phát sinh trước đây vào kết quả hoạt động kinh doanh của SHB trong khoảng thời gian 5 năm kể từ năm 2013.

4.14 Các khoản mua bán nợ của công ty con

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2002 hướng dẫn Chế độ Tài chính đối với Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản trực thuộc Ngân hàng Thương mại của Bộ Tài chính, các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản được trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản nợ mà công ty mua. Thời điểm trích lập, căn cứ trích lập, tỷ lệ trích lập do Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngân hàng thương mại thành lập công ty quy định và phải được quy định rõ trong quy chế tài chính của công ty, nhưng phải đảm bảo nguyên tắc: tại thời điểm khoá sổ kế toán, số dư dự phòng rủi ro trích lập được không nhỏ hơn 5% số dư giá vốn của các khoản nợ công ty đã mua. Số dư giá vốn của các khoản nợ công ty đã mua được xác định bằng giá mua các khoản nợ trừ đi số tiền công ty thực thu được từ các khoản nợ đó để hoàn vốn. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí hoạt động*" trong kỳ.

4.15 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng trong hoạt động ngân hàng của SHB được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản

nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí hoạt động*" trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được xác định theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Trên ba (3) năm	100%

4.16 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN của NHNN, SHB phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là "các khoản cam kết ngoại bảng") vào các nhóm quy định tại Điều 6 - Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

Các quy định hiện hành của Campuchia và Lào không yêu cầu Ngân hàng phải phân loại và trích lập dự phòng cho các cam kết ngoại bảng tại các thị trường này.

Dự phòng cụ thể cho các cam kết ngoại bảng tại thị trường Việt Nam được tính tương tự như dự phòng các khoản cho vay khách hàng tại Thuyết minh số 4.3.1. Chi phí dự phòng được hạch toán trên khoản mục "*Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng*" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và số dư được theo dõi trên khoản mục "*Các khoản nợ khác*" của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.17 Các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi ngoại tệ

Đối với các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi ngoại tệ, chênh lệch giữa giá trị VNĐ của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản – khoản mục "*Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác*" nếu dương hoặc khoản mục công nợ – khoản mục "*Công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác*" nếu âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục "*Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối*" trong suốt kỳ hạn của hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá liên ngân hàng do NHNN công bố (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày cuối kỳ kế toán tại Thuyết minh số 49).

Trong năm, lãi hoặc lỗ do đánh giá lại được hạch toán vào khoản mục "*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các khoản chênh lệch này được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 tại Thuyết minh số 49). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của SHB được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VNĐ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.19 Ghi nhận doanh thu và chi phí

4.19.1 Ghi nhận doanh thu và chi phí từ hoạt động kinh doanh ngân hàng

Doanh thu và chi phí lãi

Doanh thu và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được thoái thu và chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Phí dịch vụ ngân hàng

Các khoản phí dịch vụ ngân hàng được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện.

4.19.2 Ghi nhận doanh thu từ các hoạt động khác

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán.

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

Phí quản lý danh mục đầu tư

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của SHB được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của SHB mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

SHB chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả khi SHB có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và SHB dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của SHB sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

SHB chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi SHB có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và SHB dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

4.21 Trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2012, Ngân hàng phải trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính từ nguồn lợi nhuận thuần trong năm tài chính.

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2002 hướng dẫn Chế độ Tài chính đối với Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản trực thuộc Ngân hàng Thương mại của Bộ Tài chính, các công ty quản nợ và khai thác tài sản thực hiện việc trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc theo các quy định hiện hành của Nhà nước áp dụng đối với ngân hàng thương mại thành lập công ty.

Theo Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 1 tháng 2 năm 2000 và Thông tư 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 11 năm 2012, công ty chứng khoán phải trích từ nguồn lợi nhuận thuần trong năm lập các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính.

4.22 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của SHB và vì thế không được bao gồm trong các báo cáo tài chính hợp nhất của SHB.

4.23 **Bù trừ**

Tài sản và công nợ tài chính được bù trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi SHB có quyền hợp pháp để thực hiện việc bù trừ và SHB dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

4.24 **Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của SHB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu là chia theo khu vực địa lý. Mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu là chia theo lĩnh vực kinh doanh.

4.25 **Lợi ích của nhân viên**

4.25.1 *Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên SHB tại Việt Nam khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. SHB tại Việt Nam sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,00% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, SHB tại Việt Nam không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu do sắp xếp lại lao động được hưởng trợ cấp một tháng lương cơ bản cho một năm (mười hai (12) tháng) công tác và một phần hai tháng lương cơ bản cho mỗi tháng nghỉ hưu trước tuổi (tối đa bằng ba mươi (30) tháng), hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ. Ngoài ra, người lao động được trợ cấp ba (3) tháng lương bằng mức lương hiện hưởng.

4.25.2 *Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc*

Theo Điều 48 của Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012, SHB có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc tự nguyện bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc.

Theo Điều 49 của Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012, SHB có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, SHB có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, mức chi trả tối thiểu cho người lao động đã từng làm việc cho SHB bằng hai tháng lương.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.25.3 *Trợ cấp thất nghiệp*

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, SHB có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

5. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

5.1 Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

	Tin dụng	Đầu tư	Dịch vụ	Kinh doanh và huy động vốn	Tổng cộng
Năm 2013					
Doanh thu trực tiếp	7.014.836	1.641.629	93.942	946.682	9.697.089
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013					
1. Tài sản bộ phận	90.968.760	23.063.398	39.712	21.237.432	135.309.302
2. Tài sản phân bổ	3.459.576	45.363	2.351.834	2.459.728	8.316.501
Tổng tài sản	94.428.336	23.108.761	2.391.546	23.697.160	143.625.803
1. Nợ phải trả bộ phận	185.554	-	178.198	132.028.344	132.392.096
2. Nợ phân bổ	364.087	4.774	247.508	258.864	875.233
Tổng công nợ	549.641	4.774	425.706	132.287.208	133.267.329

5.2 Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

	Nước ngoài	Việt Nam		Tổng cộng
		Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam
Thu nhập lãi thuần	151.459	1.126.956	151.210	674.433
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	(12.963)	110.730	3.726	31.638
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(4.405)	51.498	770	15.537
Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	696	-	-
Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-	(16.199)	-	-
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	232	77.379	(109)	(876)
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	6.325	-	-
Chi phí hoạt động	(94.139)	(1.369.904)	(117.157)	(279.670)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	40.184	(12.519)	38.440	441.062
Hoàn nhập/(Chi phí) dự phòng rủi ro tín dụng	(22.097)	656.834	(18.602)	(123.254)
Tổng lợi nhuận trước thuế	18.087	644.315	19.838	317.808
				1.000.048

6. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2013 <i>triệu đồng</i>	31/12/2012 <i>triệu đồng</i>
Tiền mặt bằng VNĐ	310.980	256.768
Tiền mặt bằng ngoại tệ	224.492	224.361
Vàng tiền tệ	5.643	3.758
	541.115	484.887

7. TIỀN GỬI TẠI NHNN

	31/12/2013 <i>triệu đồng</i>	31/12/2012 <i>triệu đồng</i>
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	1.818.057	2.789.224
Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia	136.541	109.625
Tiền gửi tại NHNN Lào	26.454	133.020
	1.981.052	3.031.869

Tiền gửi tại NHNN Việt Nam

Tiền gửi tại NHNN Việt Nam bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VNĐ và tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất tương ứng là 1,20%/năm và 0,05%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1,20%/năm và 0,05%/năm).

Theo quy định của NHNN, Ngân hàng phải duy trì một khoản dự trữ nhất định tại NHNN dưới dạng dự trữ bắt buộc. Trong tháng 12 năm 2013, tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 3,00% và 8,00% (2012: 3,00% và 8,00%) tương ứng đối với tiền gửi của khách hàng bằng VNĐ và ngoại tệ không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, và tỷ lệ tương ứng là 1,00% và 6,00% (2012: 1,00% và 6,00%) đối với tiền gửi của khách hàng bằng VNĐ và ngoại tệ có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên.

Trong năm, Ngân hàng đã tuân thủ các quy định của NHNN Việt Nam về việc duy trì dự trữ bắt buộc.

Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia

Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ liên quan đến việc thành lập chi nhánh của Ngân hàng tại Vương quốc Campuchia và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Quốc gia Campuchia. Tiền gửi dự trữ bắt buộc được tính dựa trên số dư tiền gửi bình quân ngày, tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 8,00% đối với khoản tiền gửi bằng đồng Riels và 12,50% đối với khoản tiền gửi bằng ngoại tệ. Khoản dự trữ 8,00% bằng đồng Riels không được hưởng lãi suất, khoản dự trữ 12,50% bằng ngoại tệ gồm 8,00% không được hưởng lãi suất và 4,50% còn lại được hưởng lãi suất theo tỷ lệ do Prakas quy định về xác định lãi suất tiền gửi có kỳ hạn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, lãi suất là 0,10%/năm).

Tiền gửi tại NHNN Lào

Tiền gửi tại NHNN Lào bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ liên quan đến việc thành lập chi nhánh của Ngân hàng tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và dự trữ bắt buộc theo quy định của NHNN Lào. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc phải duy trì là 0% cho tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng, 5,00% cho tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng với tiền LAK và 10,00% cho tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng đối với ngoại tệ. Khoản tiền gửi ký quỹ tại NHNN Lào không được hưởng lãi suất.

8. TIỀN, VÀNG GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	17.626.577	20.996.608
Cho vay các TCTD khác	12.636.028	8.890.044
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	-	(24.404)
	<u>30.262.605</u>	<u>29.862.248</u>

8.1 Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác

	31/12/2013	31/12/2012
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Tiền, vàng gửi thanh toán	1.474.380	1.117.223
Bằng VNĐ	841.991	980.700
Bằng ngoại tệ, vàng	632.389	136.523
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	16.152.197	19.879.385
Bằng VNĐ	14.401.512	18.873.242
Bằng ngoại tệ, vàng	1.750.685	1.006.143
	<u>17.626.577</u>	<u>20.996.608</u>

Theo Thông tư số 21/2012/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2012 và được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 01/2013/TT-NHNN, các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được gửi tiền có kỳ hạn tối đa là 3 tháng tại các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác kể từ ngày có hiệu lực của Thông tư này (ngày 1 tháng 9 năm 2012). Theo đó, Ngân hàng đã tuân thủ quy định của Thông tư này.

8.2 Cho vay các TCTD khác

	31/12/2013	31/12/2012
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Bằng VNĐ	7.945.000	7.350.000
Bằng vàng, ngoại tệ	4.691.028	1.540.044
	<u>12.636.028</u>	<u>8.890.044</u>

9. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đầu tư vào chứng khoán kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 bao gồm:

	31/12/2013 <u>triệu đồng</u>	31/12/2012 <u>triệu đồng</u>
Chứng khoán vốn	51.887	40.564
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	51.887	40.564
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(22.872)	(27.177)
	29.015	13.387

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh như sau:

	31/12/2013 <u>triệu đồng</u>	31/12/2012 <u>triệu đồng</u>
Chứng khoán vốn		
Đã niêm yết	34.651	40.564
Chưa niêm yết	<u>17.236</u>	<u>-</u>
	51.887	40.564

10. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	<u>Giá trị ghi sổ kế toán</u> <u>(theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)</u>		
	<u>Tài sản</u> <u>triệu đồng</u>	<u>Công nợ</u> <u>triệu đồng</u>	<u>Giá trị ròng</u> <u>triệu đồng</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Công cụ TC phái sinh tiền tệ	-	6.272	(6.272)
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	-	472	(472)
Giao dịch hoán đổi kỳ hạn	-	5.800	(5.800)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Công cụ TC phái sinh tiền tệ	5.847	-	5.847
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	3.264	-	3.264
Giao dịch hoán đổi kỳ hạn	2.583	-	2.583

11. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2013 <u>triệu đồng</u>	31/12/2012 <u>triệu đồng</u>
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	75.066.656	55.722.484
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	7.213	985.650
Các khoản trả thay khách hàng	19.582	582
Cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư	19.333	74.572
Cho vay khác đối với tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	22.007	22.013
Nợ chờ xử lý - Vinashin	<u>1.228.584</u>	<u>-</u>
	76.363.375	56.805.301
Các khoản Repo với khách hàng SHB AMC	2.200	2.200
Các khoản phải thu giao dịch chứng khoán của SHBS	<u>144.096</u>	<u>132.223</u>
	76.509.671	56.939.724

Cho vay thương mại gồm các khoản cho vay ngắn, trung và dài hạn, bao gồm các khoản vay đồng tài trợ mà Ngân hàng làm đầu mối, bằng VNĐ, USD và EUR.

11.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2013 <u>triệu đồng</u>	31/12/2012 <u>triệu đồng</u>
Nợ đủ tiêu chuẩn	69.678.554	47.177.222
Nợ cần chú ý (*)	2.352.446	4.613.612
Nợ dưới tiêu chuẩn	144.391	1.030.821
Nợ nghi ngờ	434.850	1.774.175
Nợ có khả năng mất vốn	2.524.550	2.209.471
Nợ cho vay chờ xử lý - Vinashin	<u>1.228.584</u>	<u>-</u>
	76.363.375	56.805.301
Các khoản Repo với khách hàng SHB AMC	2.200	2.200
Các khoản phải thu giao dịch chứng khoán của SHBS	<u>144.096</u>	<u>132.223</u>
	76.509.671	56.939.724

(*) Bao gồm danh mục dư nợ của Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam ("Vinashin"), một số công ty thành viên và các đơn vị đã chuyển sang Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN"), và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ("Vinalines"). Các khoản vay này được phân loại nợ và trích lập dự phòng theo văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý Nhà nước về việc xem xét khoanh và cơ cấu lại các khoản nợ cũ của Vinashin và các đơn vị thành viên của Vinashin đã chuyển sang PVN và Vinalines. Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể theo khả năng tài chính của Ngân hàng.

11.2 Phân tích dư nợ theo thời gian gốc của các khoản cho vay

	<u>31/12/2013</u> <i>triệu đồng</i>	<u>31/12/2012</u> <i>triệu đồng</i>
Nợ ngắn hạn	39.577.428	32.093.150
Nợ trung hạn	19.069.977	12.770.917
Nợ dài hạn	16.487.386	11.941.234
Nợ cho vay chờ xử lý - Vinashin	<u>1.228.584</u>	<u>-</u>
	<u>76.363.375</u>	<u>56.805.301</u>
Các khoản Repo với khách hàng SHB AMC	2.200	2.200
Các khoản phải thu giao dịch chứng khoán của SHBS	<u>144.096</u>	<u>132.223</u>
	<u>76.509.671</u>	<u>56.939.724</u>

11.3 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	<u>31/12/2013</u> <i>triệu đồng</i>	<u>%</u>	<u>31/12/2012</u> <i>triệu đồng</i>	<u>%</u>
Công ty Nhà nước	3.092.034	4,04	2.687.544	4,72
Công ty TNHH Nhà nước	6.880.580	8,99	2.944.494	5,17
Công ty TNHH khác	15.413.247	20,15	11.452.224	20,11
Công ty cổ phần vốn Nhà nước trên 50%	4.708.526	6,15	3.197.708	5,62
Công ty cổ phần khác	25.395.503	33,19	19.063.710	33,48
Công ty hợp danh	641	0,00	1.706	0,003
Doanh nghiệp tư nhân	1.044.199	1,36	763.502	1,34
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	102.672	0,13	500.953	0,88
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	129.239	0,17	70.443	0,12
Hộ kinh doanh, cá nhân	17.745.499	23,19	15.937.074	27,99
Thành phần kinh tế khác	622.651	0,82	185.943	0,33
Nợ cho vay chờ xử lý - Vinashin	<u>1.228.584</u>	<u>1,61</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
	<u>76.363.375</u>	<u>99,80</u>	<u>56.805.301</u>	<u>99,76</u>
Các khoản Repo với khách hàng SHB AMC	2.200	0,01	2.200	0,004
Các khoản phải thu giao dịch chứng khoán của SHBS	<u>144.096</u>	<u>0,19</u>	<u>132.223</u>	<u>0,23</u>
	<u>76.509.671</u>	<u>100</u>	<u>56.939.724</u>	<u>100</u>

11.4 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	31/12/2013		31/12/2012	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	16.523.844	21,60	8.090.626	14,21
Khai khoáng	5.061.999	6,62	3.964.713	6,96
Công nghiệp chế biến, chế tạo	12.568.304	16,43	8.707.926	15,29
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	2.630.550	3,44	1.342.569	2,36
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	19.045	0,02	23.686	0,04
Xây dựng	7.134.663	9,33	6.118.343	10,75
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	11.586.162	15,14	10.504.245	18,45
Vận tải kho bãi	3.864.980	5,05	4.092.720	7,19
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	2.101.590	2,75	1.284.432	2,26
Thông tin và truyền thông	80.742	0,11	95.341	0,17
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	647.902	0,85	654.824	1,15
Hoạt động kinh doanh bất động sản	3.500.575	4,58	2.236.672	3,93
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	52.355	0,07	17.105	0,03
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	42.081	0,06	49.744	0,09
Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	-	-	4.992	0,01
Giáo dục và đào tạo	51.269	0,06	44.085	0,08
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	93.587	0,11	76.326	0,13
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	30.490	0,03	21.757	0,04
Hoạt động dịch vụ khác	9.121.126	11,91	9.206.154	16,17
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	23.527	0,02	261.952	0,44
Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	-	-	7.089	0,01
Nợ cho vay được khoanh và nợ chờ xử lý	1.228.584	1,62	-	-
	76.363.375	99,80	56.805.301	99,76
Các khoản REPO với khách hàng	2.200	0,01	2.200	0,01
Các khoản phải thu giao dịch chứng khoán	144.096	0,19	132.223	0,23
	76.509.671	100	56.939.724	100

12. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Chi tiết số dư dự phòng rủi ro tín dụng được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>triệu đồng</u>	<u>triệu đồng</u>
Dự phòng rủi ro cho vay KH tại Việt Nam	1.156.909	1.241.903
Dự phòng rủi ro cho vay KH tại Campuchia	26.858	8.074
Dự phòng rủi ro cho vay KH tại Lào	3.854	454
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	1.187.621	1.250.431
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	57.878	40.813
	<u>1.245.499</u>	<u>1.291.244</u>

12.1 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

12.1.1 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng tại Việt Nam

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Điều 6, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN, Quyết định số 780/2012/QĐ-NHNN và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng. Theo đó hàng năm dự phòng tại thời điểm 31 tháng 12 được trích lập dựa trên kết quả phân loại các khoản cho vay tại ngày 30 tháng 11.

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm của năm hiện hành bao gồm các khoản sau:

	<i>Dự phòng cụ thể</i>	<i>Dự phòng chung</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<u>triệu đồng</u>	<u>triệu đồng</u>	<u>triệu đồng</u>
Số dư đầu năm	907.420	334.483	1.241.903
Dự phòng rủi ro trích lập/(hoàn nhập) trong năm	(33.755)	112.029	78.274
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR từ tháng 1 đến tháng 11 trong năm	(37.166)	-	(37.166)
Số dư dự phòng rủi ro tại thời điểm 30 tháng 11	836.499	446.512	1.283.011
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR trong tháng 12	(126.102)	-	(126.102)
Số dư cuối năm	710.397	446.512	1.156.909

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm của năm trước bao gồm các khoản sau:

	<i>Dự phòng cụ thể</i>	<i>Dự phòng chung</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<u>triệu đồng</u>	<u>triệu đồng</u>	<u>triệu đồng</u>
Số dư đầu năm	154.962	200.005	354.967
Số dư chuyển sang từ Habubank	1.387.888	111.218	1.499.106
Dự phòng rủi ro trích lập/(hoàn nhập) trong năm	(635.430)	23.260	(612.170)
Số dư dự phòng rủi ro tại thời điểm 30 tháng 11	907.420	334.483	1.241.903
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR trong tháng 12	-	-	-
Số dư cuối năm	907.420	334.483	1.241.903

12.1.2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng tại Campuchia

Đối với các khoản cho vay phát sinh tại Chi nhánh Campuchia, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng tín dụng theo Prakas số B7-09-074 ngày 25 tháng 2 năm 2009 của Thống đốc Ngân hàng Quốc gia Campuchia.

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay trong năm hiện hành như sau:

	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Số dư đầu kỳ	-	8.074	8.074
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	396	18.388	18.784
Số dư cuối kỳ	396	26.462	26.858

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm trước như sau:

	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Số dư đầu năm	-	-	-
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	-	8.074	8.074
Số dư cuối kỳ	-	8.074	8.074

12.1.3 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng tại Lào

Đối với các khoản cho vay phát sinh tại Chi nhánh Lào, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng tín dụng theo Quyết định số 324/BOL của NHNN Lào.

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay tại Lào trong năm hiện hành bao gồm các khoản sau:

	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Số dư đầu kỳ	-	454	454
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	527	2.873	3.400
Số dư cuối kỳ	527	3.327	3.854

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm trước như sau:

	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	-	454	454
Số dư cuối kỳ	-	454	454

12.2 Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng

Thay đổi dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng của năm hiện hành bao gồm các khoản sau:

	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Số dư đầu kỳ	-	40.813	40.813
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	-	17.065	17.065
Số dư cuối kỳ	-	57.878	57.878

Thay đổi dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng trong năm trước bao gồm các khoản sau:

	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Số dư đầu kỳ	-	26.315	26.315
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	-	23.544	23.544
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(9.046)	(9.046)
Số dư cuối kỳ	-	40.813	40.813

13. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	<i>31/12/2013 triệu đồng</i>	<i>31/12/2012 triệu đồng</i>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	8.101.622	8.418.596
Chứng khoán nợ	8.053.509	8.370.572
Chứng khoán Chính phủ	4.092.467	4.947.245
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	58.754	375.018
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	3.902.288	3.048.309
Chứng khoán vốn	48.113	48.024
Chứng khoán vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	11.689	11.689
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	36.424	36.335
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(8.843)	(9.864)
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	10.562.229	4.290.544
Chứng khoán nợ Chính phủ	4.213.522	869.688
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	3.656.980	2.345.668
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	2.691.727	1.075.188
	18.655.008	12.699.276

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

14.1 Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	Máy móc thiết bị triệu đồng	Phương tiện vận tải triệu đồng	Thiết bị văn phòng triệu đồng	TSCĐ hữu hình khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	194.729	211.138	148.046	123.134	23.196	700.243
Chênh lệch tỷ giá	59	88	52	33	-	232
Mua trong năm	8.468	88.851	3.908	9.512	4.304	115.043
Tăng khác	136	-	-	399	-	535
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.833)	(3.999)	(6.791)	(622)	(17.245)
Phân loại lại theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(820)	(13.794)	(744)	(44.319)	(4.523)	(64.200)
Giảm khác	(10.207)	(486)	-	(35)	(304)	(11.032)
Số dư cuối năm	192.365	279.964	147.263	81.933	22.051	723.576
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	34.465	121.782	56.229	75.471	13.413	301.360
Khấu hao trong năm	8.485	35.892	14.387	17.770	6.004	82.538
Tăng khác	442	-	-	-	-	442
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.923)	(943)	(6.636)	(492)	(12.994)
Phân loại lại theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(555)	(10.178)	(661)	(33.620)	(3.097)	(48.111)
Giảm khác	(4.227)	(335)	-	-	(1.046)	(5.608)
Số dư cuối năm	38.610	142.238	69.012	52.985	14.782	317.627
Giá trị còn lại của TSCĐ						
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	160.264	89.356	91.817	47.663	9.783	398.883
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>153.755</u>	<u>137.726</u>	<u>78.251</u>	<u>28.948</u>	<u>7.269</u>	<u>405.949</u>

14.1 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	Máy móc thiết bị triệu đồng	Phương tiện vận tải triệu đồng	Thiết bị văn phòng triệu đồng	TSCĐ hữu hình khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	49.170	54.628	81.666	60.861	6.459	252.784
Nhận tài sản từ Habubank	138.685	127.277	43.057	46.729	14.812	370.560
Mua trong năm	6.552	27.752	23.758	10.218	1.971	70.251
Đầu tư XD CB hoàn thành	322	1.923	-	6.639	-	8.884
Tăng khác	-	-	76	-	-	76
Thanh lý, nhượng bán	-	(433)	(511)	(1.313)	(46)	(2.303)
Giảm khác	-	(9)	-	-	-	(9)
Số dư cuối năm	194.729	211.138	148.046	123.134	23.196	700.243
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	10.484	18.895	24.176	28.504	2.943	85.002
Nhận tài sản từ Habubank	18.440	84.431	19.555	32.311	8.151	162.888
Khấu hao trong năm	5.523	18.432	12.749	14.586	2.365	53.655
Đầu tư XD CB hoàn thành	18	438	-	1.315	-	1.771
Tăng khác	-	15	1	-	-	16
Thanh lý, nhượng bán	-	(421)	(252)	(1.245)	(46)	(1.964)
Giảm khác	-	(8)	-	-	-	(8)
Số dư cuối năm	34.465	121.782	56.229	75.471	13.413	301.360
Giá trị còn lại của TSCĐ						
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	38.686	35.733	57.490	32.357	3.516	167.782
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>160.264</u>	<u>89.356</u>	<u>91.817</u>	<u>47.663</u>	<u>9.783</u>	<u>398.883</u>

14.2 Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>TSCĐ vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>_____ triệu đồng</i>	<i>_____ triệu đồng</i>	<i>_____ triệu đồng</i>	<i>_____ triệu đồng</i>
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.611.783	182.874	22.422	3.817.079
Chênh lệch tỷ giá	-	171	-	171
Mua trong năm	7.604	18.908	12.999	39.511
Tăng khác	10.207	-	2.187	12.394
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.124)	-	(1.124)
Phân loại lại theo Thông tư 45/2013/ TT-BTC	-	(148)	-	(148)
Giảm khác	<u>-</u>	<u>(2.187)</u>	<u>-</u>	<u>(2.187)</u>
Số dư cuối năm	<u>3.629.594</u>	<u>198.494</u>	<u>37.608</u>	<u>3.865.696</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	789	81.858	6.188	88.835
Khấu hao trong năm	158	22.566	5.200	27.924
Tăng khác	4.227	355	10	4.592
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.083)	-	(1.083)
Phân loại lại theo Thông tư 45/2013/ TT-BTC	-	(148)	-	(148)
Giảm khác	<u>-</u>	<u>(10)</u>	<u>-</u>	<u>(10)</u>
Số dư cuối năm	<u>5.174</u>	<u>103.539</u>	<u>11.398</u>	<u>120.111</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>3.610.994</u>	<u>101.016</u>	<u>16.234</u>	<u>3.728.244</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>3.624.420</u>	<u>94.955</u>	<u>26.210</u>	<u>3.745.585</u>

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>TSCĐ vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	2.030.651	53.512	21.983	2.106.146
Nhận tài sản từ Habubank	28.889	78.678	439	108.006
Mua trong năm	-	16.772	-	16.772
Tăng do hoàn thành mua sắm TSCĐ	-	34.009	-	34.009
Tăng khác	1.589.761	-	-	1.589.761
Thanh lý, nhượng bán	(37.518)	(97)	-	(37.615)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>3.611.783</u>	<u>182.874</u>	<u>22.422</u>	<u>3.817.079</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	631	14.064	4.250	18.945
Nhận tài sản từ Habubank	-	44.053	439	44.492
Khấu hao trong năm	158	23.838	1.499	25.495
Tăng do hoàn thành mua sắm TSCĐ	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(97)	-	(97)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>789</u>	<u>81.858</u>	<u>6.188</u>	<u>88.835</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>2.030.020</u>	<u>39.448</u>	<u>17.733</u>	<u>2.087.201</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>3.610.994</u>	<u>101.016</u>	<u>16.234</u>	<u>3.728.244</u>

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	-	85.456	85.456
Giảm trong kỳ	-	(68.055)	(68.055)
Phân loại lại	3.822	(3.822)	-
Số dư cuối kỳ	3.822	13.579	17.401
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Tăng trong kỳ	153	-	153
Số dư cuối kỳ	153	-	153
Giá trị còn lại			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	-	85.456	85.456
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	3.669	13.579	17.248

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC

		31/12/2013	31/12/2012
	Thuyết minh	triệu đồng	triệu đồng
Các khoản phải thu		2.110.623	1.494.165
- Các khoản phải thu	16.1	1.580.478	1.267.695
- Mua sắm TSCĐ	16.2	530.145	226.470
Các khoản lãi, phí phải thu		5.659.818	4.460.581
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	110
Tài sản có khác		4.789.212	4.256.393
- Các khoản ủy thác đầu tư	16.3	2.790.576	2.803.585
- Tài sản Có khác	16.4	1.998.636	1.452.808
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(254.981)	(64.728)
		12304672	10.146.521

16.1 Các khoản phải thu

	31/12/2013 <u>triệu đồng</u>	31/12/2012 <u>triệu đồng</u>
Các khoản phải thu nội bộ	117.280	26.369
Phải thu cán bộ công nhân viên	52.555	24.187
Phải thu nội bộ khác	64.725	2.182
Các khoản phải thu bên ngoài	1.463.198	1.241.326
Tài sản ký quỹ	13.971	7.955
Các khoản phải thu ngân sách	27.027	163.906
Phải thu khách hàng	606.596	606.596
Phải thu của công ty AMC	-	25.803
Phải thu của SHBS	194.150	49.229
Chi phí chờ phân bổ	229.679	178.712
Tạm ứng nộp thuế TNDN	25.962	-
Đặt cọc mọi giới chứng khoán	153.000	-
Phải thu khác	<u>212.813</u>	<u>209.125</u>
	1.580.478	1.267.695
Dự phòng rủi ro cho các khoản phải thu (*)	<u>(66.901)</u>	<u>(56.721)</u>
	<u>1.513.577</u>	<u>1.210.974</u>

(*) SHB thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản phải thu theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC.

16.2 Mua sắm TSCĐ

	31/12/2013 <u>triệu đồng</u>	31/12/2012 <u>triệu đồng</u>
Mua sắm trụ sở, quyền sử dụng đất	174.619	173.807
Xây dựng cơ bản dở dang	44.925	45.265
Mua sắm quyền sử dụng đất của CN Lào	304.640	-
Các tài sản khác	<u>5.961</u>	<u>7.398</u>
	<u>530.145</u>	<u>226.470</u>

16.3 Các khoản ủy thác

Chi tiết các khoản ủy thác của SHB tại ngày cuối kỳ kế toán bao gồm:

	31/12/2013 triệu đồng	31/12/2012 triệu đồng
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư	725.331	725.331
Ủy thác REPO tài sản	1.439.665	1.449.674
Ủy thác cho vay	43.319	46.319
Ủy thác khác	582.261	582.261
	2.790.576	2.803.585
Dự phòng rủi ro cho các khoản ủy thác	(188.080)	(8.007)
	2.602.496	2.795.578

16.4 Tài sản Có khác

	31/12/2013 triệu đồng	31/12/2012 triệu đồng
Vật liệu và công cụ	5.068	4.683
Chi phí chờ phân bổ	705.390	64.472
Tài sản gán nợ chờ xử lý	1.135	1.135
Các khoản chờ thanh toán	434.118	638.331
Phải thu từ mua bán nợ của AMC	616.135	624.269
Hàng hóa BĐS AMC	103.425	55.109
Khác	133.365	64.809
	1.998.636	1.452.808

17. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN

Đây là các khoản vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá.

18. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

Chi tiết các khoản tiền, vàng của các tổ chức tín dụng khác gửi tại Ngân hàng và các khoản vay các TCTD khác vào thời điểm cuối kỳ kế toán bao gồm:

	31/12/2013 <u>triệu đồng</u>	31/12/2012 <u>triệu đồng</u>
Tiền, vàng gửi từ các TCTD khác	12.155.603	15.505.603
<i>Tiền, vàng gửi không kỳ hạn</i>	771.115	934.967
Bằng VNĐ	758.358	921.868
Bằng vàng và ngoại tệ	12.757	13.099
<i>Tiền, vàng gửi có kỳ hạn</i>	11.384.488	14.570.636
Bằng VNĐ	10.060.000	13.800.000
Bằng vàng và ngoại tệ	1.324.488	770.636
Vay các TCTD khác	8.529.778	6.271.648
Bằng VNĐ	5.387.000	4.897.000
Bằng vàng và ngoại tệ	<u>3.142.778</u>	<u>1.374.648</u>
	<u>20.685.381</u>	<u>21.777.251</u>

19. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

19.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	31/12/2013 <i>triệu đồng</i>	31/12/2012 <i>triệu đồng</i>
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	8.554.718	6.078.529
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	7.054.749	4.454.715
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	19.304	16.018
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	1.479.235	1.535.043
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	1.430	72.753
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	81.891.087	71.399.622
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	31.048.414	24.032.980
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ	41.995.176	42.381.115
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	914.553	478.919
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	7.932.944	4.506.608
Tiền gửi vốn chuyên dùng	9	8
Tiền ký quỹ	268.505	120.361
Tiền gửi ký quỹ bằng VNĐ	113.872	78.990
Tiền gửi ký quỹ bằng vàng, ngoại tệ	154.633	41.371
Chuyển tiền phải trả	46.698	-
Chuyển tiền phải trả bằng VNĐ	46.698	-
	90.761.017	77.598.520

Mức lãi suất của các khoản tiền gửi khách hàng vào cuối năm như sau:

	2013 <i>lãi suất bình quân %/năm</i>	2012 <i>lãi suất bình quân %/năm</i>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	1,00	2,00
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	1,00	2,00
Tiền gửi không kỳ hạn bằng USD	0,10	0,20
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng USD	0,20	0,50
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	6,86	10,20
Tiền gửi tiết kiệm bằng VNĐ	7,49	9,90
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn USD	1,24	2,00

Đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, trong trường hợp khách hàng rút trước hạn, lãi suất nhận được sẽ áp dụng theo lãi suất không kỳ hạn.

19.2 Thuyết minh theo đối tượng khách hàng

	31/12/2013 <u>triệu đồng</u>	31/12/2012 <u>triệu đồng</u>
Công ty Nhà nước	638.915	523.279
Công ty TNHH một thành viên vốn Nhà nước 100%	7.239.212	2.110.700
Công ty TNHH khác	2.893.435	2.981.781
Công ty Cổ phần vốn Nhà nước trên 50%	8.887.391	7.596.157
Công ty Cổ phần khác	14.499.663	9.444.991
Công ty hợp danh	2	9
Doanh nghiệp tư nhân	11.551	29.545
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	931.099	192.938
Hợp tác xã và Liên hiệp hợp tác xã	1.776	2.060
Hộ kinh doanh, cá nhân	53.828.236	53.114.225
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể và hiệp hội	883.842	996.224
Thành phần kinh tế khác	<u>945.895</u>	<u>606.611</u>
	<u>90.761.017</u>	<u>77.598.520</u>

19.3 Thuyết minh theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2013 <u>triệu đồng</u>	31/12/2012 <u>triệu đồng</u>
Tiền gửi của TCKT	35.147.808	22.881.460
Doanh nghiệp quốc doanh	16.765.518	10.230.136
Doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các đối tượng khác	17.451.191	12.458.386
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	931.099	192.938
Tiền gửi của cá nhân	53.781.537	53.114.225
Tiền gửi của các đối tượng khác	<u>1.831.672</u>	<u>1.602.835</u>
	<u>90.761.017</u>	<u>77.598.520</u>

20. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY CHỊU RỦI RO

	31/12/2013 <i>triệu đồng</i>	31/12/2012 <i>triệu đồng</i>
Vốn nhận tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay bằng VNĐ	469.069	379.615
Vốn nhận tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay bằng ngoại tệ	7.321	5.630
	476.390	385.245

20.1 Vốn nhận tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay bằng VNĐ

Chi tiết các khoản vốn nhận tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay bằng VNĐ tại ngày cuối kỳ kế toán như sau:

<i>Tổ chức tài trợ, uỷ thác đầu tư</i>	31/12/2013			31/12/2012		
	<i>kỳ hạn</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>lãi suất %/năm</i>	<i>kỳ hạn</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>lãi suất %/năm</i>
Vay trung, dài hạn bằng VNĐ từ Dự án Tài chính Nông thôn II	trên 30 tháng	18.363	7,32	trên 30 tháng	71.685	9,45
Vay trung hạn bằng VNĐ từ Dự án Tài chính Nông thôn II	dưới 30 tháng	50.383	7,32	dưới 30 tháng	-	-
Vay trung, dài hạn bằng VNĐ từ Dự án Tài chính Nông thôn III	trên 18 tháng	132.702	7,32	trên 18 tháng	222.879	9,45
Vay trung hạn bằng VNĐ từ Dự án Tài chính Nông thôn III	dưới 18 tháng	153.444	7,32	dưới 18 tháng	-	-
Vay trung, dài hạn từ Dự án Tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn III	trên 30 tháng	78.422	5,88	trên 30 tháng	85.051	8,75
Vay trung hạn từ Dự án Tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn III	dưới 30 tháng	35.755	5,88	dưới 30 tháng	-	-
		469.069			379.615	

Vay từ Dự án Tài chính Nông thôn II và Dự án Tài chính Nông thôn III là các khoản vay từ Tổ chức Phát triển Quốc tế thuộc Ngân hàng Thế giới thông qua Bộ Tài chính nhằm cho vay lại đối với các TCTD tham gia để cung cấp các khoản vay tới các hộ gia đình với mục tiêu phát triển nông thôn và giảm nghèo. Lãi suất của các khoản vay này là 7,32%/năm (năm 2012 là 9,45%/năm). Lãi suất cho vay tới các hộ gia đình tùy theo mức lãi suất áp dụng của Ngân hàng trong từng giai đoạn.

Vay từ Dự án Tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn III là các khoản vay từ Cơ quan hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) thông qua Ban Quản lý các dự án tín dụng quốc tế ODA nhằm cho vay lại đối với các TCTD tham gia để cung cấp các khoản vay tới các doanh nghiệp vừa và nhỏ hợp lệ. Lãi suất của các khoản vay này là 5,88%/năm (năm 2012 là 8,75%). Lãi suất cho vay tới các doanh nghiệp vừa và nhỏ tùy theo mức lãi suất áp dụng của Ngân hàng trong từng giai đoạn. Gốc và lãi của các khoản vay này được thanh toán 3 tháng 1 lần.

20.2 Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng vàng, ngoại tệ

Chi tiết vốn nhận ủy thác từ các chương trình hỗ trợ phát triển quốc gia tại ngày cuối năm tài chính như sau:

<i>Tổ chức tài trợ, ủy thác đầu tư</i>	<i>kỳ hạn</i>	<i>31/12/2013</i>		<i>31/12/2012</i>	
		<i>triệu đồng</i>	<i>lãi suất %/năm</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>lãi suất %/năm</i>
Hiệp hội Phát triển Quốc tế thuộc Ngân hàng Thế giới (World bank)	20 năm	7.321	0,75	5.630	0,75
		7.321		5.630	

21. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	<i>31/12/2013</i>	<i>31/12/2012</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Kỳ phiếu		
Dưới 12 tháng	16.909.575	4.370.389

Kỳ phiếu có kỳ hạn dưới 12 tháng có lãi suất dao động từ 5,90% tới 14,00%/năm đối với VNĐ và 1,70% đến 4,50% đối với ngoại tệ.

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

	<i>31/12/2013</i>	<i>31/12/2012</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Các khoản phải trả nội bộ	35.605	14.346
Các khoản phải trả công nhân viên	2.311	1.732
Quỹ khen thưởng phúc lợi	413	399
Các khoản phải trả khác	32.881	12.215
Các khoản phải trả bên ngoài	864.658	897.061
Các khoản phải trả về xây dựng cơ bản, mua sắm TSCĐ	6.038	6.007
Thuế GTGT	1.768	1.323
Thuế TNDN	-	134.662
Các khoản phải nộp Nhà nước khác	10.802	8.527
Các khoản chờ thanh toán	845.977	718.277
Các khoản phải trả khác	73	28.265
	900.263	911.407

23. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đơn vị: triệu đồng

	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	
Thuế GTGT	1.323	15.045	(14.600)	1.768
Thuế TNDN phải nộp năm 2013	134.662	-	(134.662)	-
Tạm ứng nộp thuế TNDN	(151.998)	150.489	(24.453)	(25.962)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả của chi nhánh Campuchia	645	-	(321)	324
Các loại thuế khác	4.489	32.975	(34.058)	3.406
	(10.879)	198.509	(207.984)	(20.354)

23.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

SHB có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 25% trên tổng lợi nhuận chịu thuế tại Việt Nam (năm 2012: 25%).

Đối với chi nhánh Campuchia, Ngân hàng thực hiện tính và xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo các quy định về thuế thu nhập tại Campuchia. Theo Luật Thuế ngày 8 tháng 1 năm 1997, số thuế thu nhập doanh nghiệp của chi nhánh Ngân hàng tại Campuchia được xác định là số lớn hơn giữa giá trị thuế phải nộp tối thiểu, được xác định bằng 1% tổng doanh thu (có bao gồm thuế giá trị gia tăng) hoặc 20% lợi nhuận thu được tại chi nhánh. Thuế TNDN của Chi nhánh Campuchia năm 2013 được xác định bằng 20% lợi nhuận thu được tại chi nhánh.

Đối với chi nhánh Lào, Ngân hàng thực hiện tính và xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo các quy định về thuế thu nhập tại Lào. Theo Pháp lệnh Thuế số 001/PRD do Thủ tướng Lào ban hành ngày 1 tháng 3 năm 2011 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2012, số thuế TNDN của chi nhánh Ngân hàng tại Lào được xác định là 24% lợi nhuận thu được tại chi nhánh.

Các báo cáo thuế của SHB sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với từng loại nghiệp vụ và tại từng quốc gia có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế nước sở tại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế có thể khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của SHB và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của SHB được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

23.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

	31/12/2013 <u>triệu đồng</u>	31/12/2012 <u>triệu đồng</u>
Tổng lợi nhuận theo kế toán trước thuế hợp nhất	1.000.048	1.825.203
Điều chỉnh cho các khoản:		
- Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(6.325)	(10.910)
- Lợi nhuận từ thanh lý bất động sản	-	(537.886)
- Lỗ lũy kế kết chuyển từ Habubank	-	(1.660.775)
- Lỗ/(Lãi) từ chi nhánh Campuchia	(15.325)	-
- Lỗ/(Lãi) từ chi nhánh Lào	(2.372)	-
- Lỗ chịu thuế của công ty con hạch toán độc lập	2.162	(19.090)
- Các khoản điều chỉnh hợp nhất	8.991	-
- Chuyển lỗ tính thuế của Ngân hàng	<u>(403.457)</u>	
Thu nhập chịu thuế TNDN / (lỗ tính thuế)	<u>583.722</u>	<u>(403.457)</u>
Chi phí thuế TNDN trong năm của hệ thống Ngân hàng (i)	145.930	-
Chi phí thuế TNDN nộp bổ sung theo kết quả thanh tra thuế năm 2010, 2011 (ii)	-	1.344
Chi phí thuế TNDN của chi nhánh Campuchia (iii)	3.967	514
Chi phí thuế TNDN của chi nhánh Lào (iv)	702	117
Chi phí thuế TNDN nộp bổ sung năm 2011 của công ty con theo thuế suất 25% (v)	-	843
Thuế thu nhập của các hoạt động kinh doanh có kê khai thuế riêng (vi)	<u>-</u>	<u>134.472</u>
Thuế TNDN trong kỳ kế toán (i+ii+iii+iv+v+vi)	150.599	137.289
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	(17.336)	109.917
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(159.115)	(264.542)
Điều chỉnh thuế nộp thừa của công ty con	<u>(110)</u>	<u>-</u>
Thuế TNDN phải trả/ (nộp thừa) cuối kỳ	<u>(25.852)</u>	<u>(17.336)</u>
<i>Trong đó</i>		
- Tạm ứng nộp thuế TNDN	(25.962)	(151.998)
- Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	-	134.662

24. VỐN VÀ CÁC QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

24.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn của Ngân hàng trong năm tài chính 2013 được thể hiện trong bảng dưới đây: Đơn vị: triệu đồng

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi ích cổ đồng thiếu số	Quỹ chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm	8.865.795	101.716	(5.260)	13	377.242	140.477	2.762	9	26.058	9.508.812
Tăng trong năm										
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	28	-	849.742	849.770
Tạm trích lập các quỹ dự trữ cho năm nay	-	-	-	-	81.622	43.126	-	-	(124.748)	-
Nộp thuế chuyển lợi nhuận của chi nhánh Campuchia	-	-	-	-	-	-	-	-	(86)	(86)
Chia cổ tức của công ty con	-	-	-	-	-	-	(13)	-	-	(13)
Giảm trong năm										
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	(9)	-	(9)
Số dư cuối kỳ	8.865.795	101.716	(5.260)	13	458.864	183.603	2.777	-	750.966	10.358.474

24.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Chi tiết phần vốn đầu tư của TCTD như sau:

	31/12/2013			31/12/2012		
	Tổng số	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi	Tổng số	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi
Vốn góp (cổ đông, thành viên...)	8.865.795	8.865.795	-	8.865.795	8.865.795	-
Thặng dư vốn cổ phần	101.716	101.716	-	101.716	101.716	-
Cổ phiếu quỹ	(5.260)	(5.260)	-	(5.260)	(5.260)	-
	8.962.251	8.962.251	-	8.962.251	8.962.251	-

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng tại ngày cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	886.827.640	886.827.640
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	886.579.547	886.579.547
Cổ phiếu phổ thông	886.579.547	886.579.547
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	496.186	496.186
Cổ phiếu phổ thông	496.186	496.186
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	886.083.361	886.083.361
Cổ phiếu phổ thông	886.083.361	886.083.361
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng)	10.000	10.000

24.2 Các quỹ của Ngân hàng

Theo Nghị định 57/2012/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2012, Ngân hàng đã tạm trích lập quỹ theo tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế như sau

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5% Lợi nhuận sau thuế	100% mức vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Không quy định

Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng sẽ thông qua việc trích lập các quỹ dự trữ cho năm tài chính 2013.

24.3 Các quỹ dự trữ của công ty con

Theo Thông tư 27/2002/TT-BTC, Công ty con trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ dự trữ theo các tỷ lệ mà Ngân hàng đang áp dụng. Năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh của SHB AMC là lỗ do vậy công ty không trích lập các quỹ dự trữ.

Công ty TNHH Chứng khoán SHBS trích lập các quỹ dự trữ theo Thông tư số 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 và Thông tư số 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 30 tháng 11 năm 2012.

25. LÃI TRÊN MỖI CỔ PHIẾU

Lãi trên mỗi cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Chi tiết lãi trên mỗi cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	<i>2013</i> <i>triệu đồng</i>	<i>2012</i> <i>triệu đồng</i>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng	849.742	1.686.841
Trừ:		
- Trích lập các quỹ khác (không bao gồm quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính)	-	-
- Lỗ lũy kế chuyển giao từ Habubank	-	(1.660.775)
Lợi nhuận dùng để tính lãi trên mỗi cổ phiếu	849.742	26.066
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (triệu cổ phiếu)	886	787
Lãi trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	959	33

26. CỔ TỨC

	<i>2013</i> <i>triệu đồng</i>	<i>2012</i> <i>triệu đồng</i>
Cổ tức đã trả trong năm cho các năm trước	1.066	270.100
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	1.066	270.100

27. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2013 <u>triệu đồng</u>	2012 <u>triệu đồng</u>
Thu nhập lãi tiền gửi	783.958	2.320.447
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	6.601.025	5.573.873
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán	1.043.225	1.449.429
Thu khác từ hoạt động tín dụng	<u>746.510</u>	<u>607.740</u>
	<u>9.174.718</u>	<u>9.951.489</u>

28. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2013 <u>triệu đồng</u>	2012 <u>triệu đồng</u>
Trả lãi tiền gửi	6.519.821	7.172.853
Trả lãi tiền vay	281.315	210.629
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	266.236	614.557
Chi phí hoạt động tín dụng khác	<u>3.288</u>	<u>77.922</u>
	<u>7.070.660</u>	<u>8.075.961</u>

29. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2013 <u>triệu đồng</u>	2012 <u>triệu đồng</u>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	219.433	193.828
Dịch vụ thanh toán	64.024	52.525
Hoạt động ngân quỹ và bảo lãnh	106.781	81.110
Dịch vụ đại lý	1.496	800
Dịch vụ khác	47.132	59.393
Chi phí hoạt động dịch vụ	(86.302)	(41.731)
Dịch vụ thanh toán	(16.867)	(11.608)
Hoạt động ngân quỹ và bảo lãnh	(10.969)	(6.489)
Dịch vụ khác	<u>(58.466)</u>	<u>(23.634)</u>
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	<u>133.131</u>	<u>152.097</u>

30. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2013 <i>triệu đồng</i>	2012 <i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	176.487	103.400
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	98.300	58.788
Thu từ kinh doanh vàng	641	-
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	77.546	44.612
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(113.087)	(55.437)
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(80.127)	(42.690)
Chi về kinh doanh vàng	(13.498)	-
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(19.462)	(12.747)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	63.400	47.963

31. LÃI THUẬN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2013 <i>triệu đồng</i>	2012 <i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	9.472	162.638
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(13.080)	(6.251)
Hoàn nhập/(Chi phí) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	4.304	(16.011)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	696	140.376

32. LỖ/LÃI THUẬN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2013 <i>triệu đồng</i>	2012 <i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán	33	38.758
Chi phí về mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán	(13.297)	(14.791)
Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán	1.021	(419)
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán sẵn sàng để bán	(12.243)	23.548
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	(3.956)	-
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán đầu tư	(16.199)	23.548

33. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2013 <i>triệu đồng</i>	2012 <i>triệu đồng</i>
Thu về nghiệp vụ mua bán nợ	-	107.697
Thu về nghiệp vụ mua bán nợ	-	107.697
Chi về hoạt động mua bán nợ	-	-
Thu về hoạt động kinh doanh khác	76.626	581.337
Thu về hoạt động kinh doanh khác	105.296	613.457
Chi về hoạt động kinh doanh khác	<u>(28.670)</u>	<u>(32.120)</u>
	<u>76.626</u>	<u>689.034</u>

34. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	2013 <i>triệu đồng</i>	2012 <i>triệu đồng</i>
Cổ tức nhận được trong năm từ góp vốn, mua cổ phần		
- từ chứng khoán vốn kinh doanh	-	42
- từ chứng khoán vốn đầu tư	3.590	6.233
- từ góp vốn, đầu tư dài hạn	<u>2.735</u>	<u>4.635</u>
	<u>6.325</u>	<u>10.910</u>

35. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2013 <i>triệu đồng</i>	2012 <i>triệu đồng</i>
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	33.740	28.689
Chi phí cho nhân viên	758.215	732.037
Chi lương và phụ cấp	660.959	647.566
Chi ăn ca	35.999	29.077
Các khoản chi đóng góp theo lương	45.150	41.983
Chi trợ cấp	16.107	13.411
Chi về tài sản	327.698	240.435
<i>Trong đó:</i>		
- Khấu hao tài sản cố định	110.462	80.921
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	450.303	537.010
<i>Trong đó:</i>		
- Công tác phí	16.854	23.391
- Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	388	226
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của KH	67.847	38.659
Chi dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	16.843	39.265
Chi dự phòng rủi ro khác	<u>206.224</u>	<u>62.898</u>
	<u>1.860.870</u>	<u>1.678.993</u>

36. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thuận thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	<i>31/12/2013</i> <i>triệu đồng</i>	<i>31/12/2012</i> <i>triệu đồng</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	541.115	484.887
Tiền gửi tại NHNN	1.981.052	3.031.869
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	1.474.380	1.117.210
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác CKH không quá 3 tháng	12.180.800	6.907.624
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua	-	124.968
	<u>16.177.347</u>	<u>11.666.558</u>

37. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	<i>Thực tế</i> <i>phát sinh</i> <i>năm 2013</i>	<i>Thực tế</i> <i>phát sinh</i> <i>năm 2012</i>
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	5.174	4.996
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (triệu đồng)		
1. Tổng quỹ lương	660.959	647.566
2. Tiền thưởng	-	-
3. Thu nhập khác	-	-
4. Tổng thu nhập (1+2+3)	<u>660.959</u>	<u>647.566</u>
5. Tiền lương bình quân/tháng	<u>10,65</u>	<u>10,80</u>
6. Thu nhập bình quân/tháng	<u>10,65</u>	<u>10,80</u>

38. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN THỂ CHẤP CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Giá trị sổ sách (triệu đồng)</i>	
	<i>31/12/2013</i>	<i>31/12/2012</i>
Bất động sản	59.453.048	46.623.609
Động sản	27.882.384	20.873.588
Chứng từ có giá	20.607.279	11.971.474
Tài sản khác	<u>36.528.806</u>	<u>24.729.449</u>
	<u>144.471.517</u>	<u>104.198.120</u>

39. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường là người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

39. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA (tiếp theo)

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoài bảng vào ngày cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2013 <i>triệu đồng</i>	31/12/2012 <i>triệu đồng</i>
Bảo lãnh tài chính	3.504.232	2.366.411
Thư tín dụng trả ngay	398.544	168.802
Thư tín dụng trả chậm	1.376.281	167.635
Cam kết bảo lãnh khác	<u>3.059.613</u>	<u>2.584.320</u>
	<u>8.338.670</u>	<u>5.287.168</u>

40. HOẠT ĐỘNG NHẬN ỦY THÁC VÀ ĐẠI LÝ KHÔNG CHỊU RỦI RO

	31/12/2013	31/12/2012
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Vốn cho vay UTĐT nhận từ tổ chức khác	166.000	166.000
	166.000	166.000

Vốn cho vay UTĐT nhận từ tổ chức khác bao gồm hai khoản ủy thác đầu tư của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (100.000 triệu đồng), thời hạn năm mươi tư (54) tháng và khoản cho vay đồng tài trợ với Ngân hàng TMCP Đại tín (66.000 triệu đồng), thời hạn một trăm hai mươi sáu (126) tháng để cho vay lại đối với Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin). Rủi ro phát sinh từ các khoản ủy thác này thuộc về bên ủy thác.

41. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với SHB. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với SHB nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - ▶ kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi SHB (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - ▶ có vốn góp vào SHB và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới SHB;
 - ▶ có quyền đồng kiểm soát SHB;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà SHB là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Tổng Giám đốc của SHB hoặc công ty mẹ của SHB;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); và
- (e) Bên liên quan là một tổ chức trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Tóm tắt giao dịch lớn với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

<i>Các giao dịch</i>	<i>triệu đồng</i>
Thu từ dịch vụ ủy thác đầu tư	69.634
Thu lãi cho vay	125.328

Tóm tắt các khoản phải thu, phải trả các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

<i>Các giao dịch</i>	<i>Phải thu triệu đồng</i>	<i>Phải trả triệu đồng</i>
Cho vay	2.594.777	-
Ủy thác đầu tư	645.332	-
Các khoản đầu tư trái phiếu	1.680.813	-
Phải thu lãi cho vay và đầu tư trái phiếu, UT đầu tư	1.395.737	-
Tiền gửi không kỳ hạn	-	1.160.634
Tiền gửi có kỳ hạn	-	1.472.600
Phải trả lãi tiền gửi	-	33.407
Đầu tư từ các bên liên quan	-	1.789.002

42. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

Đơn vị: triệu đồng

	<i>Tổng dư nợ cho vay</i>	<i>Tổng tiền gửi</i>	<i>Các cam kết tín dụng</i>	<i>CCTC phái sinh (Tổng giá trị hạch toán)</i>	<i>Kinh doanh và đầu tư chứng khoán</i>
Trong nước	73.199.121	90.141.404	8.338.670	6.272	18.715.738
Nước ngoài	<u>3.310.550</u>	<u>619.613</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
	<u>76.509.671</u>	<u>90.761.017</u>	<u>8.338.670</u>	<u>6.272</u>	<u>18.715.738</u>

43. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Mục tiêu của SHB là tối đa hóa giá trị đầu tư của cổ đông, giữ vững tốc độ tăng trưởng lợi nhuận và tình hình tài chính lành mạnh. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm nhận tiền gửi của khách hàng và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp SHB đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, điều này đòi hỏi Ngân hàng kết hợp một cách cân đối giữa các cam kết ngoại bảng (như bảo lãnh và thư tín dụng) với các khoản cho vay (bằng đồng nội tệ cũng như ngoại tệ) đối với các cá nhân và tổ chức thuộc các mức độ tin cậy khác nhau. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng đầu tư một phần vốn lưu động vào các chứng khoán đầu tư hay cho các ngân hàng khác vay. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức, đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao, cơ cấu bảng cân đối kế toán hợp nhất của SHB có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, SHB đã sử dụng có hiệu quả cầm nang tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của SHB. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi

ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. SHB thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của SHB đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép SHB giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

44. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

SHB kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức thanh toán tương ứng với mức độ rủi ro mà SHB có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực, khu vực địa lý, ngành nghề.

SHB đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

44.1 Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá

Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá trị của SHB bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư 228/2009/TT-BTC.

SHB đánh giá rằng SHB hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

44.2 Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá chủ yếu bao gồm các khoản cho vay khách hàng được SHB phân loại từ nhóm hai (2) đến nhóm năm (5) theo quy định của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN nhưng có đầy đủ tài sản đảm bảo, bao gồm bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác.

Ngoài ra các tài sản tài chính này còn bao gồm các khoản tiền gửi tại Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinsashin) và các khoản lãi phải thu liên quan. Các tài sản này sẽ được xử lý theo chủ trương chung của Chính phủ.

45. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

45.1 Rủi ro lãi suất

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của SHB:

- ▶ Tiền mặt, vàng bạc đá quý; góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản Có khác (bao gồm tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản Có khác) được xếp loại khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất.
- ▶ Tiền gửi tại NHNN Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại đến một tháng.
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
 - Các chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh là chứng khoán vốn được xếp vào khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất.
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam; các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá.
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục nguồn vốn tài trợ uỷ thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất của các khoản nợ khác được xếp vào khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất.

Đơn vị: triệu đồng

Phân loại tài sản và công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Thay đổi lãi suất trong khoảng thời gian					Tổng
	Không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 6 tháng	Từ 6 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	
Quá hạn	Đến 1 tháng					
Tài sản						
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	541.115	-	-	-	541.115
Tiền gửi tại NHNN	-	1.981.052	-	-	-	1.981.052
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	11.017.111	14.514.277	4.726.080	5.137	30.262.605
Chứng khoán kinh doanh	-	51.887	-	-	-	51.887
Cho vay khách hàng (*)	4.882.809	23.942.780	37.661.122	1.926.036	6.262.252	1.818.938
Chứng khoán đầu tư (*)	-	48.113	300.605	2.526.555	3.602.540	10.365.757
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	400.428	-	-	-	400.428
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	4.168.782	-	-	-	4.168.782
Tài sản Có khác (*)	2.021.926	9.769.072	-	501.318	224.012	43.320
Tổng tài sản	6.904.735	16.960.454	52.991.725	9.679.989	10.093.941	12.184.695
Nợ phải trả						
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	15.073.404	7.687.122	-	44.000	-
Tiền gửi của khách hàng	-	40.102.223	27.385.445	14.022.686	7.894.078	1.355.350
Các công cụ tài chính phải sinh và các công nợ tài chính khác	-	-	-	-	-	-
Vốn nhận tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	-	6.272	-	-	-	-
Phát hành giấy tờ có giá	-	5.698	463.371	-	279	1.518
Các khoản nợ khác	-	37.865	4.522.021	5.096.939	7.252.750	-
Tổng nợ phải trả	-	2.315.821	40.057.959	19.119.625	15.191.107	1.356.868
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	6.904.735	14.644.633	12.933.766	(9.439.636)	10.827.827	1.056.250

(*): không bao gồm dự phòng rủi ro

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của SHB cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	<u>Tăng/giảm điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến</u>	
		<u>Lợi nhuận trước thuế triệu đồng</u>	<u>Vốn chủ sở hữu triệu đồng</u>
VND quy đổi	+10	(14.272)	(10.704)
VND quy đổi	-10	14.272	10.704

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

45.2 Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

SHB được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của SHB cũng là VND. Các tài sản của SHB chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD và EUR. Tuy nhiên, một số tài sản khác của SHB lại bằng các đồng tiền khác ngoài VND, USD và EUR. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được SHB sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	EUR được quy đổi	USD được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	27.172	187.659	15.304	230.135
Tiền gửi tại NHNN	-	710.491		710.491
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	193.798	6.794.085	86.219	7.074.102
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	122.907	879.939		1.002.846
Cho vay khách hàng (*)	35.742	9.681.308	104.655	9.821.705
Chứng khoán đầu tư (*)		1.156.980		1.156.980
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư		15.678	8.779	24.457
Các tài sản Có khác (*)	1.349	461.301	134	462.784
Tổng tài sản	380.968	19.887.441	215.091	20.483.500
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác		4.436.627	43.396	4.480.023
Tiền gửi của khách hàng	349.741	10.112.028	20.664	10.482.433
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		7.321		7.321
Phát hành giấy tờ có giá		5.730.564		5.730.564
Các khoản nợ khác	2.061	155.912	2.828	160.801
Vốn và các quỹ		21.376	2.522	23.898
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	351.802	20.463.828	69.410	20.885.040
Trạng thái tiền tệ nội bảng	29.166	(576.387)	145.681	(401.540)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	(22.777)	509.603	-	486.826
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	6.389	(66.784)	145.681	85.286

(*): không bao gồm dự phòng rủi ro

Độ nhạy đối với tỷ giá

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của SHB đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD, EUR, v.v... Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của SHB là không đáng kể.

	<i>Tăng/giảm tỷ giá (%)</i>	<i>Ảnh hưởng đến</i>	
		<i>Lợi nhuận trước thuế triệu đồng</i>	<i>Vốn chủ sở hữu triệu đồng</i>
USD	5	(3.339)	(2.505)
EUR	5	319	240
Các ngoại tệ khác	5	7.284	5.463
USD	-5	3.339	2.505
EUR	-5	(319)	(240)
Các ngoại tệ khác	-5	(7.284)	(5.463)

45.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro SHB gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi SHB có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, SHB phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của SHB. Đồng thời, SHB cần có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. SHB cũng cần đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của SHB:

- ▶ Tiền gửi tại NHNN Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng.
- ▶ Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư là chứng khoán nợ được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.
- ▶ Chứng khoán kinh doanh được xếp vào loại kỳ hạn đến một (1) tháng.
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn. Ngoài ra, các khoản cho vay khách hàng được thể hiện bằng giá trị gốc không bao gồm dự phòng rủi ro.
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn năm (5) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định.
- ▶ Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.
- ▶ Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.

Phân loại tài sản và công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn		Trong hạn				Tổng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	
Tài sản							
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	541.115	-	-	-	541.115
Tiền gửi tại NHNN	-	-	1.981.052	-	-	-	1.981.052
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	10.948.700	14.165.313	5.078.592	-	30.262.605
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	51.887	-	-	-	51.887
Cho vay khách hàng (*)	4.168.276	714.533	6.084.639	10.184.790	21.562.982	21.679.391	76.509.671
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	348.718	816.326	6.129.095	10.365.757	18.663.851
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	400.428
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	3.618.631	295	3.794	289.273	4.168.782
Tài sản Có khác (*)	2.021.926	-	9.058.583	8.668	764.528	655.856	12.559.653
Tổng tài sản	6.190.202	714.533	32.633.325	25.175.392	33.538.991	32.990.277	145.139.044
Nợ phải trả							
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	15.073.404	7.687.122	44.000	-	22.804.526
Tiền gửi của khách hàng	-	-	40.052.269	27.435.449	21.916.775	1.355.350	90.761.017
Các công cụ TC phái sinh và các công nợ TC khác	-	-	6.272	-	-	-	6.272
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	-	-	5.698	13.775	159.219	281.827	476.390
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	37.865	4.522.021	12.349.689	-	16.909.575
Các khoản nợ khác	-	-	2.309.549	-	-	-	2.309.549
Tổng nợ phải trả	-	-	57.485.057	39.658.367	34.469.683	1.637.177	133.267.329
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	4.168.276	714.533	(24.851.732)	(14.482.975)	(930.692)	31.353.100	11.871.715

(*): không bao gồm dự phòng rủi ro

46. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Ngân hàng vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định liên quan của NHNN.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của SHB theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, các khoản tiền, vàng gửi tại NHNN Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác, các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- **Tài sản tài chính** được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, SHB xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà SHB có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- **Các khoản cho vay và phải thu:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà SHB có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là

tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được SHB xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

- b) Các khoản được SHB xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

▪ **Tài sản sẵn sàng để bán:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của SHB theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản nợ Chính phủ và NHNN, tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà SHB chịu rủi ro, các khoản giấy tờ có giá phát hành, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

▪ **Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, SHB xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

▪ **Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, SHB có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

46.1 Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính của SHB tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý
	Kinh doanh	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	-	-	541.115	541.115	541.115
Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	-	1.981.052	1.981.052	1.981.052
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	-	28.788.225	-	-	1.474.380	30.262.605	30.319.130
Chứng khoán kinh doanh	51.887	-	-	-	-	51.887	51.887
Cho vay khách hàng	-	-	76.509.671	-	-	76.509.671	79.354.997
Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	-	8.101.622	-	8.101.622	9.329.533
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	10.562.229	-	-	-	10.562.229	10.869.595
Góp vốn đầu tư dài hạn	-	-	-	400.428	-	400.428	400.428
Tài sản tài chính khác	-	2.790.576	5.505.603	-	-	8.296.179	9.364.654
	51.887	42.141.030	82.015.274	8.502.050	3.996.547	136.706.788	142.212.391
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-	2.119.145	2.119.145	2.119.844
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	20.685.381	20.685.381	20.793.156
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	90.761.017	90.761.017	92.944.406
Công cụ tài chính phái sinh	6.272	-	-	-	-	6.272	6.272
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	476.390	476.390	476.427
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	16.909.575	16.909.575	17.309.328
	6.272	-	-	-	130.951.508	130.957.780	133.649.433

(*): Do một số thông tin về giá trị hợp lý không có sẵn, số liệu trình bày ở bảng trên được sử dụng là giá trị sổ sách của Ngân hàng và công ty con. Giá trị sổ sách này được hạch toán theo các hướng dẫn của Bộ Tài chính và NHNN.

Đơn vị: triệu đồng

46.2 Tài sản tài chính đã cầm cố, thế chấp hoặc đã chuyển nhượng nhưng không đủ điều kiện dừng ghi nhận

Chi tiết các tài sản tài chính của SHB được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay hoặc đã chuyển nhượng theo các hợp đồng bán và mua lại chứng khoán với NHNN và các tổ chức tín dụng khác như sau:

	31 tháng 12 năm 2013		31 tháng 12 năm 2012	
	Giá trị ghi sổ triệu đồng	Nghĩa vụ có liên quan triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng	Nghĩa vụ có liên quan triệu đồng
Tín phiếu Kho bạc Nhà nước	2.890.462	2.890.462	900.000	900.000
Trái phiếu Chính phủ	397.000	397.000	5.612.939	3.715.939
Trái phiếu đô thị	50.000	50.000	50.000	50.000
	3.337.462	3.337.462	6.562.939	4.665.939

47. CAM KẾT VỐN VÀ THUÊ HOẠT ĐỘNG

	31/12/2013 triệu đồng	31/12/2012 triệu đồng
Các cam kết thuê hoạt động không thể hủy ngang	904.473	361.553
<i>Trong đó:</i>		
- đến hạn trong 1 năm	665.648	43.589
- đến hạn từ 2 đến 5 năm	207.970	210.635
- đến hạn sau 5 năm	30.855	107.329

48. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

49. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI KỲ KẾ TOÁN

	31/12/2013 <u>đồng</u>	31/12/2012 <u>đồng</u>
USD	21.036	20.828
EUR	29.036	27.566
GBP	34.902	33.689
CHF	23.704	22.847
JPY	201	243
SGD	16.685	17.046
AUD	18.797	21.678
HKD	2.694	2.690
CAD	19.806	20.964

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Liên
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Ninh Thị Lan Phương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Văn Lê
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2014



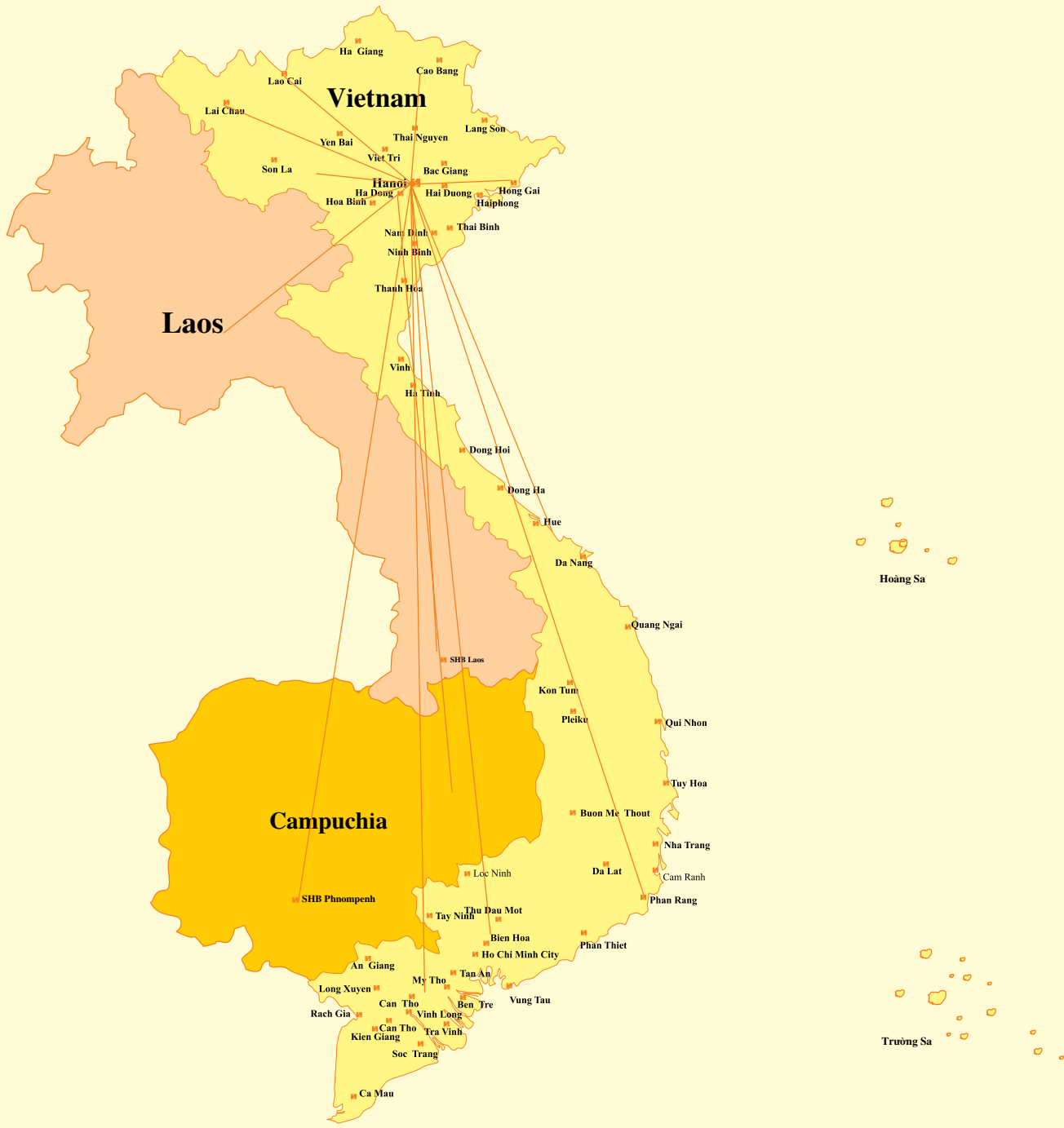




MẠNG LƯỚI SHB



X. MẠNG LƯỚI SHB



MẠNG LƯỚI CHI NHÁNH/ PGD/ QUỸ TIẾT KIỆM	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX
HÀ NỘI			
Trung tâm kinh doanh	Số 77 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội	(04) 3942 3388	(04) 3941 0944
Chi nhánh SHB Hà Nội	Số 49 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	(04) 6256 3666	(04) 6256 3616
Phòng GD Thái Hà	Số 17 Thái Hà, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	(04) 3275 4332	(04) 3275 4331
Phòng GD Giang Văn Minh	Số 34 - Giang Văn Minh, Quận Ba Đình, Hà Nội	(04) 3734 6439	(04) 3734 6440
Phòng GD Hoàng Quốc Việt	Số 335, Đường Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, TP. Hà Nội.	(04) 3269 0117	(04) 3269 0191
Phòng GD Hoàn Kiếm	Số 61 Hàng Cót, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, TP. HN	(04) 3927 5052	(04) 3927 5049
Phòng GD Bạch Mai	Số 181 phố Bạch Mai, phường Cầu Dền, Q.Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội	(04) 3622 8102	(04) 3622 8104
Phòng GD Trần Duy Hưng	Số 21B, đường Trần Duy Hưng, Trung Hoà,Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội	(04) 3556 1008	(04) 3556 1007
Phòng GD Điện Biên Phủ	Số 12 Điện Biên Phủ, quận Ba Đình, TP. Hà Nội	(04) 3273 0158	(04) 3273 0146
Phòng GD Nguyễn Văn Cừ	Số 184 Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên, TP. Hà Nội	(04) 3261 3688	(04) 3261 3686
Phòng GD Định Công	A15 Lô 9 Khu Đô thị mới Định Công, Hoàng Mai, TP Hà Nội	(04) 3640 1096	(04) 3640 1097
Phòng GD Minh Khai	Số 64B Minh Khai, Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	(04) 6278 1773	(04) 6278 1775
Phòng GD Khâm Thiên	Số 226 phố Khâm Thiên, P.Thổ Quan, Q. Đống Đa	(04) 62754840	(04) 62754850
Phòng GD Hoàng Mai	Số 1331 đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai	(04) 62884579	(04) 6288 4619
Phòng GD Lê Thanh Nghị	Số 121 phố Lê Thanh Nghị, P. Bách Khoa, Q. HBT	(04) 6278 4566	(04) 6278 4557
Phòng GD Mã Mây	Số 4 Mã Mây, Hoàn Kiếm, Hà Nội	(04) 62702070	(04) 62702071
Phòng GD Mê Linh	Khu 7, phố Yên, Tiến Phong, Mê Linh, Hà Nội	(04) 6276064	(04) 6276376
Phòng GD Bà Triệu	Số 86 Bà Triệu, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	(04) 3944 5440	(04) 3944 5441
Phòng GD Lạc Trung	Số 182 Lạc Trung Phường Vinh Tuy – Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	(04)6278 3934	(04)6278 3913
Chi nhánh SHB Thăng Long	Số 91 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, TP. Hà Nội	(04). 6 276 9189	(04)6279 6167
Phòng GD Đống Đa	Số 154 Đường Kim Liên – Ô Chợ dứa kéo dài, Q.Đống Đa, TP. Hà Nội	(04) 3273 2841	(04) 3273 2840
Phòng GD Từ Liêm	Số 18 thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, TP.Hà Nội	(04) 3287 7839	(04) 3287 7893
Phòng GD Cầu Giấy	Số 203 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	(04) 3269 2286	(04) 3269 2268
Phòng GD Kim Mã	Số 27 Đào Tấn, quận Ba Đình, Hà Nội	(04) 62736515	(04) 62736500
Phòng GD Tây Sơn	Số 350 Phố Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở, Q. Đống Đa, HN	(04) 62755302	(04) 62755304
Phòng GD Nguyễn Huệ	Số 185 Quang Trung, phường Quang Trung, Q. Hà Đông	(04) 6325 0150	(04) 6325 0152
Phòng GD Thanh Xuân	Toà nhà LILAMA 10, đường Lê Văn Lương kéo dài, Từ Liêm, TP.Hà Nội	(04) 35430809	(04) 35430407
Phòng GD Lạc Long Quân	Số 314, đường Lạc Long Quân, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội	(04) 62581495	(04) 62581492
Phòng GD Hồ Gươm	Số 8 Hàng Hành, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	(04) 62700420	(04) 62700423
Chi nhánh Ba Đình	Số 21 Láng Hạ, Q.Ba Đình, TP. Hà Nội	(04) 3 7264 363	(04) 37263 595
Phòng GD Nam Đồng	Số 61, Tây Sơn, Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	(04) 3 5335 112	(04) 35335 114
Phòng GD Nguyễn Thái Học	Số 166B, Thái Học, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	(04) 3 7349 001	(04) 37349 003
Phòng GD Vương Thừa Vũ	Số 95 Vương Thừa Vũ, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	(04) 3 5667 236	(04) 35667 237
Quỹ tiết kiệm Giảng Võ	114-A6, Giảng Võ, Ba Đình, HN	(04) 3 7264 459	(04) 37264 458
Phòng GD Kim Liên	Số 19 Lương Đình Của, P. Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	(04) 3 5772 731	(04) 35772 730
Phòng GD Thái Thịnh	Số 110, Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội	(04) 3 5380 974	(04) 35380 976
Chi nhánh Hàng Trống	Số 71B Hàng Trống, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội	(04) 3 9289 175	(04) 39289 262
Phòng GD Cửa Bắc	Số 28 Cửa Bắc, P. Trúc Bạch, Q. Ba Đình, Hà Nội	(04) 3 7153 742	(04) 37153 744
Chi nhánh Hàm Long	Số 67C Hàm Long, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội	(04) 3 9432 435	(04) 39432 436
Phòng GD Lò Đúc	Số 118 Lò Đúc, Đống Mác, Hai Bà Trưng, Hà Nội	(04) 3 972 8319	(04) 3972 8320
Phòng GD Ngô Thì Nhậm	Số 20, Ngô Thì Nhậm, Hai Bà Trưng, Hà Nội	(04) 3 944 9178	(04) 3944 9179
Phòng GD Chiến Thắng	Số 95C, Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	(04) 3 5160 570	(04) 3 5160 571

Phòng GD Triệu Việt Vương	51 Triệu Việt Vương - Hai Bà Trưng - Hà Nội	(04) 3 9746 295	(04) 3 9746 296
Chi nhánh Thanh Quan	Số 43 Hàng Đông, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	(04) 3 8258 92	(04) 3 8258 745
Phòng GD Việt Hưng	Số 106 - 108 nhà K9 KĐT mới Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	(04) 3 6524 611	(04) 3 6524 612
Phòng GD Long Biên	Số 247 Nguyễn Văn Cừ, Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	(04) 3 8736 269	(04) 3 8736 272
Quý tiết kiệm Cửa Đông	Số 95 Lý Nam Đế, Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	(04) 3 7475 911	(04) 3 7475 913
Quý tiết kiệm Tứ Liên	Số 180 A đường Âu Cơ, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, Hà Nội	(04) 3 7101 259	(04) 3 7101 261
Chi nhánh Tây Hà Nội	Số 101, Lô C, Khu D5, Nguyễn Phong Sắc, Cầu Giấy, Hà Nội	(04) 6 2690 530	(04) 6 2690 531
Phòng GD Mỹ Đình	Tầng 1, Nhà A4, khu đô thị Mỹ Đình I, Từ Liêm, HN	(04) 2 2213 636	(04) 2 2213 639
Phòng GD Trần Đăng Ninh	Số 249, Trần Đăng Ninh, Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	(04) 3 7931 891	(04) 3 7931 896
Phòng GD Xuân Thủy	Tòa nhà H.I.T.C số 239 Xuân Thủy, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	(04) 3 7684 621	(04) 3 7684 622
Phòng GD Nguyễn Trãi	Số 472, Nguyễn Trãi, tổ 38, P.Thanh Xuân Trung, Q.Thanh Xuân, Hà Nội	(04) 3 5574 361	(04) 3 5574 362
Chi nhánh Tây Nam Hà Nội	Số 252 Hoàng Quốc Việt, xã Cổ Nhuế, H. Từ Liêm, Hà Nội	(04) 3 7560 650	(04) 3 7563 120
Phòng GD Nguyễn Khánh Toàn	Số 14- Nguyễn Khánh Toàn, P. Quan Hoa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	(04) 3 7480 741	(04) 3 7480 740
Phòng GD Cầu Diễn	Số 114 Đường Hồ tùng mật, tổ 12 thị trấn cầu diễn	(04) 3 7631 511	(04) 3 7631 512
Phòng GD Nghĩa Đô	Số 343 Lạc Long Quân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	(04) 3 7591 518	(04) 3 7591 519
Quý tiết kiệm Xuân Đình	Số 320 đường Xuân Đình, thôn Trung, xã Xuân Đình, Từ Liêm, Hà Nội	(04) 3 7502 581	(04) 3 7502 583
Chi nhánh Vạn Phúc	Số 34 - 36 phố Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội.	(04) 3 7262 025	(04) 3 7262 236
Phòng GD Đội Cấn	Số 355, Phố Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội	(04) 3 2321 834	(04) 3 2321 835
Phòng GD Thăng Lợi	Số 190, Thái Hà, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	(04) 3 5380 448	(04) 3 5380 450
Quý tiết kiệm Thành Công	Số 60 phố Hoàng Văn Thái , phường Khương Mai, Q.Thanh Xuân, Hà Nội	(04) 3 6401 970	(04) 3 6401 971
Phòng GD Hoàng Cầu	Lô 8/100 Hoàng Cầu - Ô Chợ Dừa - Đống Đa - Hà nội	(04) 3 5134 703	(04) 3 5134 705
Phòng GD Tôn Đức Thắng	Số 184, Tôn Đức Thắng, P. Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội	(04) 3 5133 201	(04) 3 5133 203
Chi nhánh Hàn Thuyên	Số 11 Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hổ, Q. Hai Bà Trưng, HN	(04) 3 6248 028	(04) 3 6248 029
Phòng GD Linh Đàm	Số 2 TT6M3 Bắc Linh Đàm, Nguyễn Hữu Thọ, Đại Kim, Q. Hoàng Mai, HN	(04) 3 5401 125	(04) 3 5401 126
Phòng GD Bách Khoa	Tầng 1, Lô 8C Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội	(04) 3 8684 146	(04) 3 8684 147
Quý tiết kiệm Trương Định	Số 594 phố Trương Định, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội	(04) 3 6617 687	(04) 3 6617 690
Quý tiết kiệm Lê Trọng Tấn	Số 172, Lê Trọng Tấn, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	(04) 3 5667 821	(04) 3 5667 823
CNTrung Hòa Nhân Chính	Tầng 1, Tòa 17T1, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Cầu Giấy, Hà Nội	(04) 6 2815 158	(04) 6 2815 159
Phòng GD Khương Trung	Số 243, Phố Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	(04) 3 5683 347	(04) 3 5683 348
Phòng GD Trung Yên	Số 08 lô 12A, Trung Yên, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	(04) 3 7833 635	(04) 3 7833 634
Chi nhánh Hà Đông	Số 46 dãy A, Lô TT17 Khu đô thị Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội	(04) 3 3546 511	(04) 3 3546 513
Quý tiết kiệm Vạn Phúc	Khối 7, Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	(04) 3 3119 096	(04) 3 3119 098
Phòng GD Quang Trung	Số 341, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	(04) 3 3551 510	(04) 3 3551 512
LÀO CAI			
Chi nhánh Lào Cai	Số 009, đường Cốc Lếu, phường Cốc Lếu, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai	(020) 3899696	(020) 3899 695
PGD Phố Mới	Số 309 đường Nguyễn Huệ, phường Phố Mới, TP. Lào Cai, Lào Cai	(020) 3 899 698	(020) 3899 697
LẠNG SƠN			
Chi nhánh Lạng Sơn	Số 41 đường Lê Lợi, phường Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn, Lạng Sơn	(025) 3898222	(025) 3898 212
Phòng GD Hữu Lũng	Số 17 đường Xương Giang, An Ninh, thị trấn Hữu Lũng, Lạng Sơn	(025) 3 882 818	(025) 3 882 828
VĨNH PHÚC			
Chi nhánh Vĩnh Phúc	Số 361 đường Mê Linh, P.Liên Bảo, TP.Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	(0211) 3 710 145	(0211) 3710 146
Phòng GD Phúc Yên	Số 65 đường Trần Hưng Đạo, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	(0211) 3 711 697	(0211) 3711 698
BẮC NINH			
Chi nhánh Bắc Ninh	Ngã 6, phường Đại Phúc, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	(0241) 3874636	(0241) 3874959
Chi nhánh Từ Sơn	Đường Lý Thái Tổ, phường Đông Ngàn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	(0241) 3 743 036	(0241) 3742 444

Phòng GD Số 1	Số 648 đường Ngô Gia Tự, P.Ninh Xá, Thị xã Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	(0241) 3 895 339	(0241) 3895 338
Phòng GD Số 2	Số 115, Khu 6, Phường Thị Cầu, TP. Bắc Ninh	(0241) 3 852 668	(0241) 3852 588
HƯNG YÊN			
Chi nhánh SHB Hưng Yên	Phố Bản Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	(0321) 3742 688	(0321) 3742886
Phòng GD Phố Hiến	Số 27 đường Nguyễn Văn Linh, phường An Tảo, TP. Hưng Yên, Hưng Yên	(0321) 3518 588	(0321) 3518 586
Phòng GD Như Quỳnh	Số 81, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	(0321) 3985 588	(0321) 3985 568
Phòng GD Dân Tiến	Số 68 quốc lộ 39A, thôn Yên Lịch, xã Dân Tiến, Khoái Châu, Hưng Yên	(0321) 3714 688	(0321) 3714 189
Phòng GD Lương Bằng	Quốc lộ 39A, thôn Lương Hội, TT Lương Bằng, Kim Động, Hưng Yên	(0321) 3615555	(0321) 3615556
QUẢNG NINH			
Chi nhánh SHB Quảng Ninh	Số 488 Trần Phú-Cẩm Phả-Quảng Ninh.	(033) 3723 855	(033) 3723 866
Phòng GD Hạ Long	Số 66 phố Trần Hưng Đạo, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	(033) 3518 299	(033) 3518 399
Phòng GD Cửa Ông	Số 277, phố Mới, Phường Cửa Ông, Thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.	(033) 3734 991	(033) 3734 992
Phòng GD Uông Bí	Toà nhà Sông Sinh, tổ 43A khu 12, Quang Trung, thị xã Uông Bí, QN	(033) 3566 111	(033) 3566 222
Phòng GD Hồng Hải	Số 168, Tổ 2, Khu 4, Hồng Hải, TP. Hạ Long, Quảng Ninh	(033) 3556 833	(033) 3556 933
Phòng GD Vân Đồn	Khu 5, Thị trấn Cái Rồng, Vân Đồn, Quảng Ninh	(033) 3993 929	(033) 3993 939
Phòng GD Cẩm Tây	Số 25, Tổ 74 đường Trần Phú, Phường Cẩm Tây, TX. Cẩm Phả, QN	(033) 3964 466	(033) 3964 488
Phòng GD Bãi Cháy	Số 19 đường Hạ Long, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, Quảng Ninh	(033) 3845 833	(033) 3846 833
Phòng GD Mạo Khê	Số 68A, Tổ 6, khu Hoàng Hoa Thám, Thị trấn Mạo Khê, Đông Triều, QN	(033) 3585 555	(033) 3586 666
Phòng GD Móng Cái	Số 4, đường Hùng Vương, phường Hòa Lạc, TP. Móng Cái, Quảng Ninh	(033) 3779 266	(033) 3779 366
Phòng GD Cao Thắng	Số 355 Đường Cao Thắng, Phường Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh	(033) 3615 585	(033) 3615 595
Phòng GD Quang Hanh	Tổ 9, khu 4B, phường Quang Hanh, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	(033) 3968 116	(033) 3968 119
Phòng GD Bạch Đằng	Số 58, phố Kim Hoàn, phường Bạch Đằng, Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	(033) 3615 866	(033) 3615 886
Phòng GD Hòa Bình	Số 109 đường Trần Phú, TP Móng Cái, Quảng Ninh	(033) 3882 319	(033) 33881 319
Chi nhánh Hòn Gai	Toà nhà SHBank, Số 18, Đường 25/4, P.Bạch Đằng, Hạ Long, QN	(033) 3 811 800	(033) 3 628 822
Phòng GD Cầu Sến	Số 363,365 Cầu Sến Phương Đông, Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	(033) 3 562 390	(033) 3 562 391
Phòng GD số 2	Toà nhà Bảo Minh, Đường Trần Hưng Đạo, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	(033) 3 628 811	(033) 3 658 902
Phòng GD số 1	Tổ 15 khối I, P. Bạch Đằng, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	(033) 3 623 006	(033) 3 623 053
HẢI PHÒNG			
Chi nhánh SHB Hải Phòng	Toà nhà DG Tower - Số 15 Trần Phú, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	(031) 3652 668	(031)3652 669
Phòng GD Kiến An	Số 99 Trần Thành Ngọ, Quận Kiến An, TP Hải Phòng	(031)3541668	(031)3541669
Phòng GD Lạch Tray	Số 458 đường Lạch Tray, Phường Đằng Giang, Q.Ngô Quyền, Hải Phòng	(031) 3733885	(031)3733884
Phòng GD Sông Cấm	Số 282 đường Đà Nẵng, phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng.	(031) 3796 958	(031) 3796959
Phòng GD Quán Toan	Số 09, đường Hải Triều, phường Quán Toan, Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	(031) 3534 778	(031) 3534 998
Phòng GD Quý Kim	Khu Quý Kim, đường Phạm Văn Đồng, P. Hợp Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	(031) 3562 668	(031) 3562 669
Phòng GD Tô Hiệu	Số 303 phố Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng	(031) 3.956 909	(031) 3.956 908
Phòng GD Văn Cao	Số 125 phố Văn Cao, phường Đằng Giang, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	(031) 3.261 789	(031) 3.261 799
Phòng GD Niệm Nghĩa	Số 266 phố Trần Nguyên Hãn, phường Niệm Nghĩa,	(031) 3786938	(031) 3786939
Chi nhánh Hồng Bàng	Số 12 Trần Quang Khải, Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	(031) 3 810 971	(031) 3 810 972
Phòng GD Thủy Nguyên	số 22 Bạch Đằng, TT Núi Đèo, Thủy Nguyên, Hải Phòng	(031) 3916 880	(031) 3916 884
Phòng GD Đằng Giang	Số 16 Phố Lãn Ông, P.Phan Bội Châu, Q.Hồng Bàng, TP. Hải Phòng;	(031) 3733 981	(031) 3733 982
Phòng GD Đông Hải	số 324, Đà Nẵng, Đoàn Xá1 , Đông Hải, Hải An, Hải Phòng	(031) 3567 977	(031) 3567 866
Phòng GD Ngô Quyền	Số 23, Điện Biên Phủ, Ngô Quyền, Hải Phòng	(031) 3 652 085	(031) 3 652 086
Chi nhánh Lê Chân	Số 69 Trần Nguyên Hãn, Q.Lê Chân, TP. Hải Phòng	(031) 3 719 400	(031) 3 719 401
Quy Tiết Kiệm Lê Duẩn	Số 20 Lê Duẩn, tổ 52 phường Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng	(031) 3576 968	(031) 3576 228
THANH HÓA			

Chi nhánh Thanh Hóa	Số 02 Phan Chu Trinh, P.Điện Biên, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa	(037) 3855111	(037) 3752555
Phòng GD Lam Sơn	311-313 Trần Phú, phường Ba Đình, Thanh Hóa	(037) 3728567	(037) 3717111
Phòng GD Hạc Thành	Số 228 đường Nguyễn Trãi, P. Ba Đình, TP.Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	(037) 38886111	(037) 38886222
NGHỆ AN			
Chi nhánh SHB Nghệ An	Số 58 Lê Lợi, P. Hưng Bình, TP. Vinh, Nghệ An	(038) 356 0388	(038)356 0399
Phòng GD Hồ Tùng Mậu	Số 9 Hồ Tùng Mậu, TP. Vinh	038.860 0146	038.860 0144
Phòng GD Thái Phiên	Số 86 Thái Phiên - Vinh - Nghệ An	038.860 0148	038.860 0149
Phòng GD Thái Hòa	Khối 250, P. Quang Tiến, Thị xã Thái Hòa	038. 8740063	038. 8740065
Phòng GD Diễn Châu	Khối 4, TT. Diễn Châu, H. Diễn Châu, Nghệ An	038. 3623 766	038. 3623 768
Phòng GD Quán Bàu	Tầng 1, Trung tâm thương mại CK Plaza - Số 3A, Nguyễn Trãi, Quán Bàu, TP.Vinh	(038) 3515 296	(038) 3515 298
Phòng GD Quỳnh Lưu	Khối 1, TT Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An	(038) 8649 234	(038) 8649 456
Phòng GD Đô Lương	Khối 7, TT Đô Lương, huyện Đô Lương, Nghệ An	(038) 3711 252	(038) 3711254
Phòng GD Nghi Lộc	K.4 TT Quán Hành - Nghi Lộc - Nghệ An	(038) 3611 990	(038) 3611992
HUẾ			
Chi nhánh Huế	Số 28 Lý Thường Kiệt, P.Vinh Ninh, TP. Huế, Thừa Thiên Huế	(054) 3966688	(054) 3944666
ĐÀ NẴNG			
Chi nhánh SHB Đà Nẵng	Số 89 Nguyễn Văn Linh, Phường Nam Dương, Hải Châu, Đà Nẵng	(0511) 3854 397	(0511) 3655399
Phòng GD Sông Hàn	Số 1021 đường Ngô Quyền, P. An Hải Đông, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng	(0511) 3936 963	(0511) 3936965
Phòng GD Hòa Khánh	Số 731 Tôn Đức Thắng, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.	(0511)3737 666	(0511) 3737955
Phòng GD Thanh Khê	Lô số 173 đường Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê, Quận Liên Chiểu, ĐN.	(0511)3.773.773	(0511)3773.774
Phòng GD Hải Châu	Số 240 Ông Ích Khiêm, phường Tân Chính, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng	(0511)3.575.859	(0511)3575.858
Phòng GD Nguyễn Chí Thanh	Số 267 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, ĐN	(0511) 3.838384	(0511) 3838385
Phòng GD Núi Thành	Số 59 Núi Thành, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	(0511) 3.780777	(0511) 3.780778
Chi nhánh Tây Đà Nẵng	Số 250 Lê Duẩn, Phường Tân Chính, Q.Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	(0511) 3 911 888	(0511) 3911886
Phòng GD Hùng Vương	Số 37 Hùng Vương, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	(0511) 3 849 998	(0511) 3 849 996
Phòng GD Lê Đình Dương	K104A/2 Lê Đình Dương, Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	(0511) 3 539 789	(0511) 3 539 788
QUẢNG NAM			
Chi nhánh SHB Quảng Nam	Số 215 đường Phan Bội Châu, Tân Thạnh, TP.Tam Kỳ, Quảng Nam	(0510) 3815888	(0510) 3815777
Phòng GD Hội An	Số 130 Nguyễn Trường Tộ, phường Cẩm Phô, TP. Hội An, Quảng Nam.	(0510) 3911 837	(0510) 3911 836
Phòng GD Điện Bàn	Tổ 3, khối phố 1, Thị trấn Vĩnh Điện, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	(0510) 3949990	(0510) 3949989
KHÁNH HÒA			
Chi nhánh SHB Khánh Hòa	Số 175-177 Thống Nhất, Phường Sài, Nha Trang, Khánh Hòa.	(058) 3828777	(058) 3828766
Phòng GD Vĩnh Phước	Số 78Đ đường 2 tháng 4, phường Vĩnh Phước, TP. Nha Trang, Khánh Hòa	(058) 3541179	(058) 3541122
Phòng GD Ninh Hoà	Số 44 đường Nguyễn Huệ, thị trấn Ninh Hoà, huyện Ninh Hòa, Khánh Hoà	(058) 363 5000	(058) 363 5006
Phòng GD Vạn Ninh	Số 324 Hùng Vương, TT Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà	(058) 3913978	(058) 3913989
Phòng GD Cam Ranh	Đại lộ Hùng Vương, Khóm 5, phường Cam Lợi, TP. Cam Ranh, Khánh Hoà	(058) 3956766	(058) 3955828
LÂM ĐỒNG			
Chi nhánh SHB Lâm Đồng	Số 147 đường Ba Tháng Hai - phường 1 - TP Đà Lạt.	(063) 3512251	(063) 3512000
Phòng GD Đức Trọng	Số 289 đường Thống Nhất, TT. Liên Nghĩa, H. Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	(063) 3651001	(063) 3651000
Phòng GD Bảo Lộc	Số 451-453 Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	(063) 3723724	(063) 3864864
GIA LAI			
Chi nhánh SHB Gia Lai	Số 6 Hoàng Văn Thụ, phường Diên Hồng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai.	(059) 3828333	(059)3828499
Phòng GD Biển Hồ	Số 572, Phạm Văn Đồng, phường Đồng Đa, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai	(059).3866969	(059).3867788
Phòng GD Chư Sê	Số 818 đường Hùng Vương, TT Chư Sê, Gia Lai	(059). 3886067	(059). 3886059
TP. HỒ CHÍ MINH			
Chi nhánh SHB TP.HCM	Số 41-43-45 Pasteur, Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.	(08) 3821 1112	(08) 3823 0204

Phòng GD Chợ Lớn	Số 18 Châu Văn Liêm, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh	(08) 3853 7081	(08) 3859 0379
Phòng GD Bình Thạnh	Số 179-181 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Q.Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh	(08) 3514 4233	(08) 3514 4235
Phòng GD Hòa Hưng	Số 50, Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.	(08) 3868 070	(08) 3868 0709
Phòng GD Gò Vấp	Số 273 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	(08) 3989 1326	(08) 3989 7327
Phòng GD Nguyễn Thị Định	Số 240B-C Nguyễn Thị Định, phường An Phú, TP.HCM	(08) 3747 1213	(08) 3747 1214
Phòng GD CMT8	Số 197A-197B-197/1 Cách mạng tháng 8, phường 4, quận 3, TP.HCM	(08) 3930 8520	(08) 3930 8522
Phòng GD Tân Phú	871 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, TP.HCM	(08) 3813 0631	(08) 3813 0632
Phòng GD An Đông	Số 87-87C-89, đường Nguyễn Duy Dương, phường 9, Quận 5, TP. HCM	(08) 39755852	(08)39755853
Phòng GD Hoàng Văn Thụ	Số 77B Hoàng Văn Thụ, P15, Q. Phú Nhuận, TP. HCM	(08) 38443140	(08) 38443150
Phòng GD Nguyễn Thị Thập	Số 378 Nguyễn Thị Thập, Phường Tân Quy, Quận 7, TP. HCM	(08) 37752997	(08) 37752998
Phòng GD Nguyễn Thiện Thuật	Số 123-125 Nguyễn Thiện Thuật, P2, Q3	(08) 38333988	(08) 38333959
Phòng GD Phú Lâm	Số 867-869 đường Hồng Bàng, P9, Q.6, TP. HCM	(08) 39698878	(08) 39698879
Phòng GD Cộng Hòa	Số 502-504 đường Cộng Hòa, phường 13, Q. Tân Bình, TP. HCM	(08) 38495779	(08) 38495277
Phòng GD Tân Bình	122/85 Phạm Văn Hai, phường 2, quận Tân Bình, TP. HCM	(08) 39914718	(08) 39914719
Phòng GD Nguyễn Văn Nghi	Số 140, Trưng Nữ Vương, phường 4, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	(08) 38954838	(08) 3854839
Phòng giao dịch - Gia Định	Số: 561-563, đường Hồng Bàng, Phường 14, Quận 5. TP. HCM	(08) 3 8590 864	(08) 3 8590 867
Chi nhánh Sài Gòn	Lô H3, Đường Hoàng Diệu, P.6, Q.4, TP.Hồ Chí Minh	(08) 3 9434 224	(08) 39434 299
Phòng GD Nguyễn Thái Sơn	Số 2A, Nguyễn Thái Sơn, P.3, Q.Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh	(08) 3 9940 795	(08) 3 9940 798
Phòng GD Bến Thành	Số 130 Ký Con, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM	(08) 3 9147 240	(08) 3 9147 242
Phòng GD Âu Cơ	Số 142 Âu Cơ, Phường 9, Quận Tân Bình, TP.HCM	(08) 3 9752 224	(08) 3 9752 223
Phòng GD Trường Chinh	Số 852 Trường Trinh, P15, Q. Tân Bình - TP. HCM	(08) 3 8156 364	(08) 3 8156 369
Chi nhánh SHB Phú Nhuận	Số 127 Trần Huy Liệu, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	(08). 3844 3140	(08)3844 3180
Phòng GD Bình Điền	TT Thương mại Bình Điền, Đại lộ Nguyễn Văn Linh, Khu phố 6, P.7, Q.8, HCM	(08) 3 7590 182	(08) 3 7590 181
Quỹ tiết kiệm Phú Mỹ	Tầng trệt, khu Broadway, lô c4-2, 152 Nguyễn Lương Bằng, Tân Phú, Q.7, HCM	(08) 5 4171 228	(08) 5 7171 227
BÌNH DƯƠNG			
Chi nhánh Bình Dương	Số 302, khu 01, Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	(0650) 3834101	(0650) 3834100
Phòng GD Thủ Dầu Một	Số 339 đường Cách Mạng tháng 8, P.Phú Cường, TX. Thủ Dầu Một, Bình Dương	(0650) 3834 284	(0650) 3834283
Phòng GD Sóng Thần	Số 6/31, Đại lộ Độc lập, Ấp Nhị Đồng, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	(0650) 3793 344	(0650) 3793346
Phòng GD Bến Cát	Số 181 đường Hùng Vương, KP1, TT. Mỹ Phước, H. Bến Cát, tỉnh Bình Dương	(0650) 3556348	(0650) 3556346
Phòng GD Tân Phước Khánh	Số 104, tổ 5, đường ĐH 747, Khánh Thạnh, Tân Phước Khánh, Tân Uyên, BD	(0650) 3612522	(0650) 3612520
Phòng GD Phước Vinh	Số 135, Khu phố 1, TT. Phước Vinh, H. Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	(0650) 3674996	(0650) 3674995
Phòng GD Sỏ Sao	Số 1476, Đại lộ Bình Dương, P. Định Hòa, TX. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	(0650)3 884835	(0650)3 884834
Phòng GD Thuận An 550	Số 20, ấp Đồng An 3, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	(0650) 3765305	(0650) 3765304
Chi nhánh Sông Bé	Số 351 Đại lộ Bình Dương, Phú Thọ, Thủ Dầu Một, Bình Dương	(0650)6250 801	(0650)3813401
Phòng GD Tân Uyên	Xã Tân Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	(0650) 3 622 201	(0650) 3 622 204
Phòng GD Dĩ An	Khu phố Bình Minh, thị trấn Dĩ An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	(0650) 3 779 361	(0650) 3 779 364
ĐỒNG NAI			
Chi nhánh SHB Đồng Nai	Số 10-11, Nguyễn Ái Quốc, KP 8, P. Tân Phong, TP. Biên Hoà, ĐN	(061) 8871 666	(061) 8871 670
Phòng GD Long Thành	Số 1/2 QL 51A, Khu Phước Hải, TT. Long Thành, tỉnh Đồng Nai	(061) 3501696	(061) 3501698
Phòng GD Trảng Bom	Số 210-210B ấp Thanh Hóa, xã Hồ Nai 3, H. Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	(061) 8889179	(061) 8889199
Phòng GD Hồ Nai	Số 28/5 Quốc lộ 1A, khu phố 1, phường Tân Biên, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai	(061) 3880913	(061) 3880915
Phòng GD Tam Hiệp	Số 197/2, Phạm Văn Thuận, khu phố 4, P.Tam Hiệp, TP. Biên Hoà, Đồng Nai	(061) 8822579	(061) 8822578
Phòng GD Đồng Khởi	Số 93/48/1B, Đồng Khởi, khu phố 8, P.Tân Phong, TP. Biên Hoà, Đồng Nai	(061) 3897971	(061) 38897973
Phòng GD Long Bình Tân	Số 7-8C, Quốc lộ 51, khu phố 1, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hoà, Đồng Nai	(061) 8.826937	(061) 8.826939
Phòng GD Biên Hòa	Số 15-17, đường 30/4, P.Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	(061) 3942607	(061) 3843787
Phòng GD Gia Kiệm	Ấp Tây Nam, xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	(061) 3777111	(061) 3777333

VŨNG TÀU			
Chi nhánh SHB Vũng Tàu	12G3 Khu TT Thương mại, Nguyễn Thái Học, P.7, Tp Vũng Tàu	(064) 3577676	(064) 3577686
BÌNH PHƯỚC			
Chi nhánh Bình Phước	Số 372 Quốc lộ 14, P.Tân Đông, TX.Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	(0651) 3 838 123	(0651) 3 838 126
Phòng GD Phước Bình	Số 46, đường ĐT 741, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước	(0651).3713979	(0651).3713989
LONG AN			
Chi nhánh Long An	Số 98-100 Hùng Vương, phường 2, TP.Tân An, tỉnh Long An	(072) 3 567 567	(072) 3 567 667
CẦN THƠ			
Chi nhánh SHB Cần Thơ	Số 138 đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ.	(0710) 3838389	(0710) 3839987
Phòng GD Bình Thủy	Số 17/9 đường Lê Hồng Phong, P. Bình Thủy, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	(0710) 3887 570	
Phòng GD Phan Đình Phùng	Số 42A Phan Đình Phùng, Phường Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	(0710) 3812 518	
Phòng GD Xuân Khánh	B9 đường 30/4, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	(0710) 3751 194	
Phòng GD Phong Điền	Số 341- 342 Thị Trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ	(0710) 3850 214	(0710) 3944 456
Phòng GD Thạnh An	Số 71A -Quốc Lộ 80, Thị Trấn Thạnh An, Huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ	(0710) 3856 516	(0710) 3652 841
Phòng GD Trần Phú	2 Bis đường Trần Phú, P. Cái Khế, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	(0710) 3762 093	
Phòng GD Thốt Nốt	Số 72 đường Nguyễn Thái Học, P.Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.	(0710) 3611 718	(0710) 3611 718
Phòng GD An Hòa	Số 179 Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	(0710) 3895688	(0710) 3895677
KIẾN GIANG			
Chi nhánh SHB Kiên Giang	Số 02 Trần Phú, phường Vĩnh Thạnh, TP. Rạch Giá, Kiên Giang	(077) 3.947303	(077)3947313
Phòng GD Tân Hiệp	Số 05 Quốc lộ 80, Khóm B, Thị Trấn Tân Hiệp, Huyện Tân Hiệp, Tỉnh Kiên Giang	(077) 3727 161	(077) 3727 678
Phòng GD Sóc Sơn	Số 657, quốc lộ 80, ấp thị tứ, thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	(077) 3628 888	(077) 3742 666
AN GIANG			
Chi nhánh SHB An Giang	Số 6-8 Nguyễn Huệ A, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, An Giang	(076) 3940 309	(076) 3941 969
Phòng GD Châu Đốc	Số 40, Nguyễn Hữu Cảnh, khóm 5, P.Châu Phú A, TX.Châu Đốc, An Giang	(076) 3575679	(076) 3575689
Phòng GD Mỹ Quý	Số 17/7B Quốc lộ 91, Khóm Mỹ Quý, P.Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	(076) 3911345	(076) 3911456
Phòng GD Bình Khánh	608B/31 Trần Hưng Đạo, khóm Bình Khánh 2, Bình Khánh, TP. Long Xuyên, AG	(076) 3951456	(076) 3951468
THÁI BÌNH			
Chi nhánh SHB Thái Bình	Số 431 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, TP Thái Bình	(036)6278555	(036)6252626
TIỀN GIANG			
Chi nhánh SHB Tiền Giang	số 210, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, TP.Mỹ Tho, Tiền Giang.	(073) 3877 789	(073) 3877 669
TUYÊN QUANG			
Chi nhánh Tuyên Quang	Số 138 Nguyễn Trãi, tổ 14, Tân Quang, TP Tuyên Quang, TQ	(027) 3827 579	(027) 3827 588
THÁI NGUYÊN			
Chi nhánh Thái Nguyên	TT Chợ Minh Cầu, số 2, Minh Cầu, Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên	(0280) 3655588	(0280) 3756866
ĐỒNG THÁP			
Chi nhánh SHB Đồng Tháp	Số 193-195 đường Hùng Vương, phường 2, Cao Lãnh, Đồng Tháp		
NINH BÌNH			
Chi nhánh SHB Ninh Bình	Số 55 Trần Hưng Đạo, Đông Thành, TP Ninh Bình, Ninh Bình	(030) 3888 542	(030) 3888 543
SÓC TRĂNG			
Chi nhánh SHB Sóc Trăng	Số 2 Trần Hưng Đạo, phường 2, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	(076)3819888	(076)3819666
VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA			
Chi nhánh SHB Phnompenh Campuchia	Số 707 - 713, Monivong blvd, Phnom penh, Campuchia	(00855) 23 221 900	(00855) 23 224 151
Chi nhánh cấp II Kam-pongthom	Số 211, quốc lộ 6, làng Kampong Thom, phường Kampong Rotes, TP Stoeung Sen, tỉnh Kampong Thom, Campuchia		
CHDCND LÀO			
Chi nhánh SHB Lào	Lô 336, 337, 338 tại Tòa nhà New Market, Thôn Phonekung, Huyện Pakse, Tỉnh Champasack, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	856-31 213 979	856-31 257 157

